

Xuân Kỷ Sửu 2009

Tiền còn lại sau khi in số báo Xuân Mậu Tý	\$ 1583.00
Đạo hữu Lâm ủng hộ	10.00
Tuấn Lê (Lime& Basil Restaurant) ủng hộ thêm	100.00
Đạo hữu Bảo Quyên ủng hộ	10.00
Tổng cộng:	\$ 1703.00
Jan 29/08 Mua 1 máy in CD/DVD như dự định:	\$ - 1200.00
Còn lại :	\$ 503.00

Thu quảng cáo cho số báo Xuân Kỷ Sửu :

1) Vạn Lợi	\$ 50.00
2) Lime & Basil Restaurant.....	100.00
3) Việt Video	100.00
4) Majestic Nail Supply	100.00
5) Đạo hữu Sinh (Cẩm Tạ)	100.00
6) Đạo hữu Kim Nga (ủng hộ)	50.00
Tổng cộng thu:	\$ 500.00
Tổng Kết số tiền trước khi in báo Xuân Kỷ Sửu: \$503.00 + 500.00= \$1003.00	

Năm nay nhờ duyên lành, đạo hữu Sophie Crenshaw Lương Huyền Quang (Arts for the Soul-Custom Fine Arts Gallery, Matthews, NC) phát nguyện In giúp master copy và những ấn bản đặc biệt, phần còn lại sẽ được Thầy Quảng Huân đảm trách. Mọi chi phí sẽ được đăng ở đặc san Xuân năm tới .

Xin trân trọng cảm tạ tất cả quý vị ủng hộ ĐS Xuân chùa Quan Âm qua việc đăng quảng cáo, cũng như mọi sự đóng góp công đức của tất cả đại chúng giúp cho Đặc San Xuân Kỷ Sửu chùa Quan Âm Ngàn Tượng được hoàn tất tốt đẹp.

Kính chúc tất cả quý vị thân tâm thường an lạc

Trân trọng,
Nguyễn Định

**CHÚC MỪNG NĂM MỚI
NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH HOAN HỖ DI LẠC TÔN PHẬT**

Kính bạch Chư Tôn Đức Giáo Phẩm Tăng Ni,
Kính thưa quý Đồng Hương và Đồng Bào Phật tử,

Mỗi độ xuân về là một mùa xuân mới, hoa xuân đua nở đón mừng xuân, Đùng tương xuân đi là mất hết, trước chùa trong tuyết Phật ngồi yên. Con dân nước Việt khắp năm châu hân hoan đón mừng Tết truyền thống Dân Tộc. Trong niềm vui chung, người Phật tử chúng ta mừng Xuân Vạn Hạnh với nụ cười thương yêu hoan hỷ của Đức Phật Di Lạc, chúng ta hướng về quê hương tổ quốc tổ lòng chân thành cầu nguyện biết ơn Tổ Tiên, Ông Bà, Thầy Tổ, Cha Mẹ, Chư Anh Linh Chiến Sĩ Quốc Gia đã đem tâm huyết dày công xây dựng tô bồi non nước Việt.

Chúng con xin phép được thay mặt Chư Tăng Ni Phật Tử Trung Tâm Vạn Hạnh, Centreville Virginia, Chùa Quan Âm Ngàn Tượng, Greensboro North Carolina và Chùa Huệ Quang, Richmond Virginia, thành tâm kính chúc Chư Tôn Đức Trưởng lão Giáo Phẩm, Tăng Ni tại quê nhà và hải ngoại một năm mới **pháp thể khinh an, phúc tuệ trang nghiêm, phước thọ tăng long, Bồ Đề viên mãn.** Chúng tôi chân thành kính chúc quý đồng bào và đồng hương Phật tử trọn hưởng một mùa xuân mới được **thịnh vượng sung mãn, vô lượng phước lành, thân tâm an lạc, Kiết tường như ý.**

Hòa nhịp với hương hoa muôn sắc, người con Phật hãy vận dụng tài năng và trí tuệ của mình, hợp với kiến thức thực tiễn của khoa học tiên tiến hiện đại, trang trải lòng thương và niềm hoan hỷ tạo sự đoàn kết thương yêu đúng nghĩa “đồng bào ruột thịt”, để cùng nhau xây dựng một cộng đồng Phật tử vững mạnh tốt đẹp, hợp với văn minh thời nay và đúng với tinh thần; lấy tình thương thắng hận thù, dùng trí tuệ thắng cuồng tín si mê, dùng Nhẫn Nhục thắng sân hận bất hòa, dùng ân đức tình thân tạo sự hòa hợp an vui.

Mừng năm mới chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực thật nhiều trong việc học hỏi tu tập, quán chiếu tự thân mình trong chánh niệm, để góp phần tuyên dương **giáo lý từ bi trí tuệ, hoan hỷ giải thoát giác ngộ của Đức Phật**, để nâng cao sự sống và giá trị nhân bản của con người. Đức Phật dạy: **“Tâm bình thế giới bình”, tâm chúng ta, tâm mọi người có bình an thì gia đình mới có hạnh phúc, thế giới mới có hòa bình**, đó là ước vọng, là lời cầu nguyện đầu năm của chúng tôi xin chân thành gởi đến quý đồng hương và đồng bào Phật tử trong dịp Xuân Hoan Hỷ Di Lạc về, Tết Truyền Thống dân tộc Việt Nam đến.

Thành tâm kính chúc Quý vị trọn hưởng mùa xuân vạn hạnh được vô lượng phước lành, thân tâm thường an lạc, vạn sự kiết tường như ý .

NAM MÔ HOAN HỖ DI LẠC TÔN PHẬT

Hòa Thượng Sakya Trí-Tuệ

Viện Chủ Trung Tâm Vạn Hạnh, Chùa Huệ Quang và Chùa Quan Âm Ngàn Tượng



HỘI PHẬT GIÁO GREENSBORO- GREENSBORO BUDDHIST ASSOCIATION
CHÙA QUAN ÂM NGÀN TƯỢNG
 1410 Glendale Dr., Greensboro, NC 27406
 Tel: 336-854-5238



Phật lịch 2552

Ngày 21 tháng 12 năm 2009

NAM MÔ HOAN HỖ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT
CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Kính Thưa Quý Đồng Hương Phật Tử Xa Gần:

Hân hoan đón mừng Tết Truyền Thống Dân Tộc, Xuân Vạn- Hạnh với nụ cười hoan hỷ của Đức Phật Di Lặc; Chúng tôi thành tâm kính chúc quý Phật tử và gia quyến hưởng một mùa Xuân mới được Vô Lượng Phước Lành, Thân Tâm An Lạc, Vạn Sự Kiết Tường Như Ý. Chúng tôi chân thành cảm niệm công đức lớn lao của quý vị đã phát tâm cúng dường Tam Bảo và giúp đỡ Chùa Quan Âm Ngàn Tượng được sinh hoạt và phát triển tới hôm nay. Để quý đồng hương và Phật tử có dịp dâng hương lễ Phật cầu nguyện đầu năm, chúng tôi sẽ tổ chức Lễ Đón Giao Thừa, Mừng Xuân Hoan Hỷ tại Chùa Quan Âm Ngàn Tượng, theo chương trình:

- **CHỦ NHỰT**, ngày 18 – 01 – 2009 : **LỄ TẮT NIÊN, ĐÓN RƯỚC TỔ TIÊN ÔNG BÀ**
 11:00 giờ trưa : Tiền Cúng Tổ Tiên Ông Bà và Chư Hương Linh Thờ tại Chùa
- + **CHỦ NHỰT**, ngày 25 – 01 – 2009 : **LỄ ĐÓN GIAO THỪA MỪNG XUÂN HOAN HỖ**
 7:00 đến 10:30 đêm 30 tết : Chương Trình Văn Nghệ Mừng Xuân
 11:00 giờ đêm 30 tết : Lễ Vía Đức Phật Di Lặc Đản Sanh
 : Chúc Tết Mừng Xuân Thọ Lộc Phật.

Mùng 1,2,3 Tết đều có lễ cầu an đầu năm cho quý Phật tử được an vui hạnh phúc

- + **CHỦ NHỰT**, ngày 01 – 02 - 2009 : **ĐẠI LỄ CẦU AN ĐẦU NĂM**
 11:00 giờ trưa : Thời kinh Phổ Môn - Pháp thoại đầu năm
- + **CHỦ NHỰT**, ngày 08 – 02 - 2009 : **ĐẠI LỄ CÚNG RÀM THÁNG GIÊNG**
 11:00 giờ trưa : - Lễ cúng rằm Thượng Nguyên cầu Quốc Thái Dân An
 - Dâng Sớ Cúng Sao, Hạ Đầu Năm.
 - Lễ tiến cúng chư Hương Linh thờ tại chùa.

Chúng tôi trân trọng thông báo chương trình mừng Xuân đón Tết đến quý đồng hương Phật tử, kính mong quý vị phát tâm thành kính dâng lời cầu nguyện đầu năm mới lên chư Phật, chư Đại Bồ Tát gia hộ cho chư Tôn Đức Tăng Ni, đồng bào Việt Nam, nhân dân Hoa Kỳ, quý Phật tử và bửu quyến phước lành an lạc, và đồng thời cầu nguyện cho thế giới được hòa bình.

Từ mừng một Tết đến rằm tháng giêng chúng tôi sẽ khai đàn tụng Kinh Dược Sư cầu an đầu năm, xin quý Phật tử dành thời giờ viết sớ gởi về Chùa Quan Âm Ngàn Tượng để kịp dâng sớ cầu nguyện giải trừ sao hạn cho quý vị và gia quyến được phước thọ khương an, thân tâm thường lạc, kiết tường như ý.

Cầu nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho quý vị cùng bửu quyến có một năm mới sống an lành và hạnh phúc trong ánh hào quang từ bi và trí tuệ của chư Phật.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

TM. Hòa Thượng Viện Chủ. Thích Trí Tuệ
 Trụ Trì Đại Đức. Thích Quảng Dục.
 (Ký tên và đóng dấu)



WWW.CHUAQUANAM.ORG

Thân mời quý Phật tử viếng thăm để biết những tin tức sinh hoạt Phật sự tại chùa Quan Âm Ngàn Tượng, Greensboro, North Carolina.



萬 VẠN LỢI 利

VIETNAMESE RESTAURANT & CHINESE BAR-B-QUE



Địa Điểm 1

CHINESE BAR. B. Q & VIETNAMESE FOOD TO GO
 3101 Central Ave., # 1, Charlotte, NC 28205
 Tel: (704) 566 - 8808 * Fax: (704) 567 - 1012

Địa Điểm 2

VIETNAMESE RESTAURANT & CHINESE BAR. B. Q
 Café & Bánh Mì Thịt Nguội
 3829 # D, High Point Rd., Greensboro, NC 27407
 Tel: (336) 855 - 5688

OPEN 6 DAYS A WEEK



TOLL FREE: 1 (877) 855 - 5689 * 1 (877) 855 - 5688

Đây Đủ: Heo Quay, Xá-Xiú, Vịt Quay, Vịt Nướng Chao, Vịt Xi Muội, Vịt Phá Lấu, Vịt Um Trà, Vịt Quay Tứ Xuyên, Gà Quay, Gà Xi Dầu, Gà Hấp Muối, Gà Xay Tứ Xuyên, Bò Cầu, Chim Cút Quay, Các Loại Phá Lấu Và Các Loại Gỏi

OPEN 6 DAYS A WEEK

ALL KINDS OF B.B.Q. MEAT,
 PORK, DUCK, CHICKEN WITH DIFFERENT FLAVORS
 WE ACCEPT ORDERS OF A WHOLE ROAST PIG FOR
 SPECIAL EVENTS WEDDING OR BIRTHDAY & PARTIES

Nhận Đặt Heo Quay Nguyên Con, Tiệc Cưới Hối Và Sinh Nhật Do Nhóm Thọ Chánh Góc Hồng Kông Và Thọ Quay Tôn Thọ Tường Trực Tiếp Phục Vụ

Nhận Đặt Tiệc Cưới, Đám Hối, Sinh Nhật... Tại Greensboro Trên 300 Chỗ, Charlotte 500 Chỗ



Cung Chúc Tân Xuân

Mở cửa 6 ngày một tuần
 từ 10:00AM - 10:00PM
 Đóng cửa: Thứ Ba



Việt Video
DP Business Center
 www.vietvideo.tv email: vietvideo@gmail.com

3821-M High Point Rd
 Greensboro, NC 27407
 Tel: (336) 358 3510
 Open: Mon-Sat: 10am-9pm
 Sunday: 9am-7pm

KARAOKE

Bán các dàn máy karaoke âm thanh tuyệt hảo

**** Cho thuê tất cả phim lẻ, phim bộ, Kiếm hiệp, tình cảm của Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Trung Quốc v.v..**

Có nhiều băng nhạc, phim, Hải Kịch và Cải Lương xưa và nay tại Hải ngoại và từ Việt Nam
 (nếu Quý khách mở membership \$50 trở lên sẽ được tặng 100 phút thẻ ĐT gọi về Việt Nam, kể cả khách hàng cũ)

Đặc Biệt:

Có bán máy tính tiền cho các tiệm nail
 Có bán thẻ điện thoại gọi về Việt Nam

Thẻ không bao giờ hết hạn, không có lệ phí hàng tháng, âm thanh rõ ràng, gọi phút nào tính tiền phút đó và không cần bấm số PIN/ mật mã mỗi lần gọi.

Có bán Kim Tự Điển

Chuyển tiền về Việt Nam trong vòng 24 tiếng với giá rẻ
 (chúng tôi sẽ tặng 20 phút thẻ ĐT. gọi về VN cho mỗi lần gửi)

Dịch vụ chuyên về Du Lịch:
 Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không lớn
 Nơi cung cấp vé máy bay trên thế giới và Việt Nam với giá rẻ

CẢM ƠN QUÍ ĐỒNG HƯƠNG ĐÃ ỦNG HỘ VIỆT VIDEO TRONG THỜI GIAN QUA

Ý NGHĨA TRUYỀN ĐĂNG TỤC DIỆM

Thích Quảng Huân



(Trích bài trong ngày Pháp Hội Di Đà, NGÀY TRUYỀN ĐĂNG VÀ CẦU NGUYỆN tại chùa Quan Âm Ngàn Tượng – Greensboro – NC)

Kính thưa toàn thể quý thiện nam tín nữ Phật tử,

Đạo Phật là đạo từ bi và trí tuệ. Do vậy người con Phật hơn ai hết yêu chuộng tình thương, công lý và hòa bình. Thể hiện rõ lý tưởng phụng sự, tinh thần cộng trụ, đoàn kết một lòng, kế vãng khai lai, làm an lạc cho cuộc đời. Tinh thần **Truyền Đăng Tục Diệm**, tiếp nối ngọn đuốc trí tuệ, là động lực thúc đẩy khiến hành giả có đủ Bi Trí Dũng, mang tình thương yêu và sự hiểu biết của mình làm lợi ích cho tự thân và nhân loại. Và, đức Phật cũng đã dạy, “*hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi*”. Ngọn đuốc ấy chính là ngọn đuốc trí tuệ. Giờ này, trong giây phút thiêng liêng, chúng ta chuẩn bị thấp lên ánh sáng trí tuệ ấy, ngưỡng mong đại chúng hãy nhiếp tâm tĩnh lặng, hòa quyện ánh sáng trí tuệ của chúng ta với trí tuệ Phật, để cho tâm ta giao cảm với tâm Phật.

Ý nghĩa Truyền Đăng được hiểu sâu rộng hơn, đó là truyền thống tục diệm truyền đăng của đạo Phật trải qua hàng nhiều thế kỷ. Truyền Đăng tức đem ánh sáng chánh pháp soi khắp muôn nơi, đem ánh sáng vô lượng của đức Phật A Di Đà truyền khắp muôn loài. Khi nào ngọn đuốc chánh pháp còn tỏa sáng, đạo Phật sẽ mãi mãi trường tồn. Tục diệm truyền đăng cũng chính là thừa hành tiếp nối ánh sáng chánh pháp, kế thừa mạng mạch pháp pháp không cho gián đoạn, và mỗi người con Phật chúng ta nên phát hạnh nguyện lợi tha, truyền bá rộng khắp giáo lý ấy để mọi người đều thoát khỏi nỗi khổ niềm đau, đem lại hòa bình và an lạc cho thế giới và nhân loại.

Kính thưa quý Phật tử

Chư tôn đức chứng minh sẽ đón nhận ánh sáng trí tuệ từ bàn Phật, truyền sang quý thiện tín Phật tử, như một biểu hiện của Tăng đoàn hòa hợp, chánh pháp rạng ngời. Trên tay mỗi người là một ngọn nến, hãy nhận lấy ánh sáng trí tuệ từ chư tôn đức, hàng sử giả của Như Lai, đem ánh sáng chân lý tối thượng chan hòa khắp chốn. Và ánh nến ấy được truyền sang cho toàn thể Phật tử, và cứ thế ánh sáng trí tuệ sẽ tiếp tục, tiếp tục được truyền đi, vùng sáng dần lan tỏa khắp mọi nơi. Thông qua ánh sáng của những ngọn nến lung linh huyền diệu này, tất cả như gói trọn tâm lòng tri ân đối với đấng thiện thế A Di Đà, vị cha lành của bốn loài. Việc làm này như một nghĩa cử chân tình nhằm nhắc nhở rằng, ánh sáng của những ngọn nến kia tuy bé nhỏ, nhưng cần phải được duy trì và hiện hữu thường xuyên, bởi điều đó như là biểu tượng của một nguồn quang minh vô hạn, được khởi sinh và lưu xuất trực tiếp từ câu thánh hiệu A Di Đà Phật. Ánh sáng ấy như ánh Vô Lượng Quang mà đức Thế Tôn vẫn ngày đêm nhiếp hộ chúng sanh trong khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Nguyện chư Phật từ bi minh chứng, chúng con nguyện tiếp bước Như Lai.

Mỗi bước chân xin nguyện vào tịnh độ, mỗi cái nhìn sẽ thấy được Pháp thân.

Trong giờ phút thiêng liêng và thanh tịnh này, chúng con xin dâng lên đức đại từ tôn A Di Đà lục cúng

dường với tất dạ chí thành, chí kính. Ngưỡng mong chư Phật, chư đại Bồ Tát phù thủy minh chứng. Nguyện cầu cho Phật Pháp được trường tồn, cho dân tộc thoát khỏi điêu linh, cho nhân loại được chung sống trong hòa bình và cho tất cả chúng sanh đều an lạc.



Giờ này, đạo tràng đã trang nghiêm, tất cả đều được thanh tịnh, chúng con nhất tâm bái thỉnh chư tôn đức chứng minh và kính mời toàn thể hội chúng thấp lên những ngọn đèn trí tuệ cầu hòa bình và hạnh phúc cho muôn loại.

Mời toàn thể đạo tràng hãy cầm ngọn nến trước mặt của mình trang nghiêm thành kính.

Kính bạch chư Tôn đức,

Kính thưa quý Phật tử,

Giờ đây, chúng con xin tác lễ Truyền Đăng Tục Diệm,

Kính bạch chư Tôn đức,

Kính thưa quý Phật tử,

Lung linh lung linh huyền diệu ánh đèn thiêng.

Ngọn đuốc từ bi lưu truyền bao thế hệ.

Diễn ý phật, tỏ lời kính, khai thông nguồn diệu pháp.

Soi tâm trí, tỏ đạo mâu, giúp cuộc đời thêm sắc thêm hương.

Cung kính dâng lễ chư Phật trong mười phương thế giới. Cầm ngọn nến trên tay, ánh sáng truyền đến với nhau, chúng con thâm hiểu ra một điều, rằng cõi đời này, đêm tối vô minh hãy còn dài lắm, nổi thống khổ và những hệ lụy trần gian vẫn còn nhiều lắm. Bao phiền muộn trái ngang vẫn cứ quàng nặng lên đôi vai bé nhỏ. Nước mắt vẫn rơi, máu đào vẫn đổ. Trong khi đó, tất cả chúng con đang là những kẻ lạc lỏng bơ vơ giữa dòng đời muôn lối. Vậy mà đường đến bờ lành, đối với chúng con vẫn còn mù xa thăm thẳm. Có ước mơ gì trong cuộc viễn chinh môi mơn và lê thê ấy?

Cung kính dâng lễ đức từ phụ A Di Đà,

“Ngọn nến lung linh thật nhiệm màu,

Tay truyền tay nhận đẹp làm sao,

Quang minh tỏa rạng nơi dương thế,

Soi sáng tâm con tị thờ nào”.

Và,

“Cánh cửa từ bi đã mở rồi,

Sen vàng chín phẩm bước lên ngôi,

Thành thoi dạo gót nơi vườn ngọc,

Thờ nhẹ, cười tươi ngắm việc đời”.



Hôm nay, hòa mình trong ánh hào quang vô lượng của đức Phật A Di Đà, trong không khí trang nghiêm và thanh tịnh này, đối trước tôn ảnh của đấng pháp vương. Xin đại chúng nhiếp tâm, cho một phút mặc niệm oai nghiêm hùng tráng với niềm tin

Majestic Nail Supply

3821-K High Point Rd
Greensboro, NC 27407

Tel: 336-358-3502

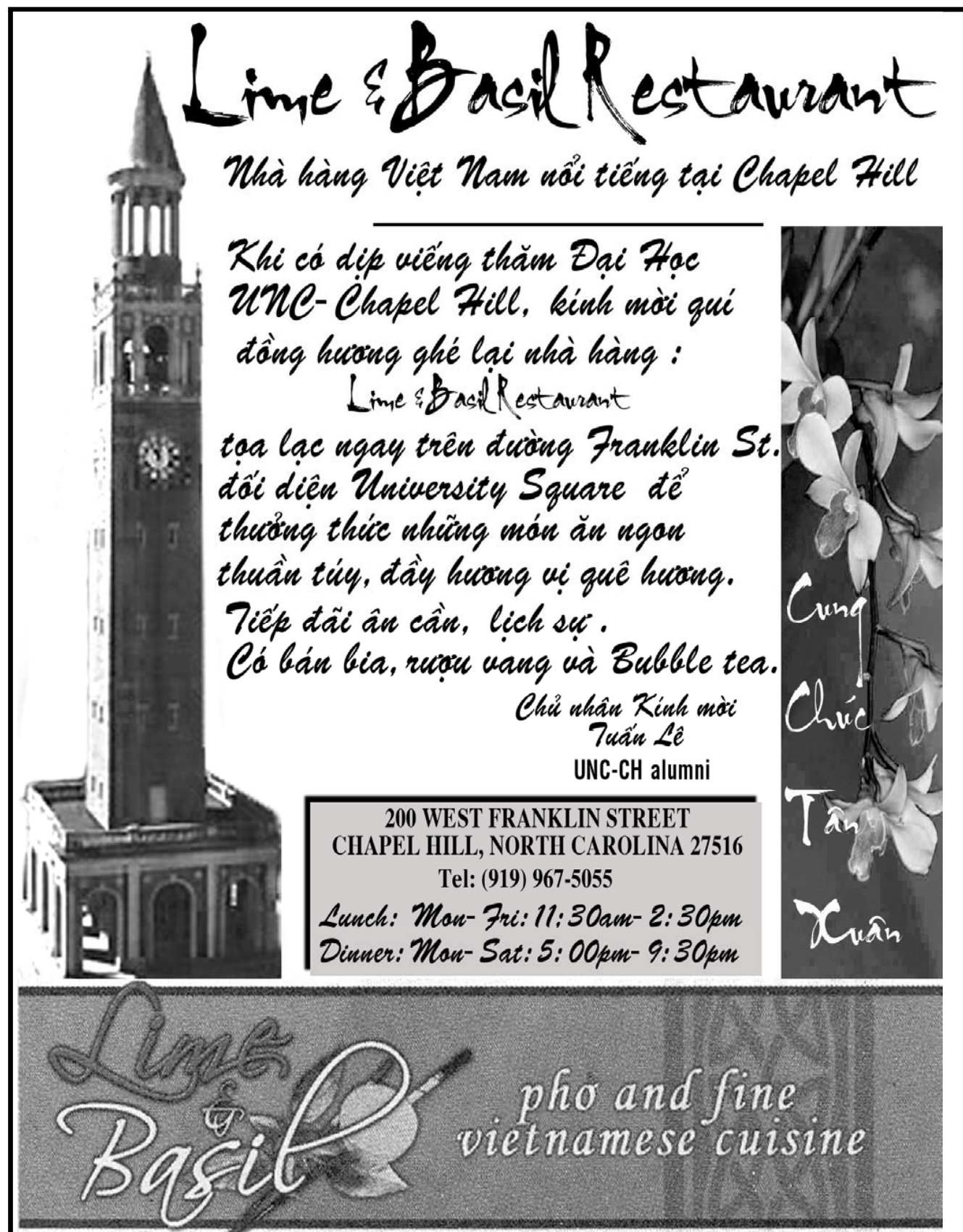
Fax: 336-358-3503

TỌA LẠC TRONG KHU THƯƠNG XÁ ĐÔNG PHƯƠNG

Cung cấp đầy đủ các mặt hàng

Nail - Facial – Waxing – Pedicure Spa





Lime & Basil Restaurant

Nhà hàng Việt Nam nổi tiếng tại Chapel Hill

Khi có dịp viếng thăm Đại Học UNC-Chapel Hill, kính mời quý đồng hương ghé lại nhà hàng :
 Lime & Basil Restaurant
 tọa lạc ngay trên đường Franklin St. đối diện University Square để thưởng thức những món ăn ngon thuần túy, đầy hương vị quê hương.
 Tiếp đãi ân cần, lịch sự.
 Có bán bia, rượu vang và Bubble tea.

Chủ nhân Kính mời
 Tuấn Lê
 UNC-CH alumni

200 WEST FRANKLIN STREET
 CHAPEL HILL, NORTH CAROLINA 27516
 Tel: (919) 967-5055
 Lunch: Mon-Fri: 11:30am- 2:30pm
 Dinner: Mon-Sat: 5:00pm- 9:30pm

Cung
 Chúc
 Tân
 Xuân

Lime & Basil pho and fine vietnamese cuisine

vô hạn, nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.



Kính thưa toàn thể hội chúng,

Quan Âm đèn tuệ thấp cùng nơi,

Chiếu tỏa đông tây bốn góc trời.

Giờ đây, ánh nến đã tràn ngập khắp nơi, ánh sáng của Pháp Hội Truyền Đăng đã làm ấm lại những tâm hồn hoang lạnh. Ánh sáng tiếp nối ánh sáng, niềm vui tiếp nối niềm vui, hàng vạn trái tim đã hòa cùng nhịp đập, cùng cất vang câu niệm A Di Đà, bằng nhiệt huyết cháy bỏng, bằng niềm hân hoan tốt cùng, của những đứa con xa quê được tìm về tổ ấm trong vòng tay yêu thương của đấng cha lành cao quý. Thắp lên ánh sáng ấy như thắp sáng ngọn nến tâm linh, thắp sáng ngọn nến của chánh niệm tỉnh giác, để soi sáng chính mình, soi sáng thế nhân, và soi sáng vào lòng vạn pháp.

Cầm ngọn nến trên tay, ánh sáng lan tỏa khắp muôn nơi, chúng con xin nguyện từ nay, sẽ cố gắng trao dồi đạo đức, tập sống một đời sống có ý nghĩa. Nguyện đem câu niệm Phật vào cuộc đời, xóa tan hận thù oan trái đang tràn ngập, ngự trị trong ý nghĩ, lời nói, hành động của mỗi người. Những gì chúng con hiểu biết và thực tập về Phật Pháp, xin nguyện truyền đến với những ai hữu duyên, bằng cả tấm lòng thành kính.

Từ nay,

“Chúng con nguyện làm cánh chim đại thể,

Cho vườn đời thơm ngát ý tương thân,

Một loài hoa dù nở giữa phong trần,

Vẫn thơm ngát mùi vô ưu rực rỡ”.

Kính thưa toàn thể quý Phật tử,

Hôm nay dưới bầu không gian trầm hùng, trên được sự gia hộ của mười phương chư Phật, dưới được sự lân mẫn chứng minh của hiện tiền hòa hợp Tăng già. Pháp Hội Truyền Đăng được tiếp diễn trang nghiêm và thanh tịnh.

Chúng con nguyện,

Mưa pháp đượm nhuận khắp ba ngàn thế giới,

Bóng bồ đề che mát cõi nhân thiên,

Hoa ưu đàm bừng nở ngát hương,

Đèn trí tuệ sáng soi đời ngũ trược.

Nguyện đem công đức này hướng về đấng cha lành của nhân loại, nguyện cầu cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, cho con người biết thương yêu nhau trong tình thân ái, cho suối tình thương chảy hoài trong muôn loại.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

- *Sưu tầm*



Xuân Kỷ Vọng

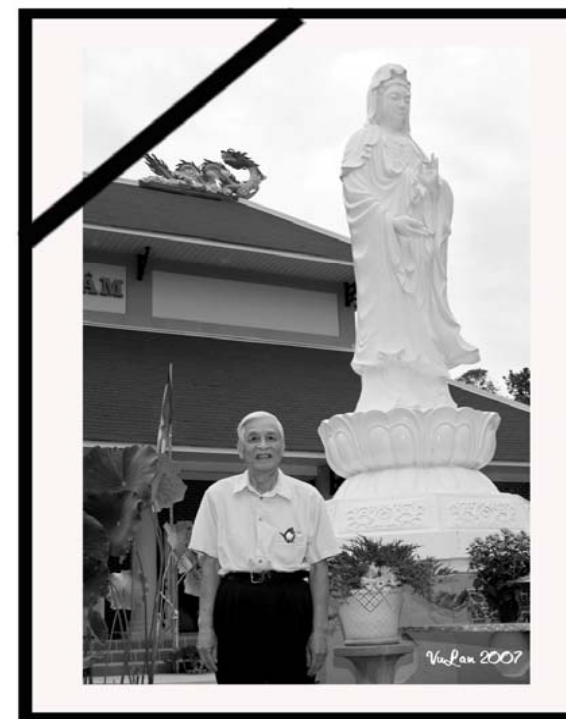
Cát tường, xuân mới cầu mong,
 Ánh chiếu-dương rọi đất trong, biển ngoài.
 Thanh-bình lại, chiến tranh lùi,
 Tâm an, cảnh thịnh, mừng vui khôn cùng.
 Thương trường, thế giới rộ mừng,
 Tự do, hạnh phúc nguyện lòng thành thời.
 Nhân sinh, dân chủ rạng ngời,
 Cùng thiên nhiên thỏa chuỗi đời dài lâu.

Thích-Tâm-Châu



Lời Chúc Đầu Xuân

Chào nhau năm mới vừa sang
 Chúc nhau hạnh phúc ngập tràn an vui
 Đầu năm mới nở nụ cười
 Đó là ta tặng cho đời mùa xuân



*Chân Thành
 Cảm Tạ*

Thay mặt thân mẫu, chúng tôi xin chân thành cảm tạ Hòa Thượng Viện Chủ Thích Trí Tuệ, nhị vị Đại Đức Thích Quảng Đức, Thích Quảng Huân, Ban hộ niệm, Ban trai soạn, Đại chúng chùa Quan Âm Ngàn Tượng, cùng tất cả thân hữu, thân bằng quyến thuộc, đã chia sẻ, phân ưu, phúng điệu, cầu nguyện và đưa tiễn Hương Linh của thân phụ chúng tôi:

Cụ Nguyễn Đình Nhân

Pháp Danh Nhuận Đạo

mong về an nghỉ nơi cửa Phật.

Kính Bái,

Sinh Nạ và gia đình



Cảm nhận đầu Xuân

Tánh Cẩn

--- o0o ---

Ngày mùng Một Tết ai cũng đi chùa, đó là truyền thống tốt đẹp của người Phật tử. Hình như những phút giây đầu năm tất cả đều mới, ngay tâm hồn cũng thay đổi, ta thấy trẻ ra, nhẹ nhàng và trong sáng hơn. Với cõi lòng bao dung rộng mở và hoan hỉ tha thứ, người Phật tử ai cũng muốn dâng hiến cúng dường tâm hương thanh tịnh lên ngôi Tam bảo.

Lần trong dòng người đi trải hội, tôi cũng đến chùa lễ Phật và hái lộc đầu năm, không khí ở đây nhộn nhịp tung bừng nhưng không kém phần trang nghiêm và âm cúng. Những nén nhang dâng lên cúng dường với những đóa hoa lòng thanh khiết, khát khao niềm tin và hy vọng. Tôi bước lên sân thượng để chiêm ngưỡng nét kiến trúc đặc biệt và thưởng thức hoa thơm cỏ lạ ở đây. Dừng chân bên mái hiên nhỏ để đọc những bài thơ Xuân mang hương vị thiên:

*Xuân đi hoa vẫn nở
Xuân ở hoa vẫn rơi
Bạn lòng chi rơi nở
Tự tại thả thuyền chơi.*

(Thích Thông Bửu)

Bài thơ thật đơn giản nhưng đượm đầy triết lý của nhà Thiền. Tôi đọc đi đọc lại chợt nhớ đến bài “Cáo tật thị chúng” của Thiền sư Mãn Giác:

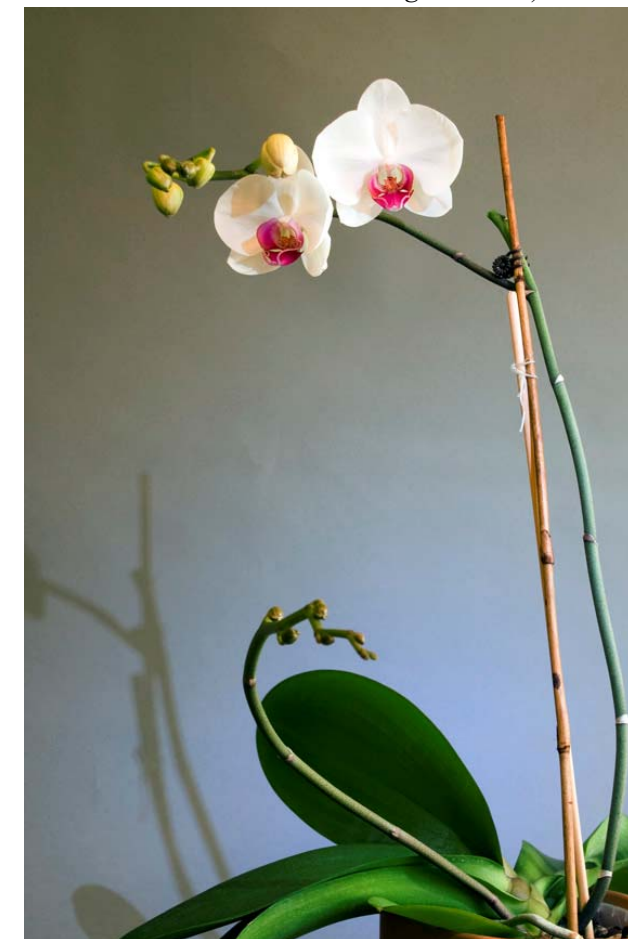
*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
(Xuân đi trăm hoa tàn
Xuân đến trăm hoa nở)*

Tôi tự nhủ có gì khác giữa cái nhìn của hai vị thiền sư của hai thời đại không nhỉ? Hồi lâu mới “ngộ” ra để thấy rằng khác mà không khác. Ngày xưa Xuân đến—có thể trong một dịp đầu Xuân—Thiền sư Mãn Giác nhìn cảnh Xuân với muôn hoa khoe sắc và bảo đồ chúng hãy nhìn kia:

*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai*

Xuân đi và Xuân đến là hiện tượng tuần hoàn của vũ trụ và cũng theo lẽ tự nhiên xảy ra trước mắt, chắc ai trong chúng ta cũng biết, nhưng mấy ai thấy được đằng sau chuyện Xuân đi Xuân đến đó là cái gì. Thiền sư đã nhắc:

*Sự trục nhân tiền quá
Lão từng đầu thượng lai
(Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi)*



Xuân đi Xuân đến có nghĩa là thời gian đang qua, mỗi lần Xuân đến Xuân đi là chúng ta già thêm một tuổi, cũng có nghĩa là cuộc sống chúng ta ngắn đi một ít. Nếu chúng ta không biết quý thời gian còn Xuân xanh để tu thân hành thiện, một mai “lão lai tài tận” muốn tu cũng không kịp nữa.

Nhưng một Thiền sư lại bảo:

*Xuân đi hoa vẫn nở
Xuân ở hoa vẫn rơi.*

Đây cũng là một hiện tượng tự nhiên nhưng ít người cảm nhận được. Người ta cứ yên chí là muôn hoa chỉ khoe sắc khi mùa Xuân về còn khi Xuân qua rồi hoa sẽ tàn úa. Ngờ đâu Xuân đi vẫn có những cánh hoa nở và đang trong mùa Xuân có những cánh hoa tàn. Ở đây ta bắt gặp cái nhìn của Thiền sư Mãn Giác:

*Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai
(Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai)*

Thật ra hiện tượng sinh, trụ, dị, diệt đối với sự vật cũng như con người với sinh - lão - bệnh - tử không khác. Con người cũng có lứa tuổi ta gọi là tuổi xuân xanh với nhiều mộng ước hoài bão, dự phóng cho tương lai tươi sáng. Tuổi xuân ví như những nụ hoa khoe sắc sẵn sàng hiến dâng cho đời những hương thơm mật ngọt. Nhưng nếu chúng ta không biết lợi dụng tuổi Xuân tràn đầy nhựa sống để học tập, làm việc, đem hết năng lực để phụng đạo xây đời, một mai tuổi già đến sẽ ân hận. Cánh hoa phải theo quy luật nở tàn thì con người cũng bị chi phối bởi chuyện sinh tử. Hãy nhìn kia có phải mùa Xuân lúc nào hoa cũng tươi thắm hết đâu, đó đây cũng có những cánh hoa tàn đang rơi rụng. Ai bảo không có hiện tượng tre già khóc măng non, ai bảo không có những người ra đi mãi mãi khi tuổi còn xuân xanh – cho nên bậc thức giả đã khuyên:

*Chớ hện tuổi già mới học đạo
Mở hoang lăm kẻ tuổi xuân xanh.*

Đó đây chúng ta bắt gặp những tư tưởng người đời:

*Chơi Xuân kéo hết Xuân đi
Cái già sống sộc nó thì theo sau.*

Hay bị quan hơn:

*Xuân đang đến nghĩa là Xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già
Và Xuân hết nghĩa là tôi cũng chết*

Những tư tưởng phiến diện và bông bột đã một thời lôi cuốn thanh thiếu niên vào những cuộc vui mê say cuồng loạn, không biết đến ngày mai. Và ở đây cũng nói lên cái nhìn hạn chế tầm thường của một lớp người trong thời đại đó.

Ở một góc nhìn khác bao trùm lên toàn bộ hiện tượng sinh diệt Thiền sư đã có một thái độ vượt thoát:

*Xuân đi hoa vẫn nở
Xuân ở hoa vẫn rơi
Bận lòng chi rơi nở
Tự tại thả thuyền chơi*

Đối với Thiền sư có thể lúc nào cũng là mùa Xuân nên ta cũng có thể nói hoa nở để làm nên mùa Xuân chứ không phải đến mùa Xuân hoa mới nở. Thế thì bận lòng chi rơi với nở khi mùa Xuân đã có mãi trong ta. Ở đây ta thấy sự tự tại của Thiền sư, các ngài cũng thấy Xuân đi, Xuân ở, hoa nở, hoa rơi nhưng không bao giờ dính mắc để vui khi Xuân đến, buồn khi Xuân đi. Và để phải thăng trầm với chuyện hoa nở, hoa rơi như là những thành công hay thất bại trong cuộc đời – Mặt khác nếu hoa nở, hoa rơi, là chuyện “sinh tử sự đại” thì các ngài cũng vẫn đến đi an nhiên tự tại có gì phải bận lòng.

Ta hãy nghe “**Xuân đạo hạnh, Xuân vĩnh hằng**” của một Thiền sư:

*Xuân có đến rồi đi nhưng
Xuân lòng bất diệt
Hoa có nở rồi tàn, nhưng hoa
đạo vẫn luôn tươi
Chúc cho người và cũng chúc
cho tôi
Xuân Di Lạc là Xuân vui muôn
thuở*

(HT Trí Quảng,

Giác Ngộ 156)

Ngày xuân đi chùa lễ Phật và đọc thơ thiền để có một vài cảm nhận về nhân sinh thế thái, thịnh suy suy thịnh âu cũng là dịp chúng ta trở về nguồn cội tìm lại những phút giây thanh thản đã lỡ đánh mất trong những bộn bề của cuộc sống. Xin chia sẻ những cảm xúc đầu Xuân với những ai đồng hành đồng cảm.

--- o0o ---

không sai không khác, thì gọi là "Tam mật du già". Đến đây tức là công phu tu hành hữu tướng tam mật đã thành tựu.



IV. Quả Vị Tu Chứng

Hành giả sau khi đã thành tựu Tam mật hữu tướng, thông suốt được ý nghĩa màu nhiệm của bốn mạn Trà La, thì nhất cử, nhất động đều rập khuôn đúng theo oai nghi của Phật, làm lợi lạc cho chúng sanh một cách tự nhiên, có làm tất cả mọi việc lợi ích mà như không làm. Đó tức là vô tướng tam mật.

Đến độ vô tướng tam mật thì mọi hành vi cử động đều toàn là ẩn cả, hết thấy lời nói đều là chú và chơn ngôn, hết thấy ý nghĩ đều là diệu quán cả. Do đó mà trong kinh có câu nói sau đây để hình dung hạng người đã chứng được vô tướng tam mật: "mở miệng ra tiếng, chơn ngôn diệt tội; dơ tay động chân, đều thành mật ấn; theo việc khởi niệm, diệu quán tự thành".



Đó cũng là ý nghĩa của bốn chữ "tức thân thành Phật"; nghĩa là hiện đời thành Phật.

V. Kết Luận

Sự lợi ích tu về Mật tôn, đến khi kết quả cùng tốt cũng đồng một mục đích như các pháp môn khác; nghĩa là ba nghiệp thanh tịnh. Thân ngữ tri chú, tay bắt ấn, nên thân không làm các việc tội ác, vì thế mà thân nghiệp được thanh tịnh (thân mật). Miệng đọc thần chú, nên miệng không nói các điều tội lỗi, vì thế mà khẩu nghiệp được thanh tịnh (ngữ mật). Tâm tưởng chú hoặc quán tưởng những chữ thần chú, nên tâm không nghĩ tưởng những điều tội lỗi, vì thế nên ý nghiệp được thanh tịnh (ý mật). Kinh chép: "Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vắng Tây phương", nghĩa là: nếu ai ba nghiệp chướng thanh tịnh thì được về Tây phương đồng ở với Phật.



Tri chú có rất nhiều lợi ích, như tri chú vắng sanh sẽ nhỏ sạch hết gốc rễ của nghiệp chướng và được sanh về Tịnh độ (bạt nhứt thế nghiệp chướng căn bản, đắc sanh Tịnh độ Đà la ni); tri chú Lăng nghiêm sẽ được tiêu trừ các oan gia nghiệp chướng và tình ái dục nặng nề từ nhiều kiếp trước, như ông A Nan và bà Ma Đăng Già (xin quý vị xem quyển Đại cương Lăng nghiêm về đoạn nói lợi ích tri chú Lăng nghiêm); tri chú Phổ am sẽ tiêu trừ được phục thi cốt khí các yêu tinh quỷ quái trong gia trạch; tri Ngũ bộ chú hay Đại bi thập chú sẽ được phước huệ tăng long, tùy tâm hành giả cầu như thế nào, sẽ được mãn nguyện như thế ấy.

thực hành ấy phải theo đúng khuôn phép nhất định, chứ không thể dùng ý riêng mà làm càn được.



"Giáo tướng" là tất cả những ý nghĩa sâu xa màu nhiệm mà chư Phật và Bồ tát đã rút ra trong sự tướng để dạy chúng ta.

Người tu hành phải học tập và thực hành cả hai phương diện ấy, không được thiên bỏ bên nào. Không học giáo tướng thì không lãnh hội được ý nghĩa của sự tướng để làm cho đúng. Không học sự tướng thì hết thầy đều là nói suông. Giáo tướng thì có thể nương theo kinh điển mà học hỏi; còn sự tướng thì phải có các bậc A Xà Lê, tức các vị truyền đạo của Mật tông, truyền cho mới biết được.



Ngoài sự tu hành thường ngày, phương pháp tu hành trọng yếu của Mật tông là Tam mật.

Tam mật là phương pháp tu hành màu nhiệm dựa trên thân, ngữ, ý. Tam mật gồm có: Thân mật, ngữ mật (khẩu mật) và ý mật.

Như trên đã nói, chúng sanh và đức Như Lai đều có sáu đại làm thể, bốn pháp Mạn trà la làm tướng, không sai khác. Vậy Như Lai và chúng sanh thì thể tướng mật. Như đức Đại Nhật Như Lai đều có tam pháp giới là thân mật, hết thầy tiếng tăm là ngữ mật, cái thức lớn bao khắp tất cả là ý mật. Còn chúng sanh, thì tay bắt ấn là thân mật, miệng niệm chơn ngôn là ngữ mật, tâm chuyên vào tam ma địa (thiền định) là ý mật.

Nhưng Phật và chúng sanh khác nhau ở tịnh và nhiễm, ngộ và mê, giải thoát và ràng buộc. Vậy muốn được như Phật, phải tu hành theo phép tam mật. Nhờ tay bắt ấn mà tịnh được thân nghiệp, miệng niệm chơn ngôn mà tịnh được khẩu nghiệp, trí quán tưởng đức Đại Nhật Như Lai mà dẹp được vọng tưởng, ý nghiệp được thanh tịnh. Sự tu hành tam mật có thể chia làm hai giai đoạn lớn.

Giai đoạn đầu gọi là tam mật gia trì. Trong giai đoạn này, sau khi hành giả đã làm chủ được thân, ngữ, ý rồi thì tâm thủy (tâm vắng lặng như nước đứng yên) cả mình được ánh sáng màu nhiệm của Địa Nhật Như Lai chói rọi vào, tức là "Gia"; và tâm thủy mình cùng cảm chịu, thu nhận được ánh sáng màu nhiệm ấy tức là "Tri". Một bên thì "Gia", một bên thì "Tri", hai bên thừa tiếp nhau nên gọi là Tam mật gia trì.



Giai đoạn thứ hai gọi là Tam mật du già. Khi giai đoạn Tam mật gia trì đã thuần thực, thì ánh sáng của đức Đại Nhật Như Lai là ánh sáng trong tâm thủy của hành giả hiệp nhau (du già)

KHÚC CA VÔ THƯỜNG

*Vô thường hiện rõ trăng sao
Hiện đêm tăm tối, khổ đau tràn đầy
Vô thường nói với trời mây
Bây giờ ta đó, mai đây không còn
Vô thường đời đổi nước non
Đổi cha, đổi mẹ, đổi con trong đời
Vô thường sống gió đầy khơi
Không còn nhưng gắm, chơi vui lạc
loài,
Vô thường trong bóng gương soi
Để con thấy rõ vết roi tâm hồn
Vô thường phủ xuống hoàng hôn
Tạo đời tăm tối, tạo đời phong ba
Vô thường là những bài ca
Ca lời hạnh phúc, ca ra u hoài
Vô thường trong bể trần ai
Để em hát khúc u hoài thành kinh...*

Diệu Tuyên



Cảnh Xuân

Này là cúc, là mai, là bánh mứt

Là lì xì, là câu chúc đầu xuân

Là an vui chan chứa thắm đạo tình

Là hạnh phúc an lành vui xuân mới.

Sắc Xuân

Ta nghe hương mùa xuân

Đang lan dần khắp nẻo

Ta nghe hương cỏ nội

Đang đến với từng nhà

Cúc, mai đã đơm hoa

Cho mùa xuân hương sắc

Uống trà, ăn bánh mứt

Ta thưởng thức mùa xuân.

Lưu giang

Sống

Sống không giận không hờn không oán trách

Sống mỉm cười với thử thách chông gai

Sống vươn lên theo kịp ánh ban mai

Sống an hoà với những người chung sống

Sống là động,...nhưng lòng luôn bất động

Sống là thương,...nhưng lòng chẳng vẩn vương.

Sống yên vui,...danh lợi mãi coi thường.

“Tâm bất biến”...giữa dòng đời “vạn biến”.

Hái Lộc Đầu Xuân

Tịnh Thủy



Cũng như người Việt trong nước, cứ vào mỗi dịp tết Nguyên Đán, người Việt hải ngoại, Phật tử cũng như không phải Phật tử thường hay đi chùa lễ Phật và hái lộc vào đêm giao thừa và những ngày đầu năm, để cầu phúc, cầu may, xin Trời Phật, Bồ Tát phù hộ cho bản thân và gia đình năm mới được mọi điều tốt lành, tai qua nạn khỏi, mọi sự hạnh thông như ý muốn.

Vì hoàn cảnh nên đa số các chùa tại hải ngoại không có vườn rộng để trồng hoa mẫu và các cây ăn trái mà chỉ trồng một số cây cảnh, đủ để làm đẹp cảnh chùa. Do đó, những năm vừa qua, các chùa ở những nơi đông người Việt cư ngụ đã mua hàng nghìn trái cam quýt trước tết để làm quà phát lộc đầu năm cho Phật tử đến chùa lễ Phật, nhằm tránh cho những cây cảnh quanh chùa khỏi bị hư hại.

Nhiều người đi chùa hái lộc đầu năm cứ nghĩ tưởng hể đầu năm, hái được nhiều lộc thì quanh năm sẽ được hưởng nhiều lợi lộc, được lên lương, thăng quan tiến chức, buôn may bán đắt và trúng số vài chục triệu.... Thế nên vào đêm giao thừa người người đến chùa hái lộc bê cành, có người còn mang cả chậu hoa kiểng của chùa về nhà. Thật đáng thương thay!

Đầu năm đi chùa lễ Phật là một tập tục dễ thương của người Việt, là một nét văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nhưng chỉ đi chùa lễ Phật thôi, xin đừng hái lộc, bê cành, ngắt hoa, và cầu xin đủ thứ, mà thay vào đó là tích cực gieo nhân trồng phước.

Hể muốn có lộc thì phải gieo nhân. Một khi nhân đã gieo trồng thì tương lai cảm quả sẽ không sai khác, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Nhà Phật tin rằng tất cả mọi chuyện chúng ta đang thọ hưởng bây giờ, đều chỉ là hoa trái của những hành động của ta trong quá khứ, và hiện tại ta đang làm gì thì kết quả tương ứng sẽ xảy đến cho ta trong tương lai. Nếu muốn có cuộc sống an lạc hạnh phúc hay muốn được hưởng lộc nhiều, phước nhiều, cần phải gieo nhiều nhân lành. Thay vì hái lộc, thay vì cầu xin Trời Phật, chúng ta nên gieo nhân lành bằng cách nghĩ đến các điều thiện, nói các điều thiện và làm các việc thiện. Thế nào là việc thiện? Chính là những việc tốt, việc lành, những việc làm mang lại an lạc hạnh phúc cho mình, cho người và không làm tổn hại đến những chúng sinh khác. Một vài thí dụ cụ thể là ăn chay, không sát sinh, phóng sinh, giúp nuôi trẻ mồ côi, săn sóc người già, kẻ bệnh hoạn tật nguyền. Nói chung là làm những công tác từ thiện xã hội.

Gieo nhân lành, nhân thiện, không những sẽ được nhiều lộc trong tương lai mà còn được cả phước và thọ, tức là hưởng được nhiều điều may mắn tốt lành và có được mạng sống dài lâu, không bệnh tật.

Con người ta trên thế gian, ai ai cũng mong muốn giàu sang phú quý, mạnh khoẻ sống lâu và may mắn; mà hầu như ít ai để ý đến các loại nhân đã và đang gieo trồng: quả giàu sang phú quý là nhân bố thí, quả mạnh khoẻ sống lâu và may mắn là nhân không sát sanh, nhân phóng sinh và nhân giúp đỡ người khác. Trong kho tàng truyện cổ Phật Giáo có hai câu chuyện gắn liền quan đến vấn đề gieo nhân hái quả này.

Câu chuyện thứ nhất lên quan đến nhân bố thí và giúp đỡ người khác. Chuyện kể rằng: công chúa Nhật Quang, con của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ, có vẻ đẹp thủy mị, tính tình đoan trang, thông minh và đức hạnh. Tuy sanh trong hoàng tộc, sống cao sang, nhưng lúc nào vẫn giữ thái độ nhã nhặn khiêm tốn, nhất là đối với những kẻ nghèo khổ, tật nguyền, cô luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Không những vua cha và hoàng hậu yêu quý mà các quan lớn nhỏ trong triều và dân chúng cũng quý mến công chúa không kém.

Một hôm, trong lúc vui, vua cha nói với công chúa rằng: "cả nước không ai đẹp, dễ thương và hạnh phúc bằng con, đời con được như thế là nhờ sức của cha mẹ vậy..." Công chúa Nhật Quang trả lời

Muốn chứng ngộ Phật tánh, muốn thể nhập chơn như, trước tiên phải quan sát sự tướng, sự tướng có thể gồm trong bốn loại sau đây tức là bốn Mạn trà la.



2. Bốn Mạn trà la: Mạn trà la nghĩa là tròn trịa đầy đủ, rộng lớn không lường. Bốn pháp Mạn trà la, hay gọi tứ Mạn tướng đại, là bốn tướng rộng lớn, đầy đủ của bản thể do sáu đại mà biến hiện ra. Bốn pháp Mạn trà la là:

Đại Mạn trà la, nghĩa rộng là thân của các loài hữu tình trong mười pháp giới, là sắc tướng của môn pháp trong vũ trụ, các sắc tướng của môn pháp trong vũ trụ, y theo lục đại mà hiện.

Nghĩa hẹp là chỉ cái sắc tướng trang nghiêm của Phật, Bồ tát được thể hiện trong các pho tượng chạm trổ, tô vẽ, v.v...

Tam muội gia Mạn trà la, nghĩa rộng là hết thảy các cơ khí trong vũ trụ, những vật dụng thường ngày của chúng sanh, hay rộng hơn nữa là cái đặc tánh riêng biệt của mỗi pháp, núi, sông, cây cỏ,...nghĩa hẹp là chỉ những vật mà Phật và Bồ tát thường cảm như hoa sen, ngọc bửu châu, cảnh dương liễu để tiêu biểu cho lời thề nguyện hay cái đặc tánh thù thắng riêng của quý Ngài trong việc cứu độ chúng sanh.

Pháp Mạn trà la, nghĩa rộng là hết thảy âm thanh, lời nói, hình ảnh, tên gọi, ký hiệu trong vũ trụ. Nghĩa hẹp là chỉ cho những chủng tử hay chơn ngôn của các đức Phật hay Bồ tát. Chủng tử ở đây tức là chữ cái. Chữ tiêu biểu cho bản thể của Phật và Bồ tát, như chủng tử của đức Đại Nhựt Như Lai (đọc là A), chủng tử của Ngài Kim Cang Tát đỏa (đọc là Hùm). Còn chơn ngôn tức là Mật chú, và danh hiệu của Phật, Bồ tát cùng tất cả văn nghĩa trong các kinh điển.

Yết ma Mạn trà la: Yết ma là cử động làm các sự nghiệp. Vậy nghĩa rộng của Yết ma Mạn trà la là chỉ cho hết thảy động tác của chúng sanh và môn vật. Nghĩa hẹp là chỉ cho hết thảy oai nghi động tác của chư Phật và Bồ tát để làm các sự nghiệp độ sinh.

Bốn Mạn trà la này đồng thời tồn tại, đã có một Mạn trà la, tức phải có ba Mạn trà la kia. Bốn Mạn này Phật, Bồ tát và chúng sanh đều có. Bốn mạn của Phật không lia bốn mạn của chúng sanh; bốn mạn của chúng sanh không lia bốn mạn của Phật. Vì thế, kinh thường gọi là bốn mạn không lia nhau.



III. Phương Pháp Tu hành

Cũng như các tôn phái khác trong Phật Giáo, sự tu hành của Phật tôn có hai phương diện: Sự và Lý, hay nói theo danh từ của Mật tôn là Giáo tướng và Sự tướng.

Sự tướng là tất cả những thực hành như tụng chú, kết ấn, cúng dường, lập đàn,...Tất cả những

ứng thân, như đức Phật Thích Ca mới có hình tướng và nói pháp.

Theo Mật tôn thì có chia ra làm hai loại giáo pháp; Hiển giáo và Mật giáo.

Những lời dạy của ứng thân Phật, như đức Phật Thích Ca thì tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh mà chỉ dạy, tức là pháp môn quyền thiết hay là Hiển giáo.

Còn Mật giáo là những pháp môn mâu nhiệm, bí mật mà chỉ những vị đại Bồ tát, nhờ trí huệ sáng suốt, mới cảm thông, họ lãnh được của pháp thân Phật, như Ngài Bồ tát Kim Cang Tát đỏa, nhờ quán đánh mà thừa tiếp pháp mâu nhiệm của Đức Đại Nhựt Như Lai, (hay Tỳ Lô Giá Na).

Tóm lại, Mật tôn thuộc về Mật giáo. Vị Giáo chủ bí mật là Đức Đại Nhựt Như Lai, (hay pháp thân Phật). Còn vị sơ tổ của tôn này là Ngài Bồ tát Kim Cang Tát Đỏa là vị Bồ tát đã chép lại kinh Đại Nhựt và kinh Kim Cang Đảnh.

II. Tôn Chỉ Và Giáo Lý Căn Bản.

1. Lục đại: Mật tôn chủ trương Lục đại là chơn thật thể của vũ trụ. Lục đại là: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại và thức đại. Lục đại là bản nguyên của các tánh năng sinh (sinh ra), năng lưu (lưu xuất ra).

Trong lục đại thì năm đại trước thuộc về vật, đại cuối cùng (thức đại) thuộc về tâm. Sau đại này mỗi mỗi đều dung thông, không ngăn ngại, thấu nhiếp lẫn nhau, làm nhân làm duyên cho nhau mà sinh ra các pháp.

Lục đại bao hàm 3 phương diện

Thể đại, tức là bản thể chung cùng của vũ trụ;

Tướng đại, tức là hình tướng của sự vật và chúng sanh

Dụng đại, tức là ngôn ngữ, động tác, công dụng của mỗi sự vật.

Vũ trụ vạn hữu không có cái gì ra ngoài thể đại, tướng đại, dụng đại.

Thể, tướng, dụng là chúng ta dùng trí lực chia chẽ ra như thể để dễ quán sát; chứ thực ra ba phương diện ấy không thể rời nhau, không thể tồn tại riêng rẽ được. Ngoài thể đại, thì tướng đại và dụng đại cũng không thể có được; ngoài tướng đại thì thể đại và dụng đại cũng không thể có được. Vì vậy xét một phương diện thì rõ được cả ba.



Như chúng ta đã thấy ở đoạn trên: sáu đại dung thông, thấu nhiếp lẫn nhau, và ba phương diện: thể, tướng, dụng cũng không thể rời nhau, nên vũ trụ vạn hữu, mặc dù muôn hình vạn trạng, rộng lớn vô biên, vẫn có lý dung thông vô ngại, châu biến khắp tất cả. Cái đó gọi là lý tánh hay chơn như. Lý tánh hay chơn như là nòng cốt của sự tướng nhưng nếu không có sự tướng, thì chơn như hay lý tánh cũng không thể biểu dương được. Lý tánh và sự tướng là hai khía cạnh tịnh và động của nhất như. Nói tóm lại, có lý tức có sự, có sự tức có lý. Lý tánh của vũ trụ vạn hữu cũng tức là Phật tánh. Như vậy, Phật tánh đều sẵn có trong mọi chúng sanh, trong mọi hình thức.

vua: "Tâu phụ vương, công ơn sinh thành và dưỡng dục của phụ vương và mẫu hậu con không bao giờ dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con nghĩ cũng bởi ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn là nhờ kiếp trước con đã tu nhân tích đức."



Vua Ba Tư Nặc bị chạm tự ái và muốn bảo thủ ý của mình là đúng nên nhờ một viên cận thần tìm một người con trai bằng tuổi thật nghèo để gả công chúa cho. Vua nói với công chúa: "hôm kia con đã nói: "hạnh phúc của con hiện tại là phần lớn do con đã tu nhân tích đức ngày trước. Nay ta muốn xem lời ấy ra sao, nên ta đã quyết định gả con cho một chàng thanh niên hành khất, nếu thật như lời con nói con cũng sẽ trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con..."

Sáng ngày hôm sau, công chúa vào lạy tạ cha mẹ và từ biệt mọi người rồi bình tĩnh ra đi với chàng hành khất. Cả nhà và các quan cận thần đều khóc lóc thương xót, nhưng không ai dám cản ngăn ý

định của vua.

Rời hoàng cung, hướng về miền quê, không biết đi về phương nào lập nghiệp, công chúa hỏi chàng hành khất quê quán ở đâu và vì sao mà phải đi hành khất. Chàng hành khất nói gia đình ngày xưa cũng khá giả, nhưng vì ham chơi nên khi cha mẹ qua đời phải bán hết cả ruộng vườn nhà cửa, nay chỉ còn một sở vườn hoang, nên phải đi hành khất. Một hôm đi lang thang thì gặp một vị quan hỏi gia thế rồi dẫn vào cung gặp vua. Tôi không biết vì sao vua lại đem công chúa gả cho một kẻ nghèo hèn như tôi.

Nghe xong câu chuyện hai người quyết định về sở vườn hoang còn lại để tạm trú. Họ tìm cách dựng một cái chòi nhỏ nơi đây sinh sống. Không ngờ, đến khi đào đất dựng cột nhà thì bắt gặp ba cái chum lớn niêm khăn cẩn thận. Hai người mở ra thấy toàn là vàng bạc châu báu. Công chúa vui mừng đem bán một số vàng bạc rồi mượn nhân công tạo lập lâu đài vườn tược, trồng tía hoa quả. Vốn sẵn có lòng từ, công chúa tiếp tục bố thí tiền cho những người nghèo và giúp đỡ những người khác, nên kẻ ăn người ở trong nhà và dân làng đều yêu mến hai người và chẳng bao lâu sở vườn hoang biến thành lâu đài tráng lệ, mọi người vô ra tấp nập.

Tin đồn công chúa về tới hoàng cung. Vua Ba Tư Nặc nhất mực không tin liền đến tận nơi dò xét thì quả đúng như vậy, nhưng vẫn thắc mắc không biết tiền kiếp công chúa đã gieo những nhân lành gì mà ngày nay lại gặt được nhiều phước báo như vậy. Vua nghĩ ngợi không ra bèn tìm đến đức Phật xin Ngài khai thị.

Sau khi nghe câu chuyện công chúa do vua tường trình, đức Phật bèn kể cho vua nghe câu chuyện từ thời đức Phật Ca Diếp, có cặp vợ chồng thương buồn giàu có, người vợ hay làm các việc bố thí cúng dường, qui y Tam Bảo, luôn giúp đỡ người, nhất là với kẻ tật nguyền, nghèo khó; Nàng cũng luôn luôn khuyên mọi người bỏ ác làm lành, quy y Tam Bảo. Trong khi đó người chồng thì nghịch lại, mỗi khi thấy vợ bố thí thì tỏ ý không vừa lòng, tìm cách can ngăn... Một hôm nhân ngày lễ Tết, người vợ đi chùa lễ Phật cúng dường Tam Bảo và bố thí kẻ nghèo trong ba ngày liên tiếp, người chồng không bằng lòng mà muốn dùng số tiền đó sắm sửa thêm nhà, thêm cửa. Người vợ khuyên chồng nên dùng một số tiền làm các việc phước thiện,

giúp các người nghèo bởi vì theo kinh Phật dạy những người nghèo khổ hiện tại đều do đời trước tham lam ích kỷ, không bố thí giúp người... Nghe vợ giải thích, người chồng tinh ngộ, từ đó không ngăn cản vợ mà còn rất hăng hái làm việc phước thiện.

Này đại vương, Phật nói -- Người vợ đó chính là công chúa Nhật Quang ngày nay và người chồng công chúa hiện tại cũng chính là người chồng thương buôn giàu có ngày trước. Ngày trước lúc chưa tinh ngộ, anh ta bôn xén, ngăn cản việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đói rách một thời. Còn công chúa Nhật Quang, vì đời trước sốt sắng bố thí nên được quả báo giàu sang sung sướng, nhiều người mến phục và thường khuyên mọi người bỏ ác làm lành, quy y Tam Bảo nên ngày nay được quả báo thông minh...

Vua Ba Tư nặc nghe câu chuyện tiền kiếp của công chúa Nhật Quang bèn tinh ngộ và hiểu rõ lý nhân quả. Vua tạ Phật và vui vẻ ra về.

Câu chuyện thứ hai liên quan đến nhân không sát sanh và phóng sanh. Chuyện kể rằng tại một ngôi chùa nọ có một chú Sa di được sư phụ cho phép trở về thăm cha mẹ, vì Sư có thần thông nên được biết trong vòng một tháng nữa là thọ mạng của chú sa di sẽ chấm dứt. Trên đường đi về quê, chú Sa di thấy một ổ kiến lớn đang sắp sửa bị trôi theo dòng nước lũ, chú vội vàng tìm cách cứu để ổ kiến khỏi bị chết. Chú về thăm nhà và sau đó trở lại chùa. Nhiều tháng trôi qua, chú vẫn tiếp tục tu hành niệm Phật ăn chay bên sư phụ. Sư phụ của chú rất thắc mắc, một hôm hỏi chú chuyện gì đã xảy ra khi chú về thăm cha mẹ. Chú kể rõ tự sự chuyển về thăm quê, kể cả chuyện chú cứu vớt một ổ kiến to. Sư phụ mới hiểu việc kéo dài thọ mạng chính là nhân cứu giúp chúng sinh và nhân không sát sinh. Trong kinh Phật cũng dạy nhân sát sinh có thể đưa đến địa ngục, làm loài bàng sinh, quả báo nhẹ là làm người với tuổi thọ ngắn và hay bệnh hoạn.

Qua hai câu chuyện trên, chúng ta thấy rằng công chúa Nhật Quang được quả báo giàu sang sung sướng là do nhân bố thí đời trước, được quả báo thông minh là do nhân khuyên người khác làm lành tránh ác, quả báo tướng mạo đoan trang đẹp đẽ là do nhân đời trước giúp đỡ kẻ tật nguyền. Còn chú Sa di trong câu chuyện thứ hai, do nhân cứu mạng sống của một ổ kiến to, nhân ăn chay không giết hại chúng sinh nên mạng sống được kéo dài,

không bệnh tật.

Hòa thượng Tịnh Không trong thời giảng Kinh Lăng Nghiêm tại Úc Châu cũng giảng rõ "tận tâm tận lực bố thí pháp, bố thí tiền, làm các việc lành là công đức vô lượng". Ngài khuyên chúng ta nên tu hạnh bố thí, bố thí tài thì được giàu có, không bao giờ thiếu thốn, bố thí pháp được thông minh trí tuệ, trong bất cứ hoàn cảnh nào không thể bị mê hoặc điên đảo, bố thí vô úy, cứu sinh, cứu mạng được mạnh khoẻ sống lâu...

Nhân quả rõ ràng, khi chúng ta làm lợi ích cho tha nhân, chắc chắn về sau chúng ta sẽ thọ hưởng một hay nhiều niềm an lạc hạnh phúc. Một nhân thiện sắp sẵn một quả lành ở tương lai. Càng gieo nhiều nhân thiện thì phước báo càng sâu dày. Phước được ví như tấm ngân phiếu bank check. Tiền deposit ngân hàng càng nhiều thì ngân phiếu càng có giá trị lớn. Do đó đầu năm đi lễ chùa không phải để hái lộc, hái hoa, bẻ cành và cầu xin đủ thứ mà là để gieo nhân tích lũy phước đức.



Mật Tông

HT. Thích Thiện Hoa

I. Duyên Khởi Lập Tôn

Tôn này thuộc về Đại thừa, thờ Đức Đại Nhật Như Lai (Tỳ Lô Giá Na) làm giáo chủ. Ngài Kim Cang Bồ Tát đích thân chịu làm lễ quán đảnh, kế thừa pháp mầu nhiệm của Đức Đại Nhật Như Lai, vì thế cho nên tôn này gọi là Mật Tông hay Chơn ngôn tôn (lời dạy chơn thật mầu nhiệm, bí mật).

Ngài Kim Cang Bồ Tát truyền cho Ngài Long Thọ; Ngài Long Thọ truyền cho Ngài Long Trí; Ngài Long Trí truyền cho Ngài Thiện Vô Úy Tam tạng và Ngài Kim Cang Trí Tam tạng.

Vào đầu đời Đường, hai Ngài Vô Úy và Kim Cang sang Trung Hoa, rộng truyền bí pháp Mật tôn.



Ngài Vô Úy truyền cho Ngài Nhất Hạnh Thiền sư. Ngài Nhất Hạnh Thiền sư thích kinh Đại Nhật làm cho giáo nghĩa của Mật tôn được rõ rệt ở Trung Hoa. Còn Ngài Kim Cang Trí thì truyền giáo pháp cho Ngài Bất Không Tam tạng. Ngài sau này truyền cho Ngài Huệ Quả Hòa thượng, Ngài Huệ Quả truyền cho Ngài Không Hải là một Đại sư người Nhật. Ngài Không Hải về sau trở thành vị tổ Mật tôn ở Nhật.

Mật tôn có nhiều phái: a) Mật tôn ở Trung Hoa; b) Mật tôn ở Nhật thường gọi là Đông mật; c) Mật tôn ở Tây tạng tức là Lạt ma giáo, hay là Tạng Mật.

Kinh điển của Mật tôn. Tôn này nương vào hai bộ kinh lớn làm cội gốc bộ kinh Đại Nhật và kinh Kim Cang Đảnh. Nếu kể thêm ba bộ kinh Tô tát địa, Du ký và Yếu lược niệm tụng, thì thành ra năm bộ kinh về Mật tôn.

Đức Đại Nhật Như Lai, (hay Tỳ Lô Giá Na) là thế nào? Như chúng ta đã thấy ở đoạn đầu, Tôn này thờ Đức Đại Nhật Như Lai, (hay Tỳ Lô Giá Na) làm Giáo chủ và Ngài Kim Cang Bồ Tát (tức Ngài Kim Cang Tát Đỏa) bằng phương pháp quán đảnh đã nhận lãnh pháp mầu nhiệm của Đức Đại Nhật Như Lai để truyền thừa Tôn này.

Nhưng Đức Đại Nhật Như Lai, (hay Tỳ Lô Giá Na) là thế nào?

Như chúng ta thường nghe nói Phật có 3 thân là: Pháp thân, Báo thân và Ứng thân.

1. Pháp Thân, hay từ tánh thân là pháp giới chơn tịnh của các đức Như Lai, làm sở y bình đẳng cho Báo thân và Ứng thân; Pháp Thân tức là thể tánh thân tịnh có đầy đủ công đức, thật tánh bình đẳng của hết thảy các pháp.

2. Báo Thân, hay thọ dụng thân, là thân của các Như Lai do thành tựu công đức tu hành trải qua ba đại kiếp mà được.

3. Ứng Thân, hay biến hóa thân, là thân chơn Phật do trí thành sở tác mà biến hóa ra thành vô lượng thân, ứng theo căn cơ của chúng sanh mà hóa độ. Như đức Phật Thích Ca là ứng thân của Phật trong cõi Ta bà này. Vậy Đại Nhật Như Lai (hay Tỳ Lô Giá Na), không phải là đức Phật Thích Ca như một số người lầm tưởng, mà chính là pháp thân Phật.

Theo các tôn phái khác thì pháp thân không có hình tướng, không thuyết pháp chỉ báo thân và

tu thứ nhất ở chùa, thứ nhì ở tận cuối mùa lang thang “ Anh hiểu theo cách hiểu của anh, giảng lại cho tôi nghe rất dài dòng văn tự. Anh giảng câu đầu là ông nói về tục đế, câu thứ hai nói về chân đế, trong tục có chân và trong chân có tục, tương nhiếp lẫn nhau, vân vân và vân vân. Tôi chỉ nghe không ý kiến bởi vì chỉ có Thi Sĩ Bùi Bằng Giúi mới có thể giảng giải thâm ý của ông.

Tôi mơ màng nghĩ ngợi hai câu sau:

Dược Sư thơ mộng vô vàn,

Sầu lên vút tận mây ngàn tẩn thân.

Chắc hẳn rằng khi chia tay với vợ, và sau này cả người yêu nữa, ông có đau khổ, có trách họ, rằng họ đã không hiểu ông, không nuôi dưỡng hồn thơ ông, để ông cô đơn rồi đến nỗi phải chia tay. Nhưng trong sâu thẳm tâm hồn ông, ông vẫn còn yêu họ, thương họ, ông muốn có không khí ấm cúng của một gia đình, có đĩa cơm nóng hổi, đậm đà hương vị quê hương, có tô canh rau tần, đĩa mướp xào, chén tương, chén cà, đĩa rau luộc.... Ông đọc nhiều chắc ông có ao ước như Đại văn hào Nga Dostoiefski “ Tôi xin đổi tất cả văn nghiệp của tôi, để có được một người vợ, biết nấu cho ăn ngon, và biết đứng ở cửa đợi chờ tôi về, trong suốt một ngày tôi làm việc mệt “.

Vẫn còn yêu thương người nữ, vẫn nhớ đến người mang nặng đẻ đau mình, và công đức sinh thành hơn cả nước trong nguồn chảy ra nữa. Ông nhớ đến người mẹ mẫu mực nhưng lặn đạn một đời đã khuất, nên khi gặp Ni Sư Trí Hải, có tên đời là Công tăng tôn nữ Phùng Khánh, đẹp người, đẹp hạnh tu, trí tuệ bậc nhất trong giới tu nữ ở đất Sài thành, ông đem lòng thương kính cứ luôn gọi là mẫu thân Phùng Khánh, sau khi ông mất Ni Sư Trí Hải có giảng cho Tăng Ni Phật tử về thâm nghĩa trong thơ ca của Bùi Giáng trong nhiều buổi giảng. Thương, quý, Ni Sư Trí Hải ông thương lấy qua

các Ni Cô khác, nhất là các Ni Cô ở chùa Dược Sư, nơi mà ông thường lui tới nghỉ chân, được ăn cơm, được lì xì tiền tiêu vặt. Cảm nghĩa, cảm tình ông đã coi chùa Dược Sư là thơ mộng nhất, các Ni Cô là người hiền thực nhất, đẹp nhất trong giới nữ lưu. Ông đã nhớ đến họ, tâm tưởng đến họ và có lúc ông đã buồn, qua họ ông nhớ đến mẹ ông, vợ ông ngày cũ, nhớ đến người yêu dang dở chia tay. Nhớ đến thân phận của một kẻ lãng tử như mình, tứ cố vô thân, không một mái ấm gia đình. May thay vẫn còn lòng từ bi của Phật, cho ăn cho uống, không đuổi xô, hắt hủi. Chính điều đó đã khiến cho ông buồn tủi, và cái buồn của ông “ Sầu lên vút tận mây ngàn tẩn thân “

Sống ông dạy học trường chùa, ăn cơm chùa, và khi chết ông được chùa Vĩnh Nghiêm lo tang lễ, có Sư Tăng tụng niệm nguyện cầu. Ấu đó cũng là duyên phước cuối kiếp làm người của ông. Nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu, bỗng nhớ về ông trong một đêm mưa gió bời bời, viết về ông, ghi lại bốn câu thơ ân nghĩa của ông để giữ lại tinh hoa của ông để rơi rớt lại trên dặm đường lãng du, phiêu bạt, mà ông tự nhận đứng hàng thứ hai sau các Sư Cô xuất gia ở Chùa:

Đi tu thứ nhất ở chùa,

Thứ nhì ở tận cuối mùa lang thang.

*Chùa Bửu Minh, Gia Lai,
Mùa Vu Lan Phật Lịch 2552-DL.2008.*



ĐÀN TRÀNG CHÂN TẾ: SIÊU ĐỘ NGƯỜI CHẾT VÀ CẢM HÓA NGƯỜI SỐNG

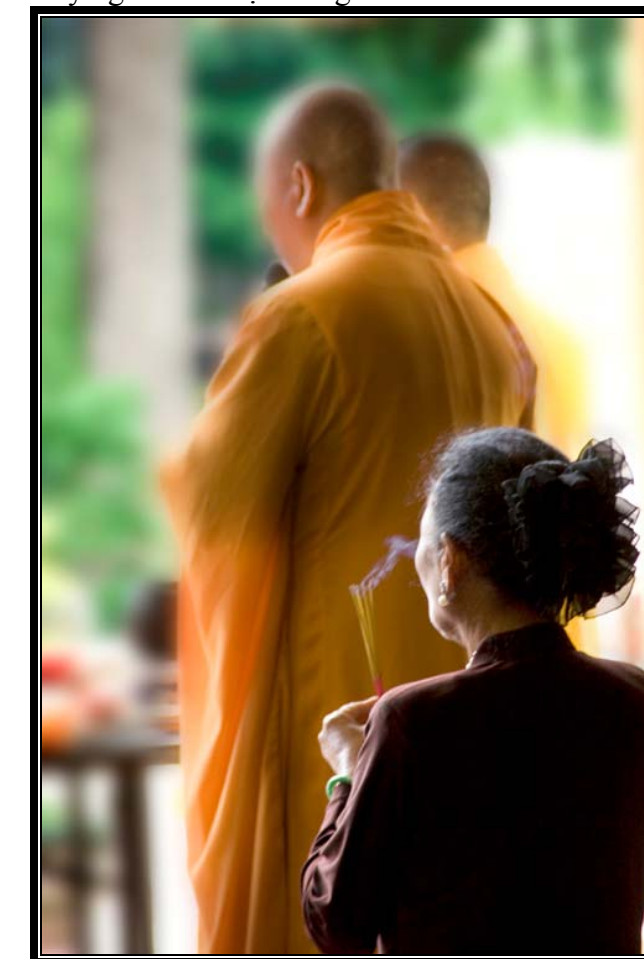
Huỳnh Kim Quang

Trong truyền thống Phật Giáo Đại Thừa nói chung và Phật Giáo Việt Nam nói riêng, Đàn tràng Chân tế là pháp thức để siêu độ vong linh của những người đã chết mà vì oan nghiệp chưa siêu thoát hay chưa tái sinh được. Những người bị oan nghiệp đó có rất nhiều nguyên do, rất nhiều thành phần, mà đại để đã được tổng hợp trong mười loại gọi là Thập loại Chúng sinh (như Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du đã đề cập) hay Thập loại Cô hồn. Theo bộ *Du Già Tập Yếu Diệm Khẩu Thi Thực Nghi* do ngài Tam Tạng Bất Không Kim Cang (Amoghavajra) dịch từ Phạn sang Hán vào đời Đường, thì Thập loại cô hồn [1] gồm:

1. Thủ hộ quốc giới: Loại oan hồn vị quốc vong thân;
2. Phụ tài khiếm mạng: Loại oan hồn chết vì trái chủ oan gia, trụ thai, sây thai;
3. Khinh bạc Tam Bảo: Loại oan hồn vì tạo nghiệp bất hiếu, phụ nghịch, vô đạo;
4. Giang hà thủy nịch: Loại oan hồn chết sông, chết biển;
5. Biên địa tà kiến: Loại oan hồn ở nơi biên ải hẻo lánh xa xăm;
6. Ly hương khách địa: Loại oan hồn phiêu bạt tha hương, chết đường, chết bụi;
7. Phó hòa đầu nhai: Loại oan hồn chết vì tự tử, trầm mình xuống sông, núi, chết đâm, chết chém;
8. Ngục tù trí mạng: Loại oan hồn chết vì bị tra tấn, khổ nhục trong lao tù;
9. Nô tì kết sử: Loại oan hồn chết vì bị nô lệ, hành hạ, đày đọa;
10. Manh mung ám á: Loại oan hồn lúc sống bị đui, què, câm, điếc, cô quả không ai chăm sóc.

Đàn tràng là một trong các nghiã của Mạn đà la (Mandala), tức là dùng đất (Thổ đàn), gỗ (Mộc đàn) hay nước (Thủy đàn) lập lên một cái đàn

trong đó tôn trí những biểu tượng, hình tượng và pháp khí của chư Tôn để hành lễ theo thể thức Mật giáo. Đàn tràng còn gọi là Đạo tràng vì là nơi thực hiện Đạo, thực hiện Phật sự, thực hiện sự tự giác và giác tha, như trong Kinh Duy Ma Cật, Phẩm Bồ Tát thứ tư, đoạn Bồ Tát Duy Ma Cật giải thích cho Quang Nghiêm Đồng Tử về ý nghĩa của Đạo tràng.



“Tâm chính trực là đạo tràng, vì không giả dối... Tâm bồ đề là đạo tràng, vì không thể sai lầm. Bồ thí là đạo tràng, vì không cầu đáp trả. Trì giới là đạo tràng, vì giúp hoàn thành tâm nguyện. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì tâm vô ngại đối với hết thảy chúng sinh. Tinh tấn là đạo tràng, vì lìa xa biếng nhác. Thiên định là đạo tràng, vì là tâm điều thuận nhu hòa. Trí tuệ là đạo tràng, vì trực kiến các pháp.

“Từ là đạo tràng, vì đối xử bình đẳng với tất cả chúng sinh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn nại các

khô nhọc. Hỷ là đạo tràng, vì là pháp an vui khoái lạc. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu hay ghét.”[2]

Đàn tràng chân tế cũng gọi là Trai đàn vì lấy sự trang nghiêm thanh tịnh làm gốc để nhất tâm hồi hướng cho cô hồn, nạ quỷ được ân triêm công đức. Mạn đà la còn có nghĩa là Luân viên tức là tròn đầy, được tượng trưng bằng hình hoa sen nở tròn. Đàn tràng chân tế cô hồn là nơi tổ chức các khoá lễ thực hiện theo khoa nghi Mật Giáo để cứu tế các loại cô hồn hay vong linh vì oan nghiệp chưa siêu thoát vẫn còn sống trong thế giới đói khổ, điều linh, thống hận. Đàn tràng chân tế thông thường được thiết lập theo hình thức và pháp thức của Mạn Đà La (Mandala). Theo Mật giáo có hai loại đàn tràng:

1. Kim Cang Giới Mạn Đà La (Vajradhatu-mandala): Đây là tượng trưng cho Trí tuệ chứng đắc của Phật, thuộc trí môn. Trí tuệ liễu ngộ bản thể chơn không diệu hữu của vạn pháp. Trí tuệ không gì phá hoại được như kim cương bất hoại. Trí tuệ có khả tính tiêu trừ tận gốc vô minh và phiền não. Trí tuệ thấu đạt từng căn cơ sai biệt của hữu tình để cứu độ.

Kim Cang Giới Mạn Đà La vì là trí môn cho nên lấy Ngũ Trí Như Lai làm gốc. Đàn tràng được thiết trí trong vòng tròn Nguyệt Luân giống như mặt trăng tròn đầy ngày Rằm. Ở trung tâm tôn trí biểu tượng, hình tượng của đức Đại Nhật Như Lai (MahaVajrocana-Tathagata). Phía Đông là đức Bất Động Như Lai (Aksobhya-Tathagata). Phía Nam là đức Bảo Sinh Như Lai (RatnaSambhava-Tathagata). Phía Tây là đức A Di Đà Như Lai (Amitabhā-Tathagata). Phía Bắc là đức Bất Không Thành Trụ Như Lai (AmoghaSiddhi-Tathagata).

2. Thai Tạng Giới Mạn Đà La (Garbhadhatu-mandala): Biểu thị cho phương tiện độ sinh của Phật, thuộc lý môn. Từ lý tánh nhất thể hàm tàng Bồ đề tâm để thi thiết đại nguyện từ bi cứu khổ chúng sinh. Nhờ sức phương tiện của từ bi dẫn dắt chúng sinh quay về với chân tánh bất sinh bất diệt của nhất tâm pháp giới.

Thai Tạng Giới Mạn Đà La là lý môn, từ lý tánh uyên nguyên hàm tàng đầy đủ các đức tánh viên mãn của Như Lai trong tất cả vạn hữu giống như đóa sen từ bùn vươn lên nở hoa thanh khiết, cho nên được thiết trí theo hình đóa sen tám cánh. Ở phần Trung Đài Bát Diệp Viện, tôn trí biểu tượng, hình tượng và pháp khí của đức Đại Nhật Như Lai ở giữa, bên phía Đông là đức Bảo Tràng Như Lai (Ratnaketu-Tathagata), phía Nam là đức Khai Phu Hoa Vương Như Lai (KusumitaRāja-Tathagata), phía Tây là đức Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitayus-Tathagata), phía Bắc là đức Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai (Divyadundubhi-Tathagata). Ở bốn góc có bốn Đại Bồ Tát: Đông Nam là đức Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra-Bodhisattva), Đông Bắc là đức Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokitesvara-Bodhisattva), Tây Nam là đức Diệu Cát Tường Đồng Tử (Manjusri-Kumara), Tây Bắc là đức Từ Thị Bồ Tát (Maitreya-Bodhisattva).

Qua cách thiết lập đàn tràng Kim Cang Giới Mạn Đà La và Thai Tạng Giới Mạn Đà La như đã trình bày ở trên cho thấy đàn tràng chân tế cô hồn mang ý nghĩa triết lý Đại thừa Phật Giáo thâm sâu. Kim Cang Giới Mạn Đà La và Thai Tạng Giới Mạn Đà La đều là hình thức thu nhỏ của pháp giới vô biên về thời gian và không gian vào trong một phạm vi thời-không hiện thực và cụ thể trước mắt mà phạm nhân đều có thể chứng kiến được. Kim Cang Giới biểu thị cho trí tuệ giác ngộ siêu việt của chư Phật. Trí tuệ ấy sắc bén và rắn chắc như kim cương không gì có thể phá hoại được và không gì mà nó không thể tiêu trừ được kể cả vô minh và phiền não huân nhiễm qua vô thị kiếp. Trí tuệ ấy thể nhập vào tận cùng bản thể của các pháp, quán triệt được rằng chư pháp do duyên sinh, không có tự tánh, cho nên là tánh không; rằng chư pháp cũng do duyên sinh, vô tánh mà hiện hữu, vì vậy mà giả hữu; như thế, các pháp vốn không thật có, vốn không thật không, chư pháp cũng không phải vừa có vừa không, không phải không vừa có không vừa không; chư pháp vốn là tứ cú, thường vắng lặng ở trung đạo đệ nhất nghĩa, đó chính là chơn không diệu hữu. Như vậy, các pháp: nào khổ, nào vui, nào tham, nào

Thi Sĩ Bùi Giáng, và tình cảm với các Sư Cô

Thích Giác Tâm

Một con người xuất khẩu thành thơ, đi mua chịu rượu và đồ nhậu, ghi vào sổ nợ cũng ghi bằng thơ, viết văn và làm thơ với một tốc độ kinh hồn, ông để lại cho nền văn học Việt Nam một số lượng tác phẩm đồ sộ, giá trị. Vậy mà số phận thật hẩm hiu, ông có vợ, có người yêu nhưng không tìm thấy hạnh phúc, ông chia tay với vợ, với người yêu và giông ruổi đi tìm, đi tìm giai nhân khắp bốn phương trời, tìm trong mộng, trong thi ca và trong cả những ngôi chùa mà ông có duyên đến và được đón nhận, không mặn nồng nhưng vẫn không lạt lẽo. Bởi vì ông có thời dạy văn chương ở Đại Học Vạn Hạnh của Phật giáo ở đường Trương Minh Giảng Sài Gòn, với lại ông có điền điền nhưng lành không phá phách, nên những ngôi chùa ông đến đều cho ông ăn cơm, thỉnh thoảng có cho tiền nữa. Ngôi chùa ông thường đến là ngôi chùa Dược Sư ở đường Lê Quang Định Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh, nơi đó có phòng phát hành kinh sách Phật Giáo, có Sư Cô Như Hạnh phụ trách. Tôi mê sách nên mỗi khi đi Sài Gòn là luôn ghé lại chùa Dược Sư, có quen Sư Cô Như Hạnh, tôi thường ghé phòng phát hành kinh sách và Thi Sĩ Bùi Giáng cũng hay ghé lại, bởi vậy tôi có gặp ông. Hôm đó ông đứng lúc nhà chùa thọ trai, nên Sư Cô Như Hạnh vô bên trong nhà trú bưng ra đĩa cơm mời ông, ăn xong còn dúi tiền vào tay ông nữa. Trên bàn có viết và giấy, ông tự tay lấy viết và hý hoáy viết. Tít tắt ông bỏ viết xuống và nhìn Sư Cô Như Hạnh cười móm mém, như thăm cảm ơn và ra đi.



Ông đi rồi Sư Cô Như Hạnh, đưa tờ giấy có chữ viết của Thi Sĩ Bùi Giáng với nét bút sắt thật đẹp cho tôi, ông viết không đẹp như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn nhưng mà vẫn đẹp, bay bướm nữa. Ông viết bốn câu lục bát:

*Đi tu thứ nhất ở chùa,
Thứ nhì ở tận cuối mùa lang thang*

*Dược Sư thơ mộng vô văn,
Sầu lên vút tận mây ngàn tận thân.*

Hai chữ *tận thân* ông viết bằng chữ Việt, ông mở ngoặc viết chữ Hán rồi đóng ngoặc lại. Tôi không hiểu hai chữ *tận thân*, sau này tra Tự Điển Hán Việt có nghĩa như sau: Tận: luôn luôn - Thân: rên rỉ.

Đọc bốn câu thơ lục bát của ông, mới thấy được cái tài hoa, cái xuất khẩu thành thơ của ông, cái uyên áo trong tứ thơ của ông. Tôi có một người bạn ở Hoa Kỳ, cũng là một thi sĩ am hiểu Phật học, tôi gửi tặng anh hai câu “Đi

Ngày Thầy mất con không khóc, nỗi thương đau cố nén trong lòng, nguyện trọn theo lời Phật dạy, mong sao Thầy sớm được vãng sanh nơi đất Phật. Nay con xin mượn tạm bài thơ của tác giả Nguyễn Khang để tỏ lộ nỗi lòng con.

Xin trân trọng cảm ơn tác giả Nguyễn Khang và xin được chia sẻ với những ai cùng cảnh ngộ.

Nguyễn Định

Khóc cha

Nguyễn Khang

*Trời lạnh lắm, gió căm căm thổi,
Rít từng cơn buốt nỗi lòng con,
xa xăm thương nhớ mỗi mòn,
Tháng năm trôi chảy hỏi còn bao xa?
Đời người thoáng qua như giấc mộng,
Trăm năm dài ai cộng đủ trăm?
Sống lâu cũng tận kiếp tầm,
Tử sinh là luật ai cầm trong tay?
Đêm nay sống vui vầy bên Bố,
Cuộc hàn huyên tâm mở niềm vui.
Tươi sao rạng rỡ nụ cười,
Hả hê tâm nguyện, thỏa lời nhớ mong.
Chợt biến mất cơn lòng mộng tưởng,
Nỗi xuyên xao đur hưởng lo âu,
Bên mi ướt đầm giọt sầu,
Thương Cha trăm tuổi, sợ câu già từ!
Nỗi băng khuâng trong niềm hư cấu,
Nặng cõi lòng biết bầu vú ai?
Trời cao chắt chứa bài hoài,
Giọt thương tí tách rơi ngoài mái hiên.
Mang tâm tưởng, con liền trở giấc,
Mượn vãn thơ tái tác lòng son,
Gửi trao tâm nguyện hiếu tròn,
Dấu cha xa vắng, mãi còn nhớ thương!
Cha trăm tuổi về nguồn cõi cội,
Cửa từ bi Phật đợi đón chờ,
Tin Cha lòng dạ bơ vơ,
Cha về cõi Phật siêu bờ vãng sinh.*



Nguyệt Quang Phản Hồi

Thiện Vân

*Một vầng Trăng chiếu
Vạn mặt hồ soi
Vạn trăng bừng sáng
Nguyệt quang phản hồi*

*Nội tâm khai sáng
Vạn lý mở mang
Tâm thức sáng choang
Từ Bi diệu huyền*

si, nào oan ức, nào thù hận, nào phân biệt bỉ thử nhân ngã xưa nay đều chỉ là vọng động chấp trước của tâm sinh diệt điên đảo vì vô minh tập khởi. Khi được khai thị bởi trí tuệ ấy thì tức khắc có thể buông bỏ mọi vọng trần, viễn ly mọi điên đảo tưởng để giải thoát tự tại.



Thai Tạng Giới là nơi hàm tàng, chứa giữ đầy đủ mọi phẩm đức vi diệu vốn có của Như Lai. Nó giống như bào thai nuôi dưỡng một sinh mạng đang bắt đầu có mặt để một ngày nào đó khai hoa nở nhụy thì là một hữu tình với đầy đủ căn tính ra đời. Tất cả các pháp đều được dung dưỡng trong Thai Tạng Giới, đều từ Thai Tạng Giới mà xuất sinh. Như Lai là phẩm đức cực diệu, là quả vị tối thắng nhất của Thai Tạng Giới. Cho nên, trong mọi pháp có phẩm đức của Như Lai và trong Như Lai có chất liệu từ bi ban phát xuống cho vạn hữu. Nguồn suối từ bi của Như Lai không do gắng gượng dụng tâm mà tuôn chảy, nhưng đó là đức tính nhiệm mầu

trong một phẩm cách đặc hữu như nước từ nguồn chảy xuống một cách tự nhiên, không chút dụng tâm. Đức từ bi ấy trang trải đến tất cả muôn loài một cách bình đẳng như mưa đổ xuống không phân biệt thảo mộc lớn hay nhỏ, tùy theo căn cơ mà cảm ứng[3]. Đại nguyện từ bi là dưỡng chất nuôi lớn tình thương yêu chân thật nơi tất cả chúng sinh. Đại nguyện từ bi thấm nhuần đến đâu thì nơi ấy tình thương yêu được phát triển, lòng khoan dung độ lượng được mở bày, và vì vậy thù hận, oan trái được giải kết.

Trong pháp thức thực hiện khoa nghi chẩn tế, vị Chủ Gia Trì và ban Kinh Sư Hộ Đản đánh lễ Phật, Bồ Tát, tán, tụng chân ngôn và thủ ấn để thanh tịnh đàn tràng, nhiếp phục ma quân, thỉnh Phật, Bồ Tát quang lâm đàn tràng để hộ niệm, vị Chủ Gia Trì gia trì ba nghiệp: Thân bắt thủ ấn, miệng tụng chân ngôn, tâm quán niệm hình tướng Phật để nhất tâm thể nhập vào Tam Mật Du Già. Từ đây, vị Chủ Gia Trì sẽ được chư Phật trực tiếp hộ niệm để đại diện cho quý Ngài mà ban phát tài và pháp thí Ba la mật cho chúng cô hồn, nạ quý. Bấy giờ vị Chủ Gia Trì là hóa thân Phật có đầy đủ diệu lực mầu nhiệm để khai mở địa ngục và những cõi tối tăm khổ nhục của cô hồn, nạ quý, triệu họ vãn tập về đàn tràng để nhận lãnh sự bố thí tài và pháp, làm cho họ không những hưởng dụng tài thí mà còn thâm nhập Phật pháp, giải thoát mọi trói buộc của nghiệp lực bấy lâu để có thể siêu sinh.

Trong phần kinh văn của khoa nghi, chứa đựng nội dung thâm áo của Phật pháp hầu khai mở trí tuệ, hưng phát từ bi tâm; đặc biệt diễn bày những nỗi u uất, thống hận, khổ lụy mà cô hồn, nạ quý phải gánh chịu vì nghiệp lực của họ, cũng như những lời giải bày thực trạng giả tạm của cuộc đời, tính chất hư huyền của mọi hiện tượng sinh diệt trong thế giới hữu vi. Chẳng hạn:

*Hội khởi Mông Sơn tối thắng duyên
Giác hoàng thủy phạm lợi nhân thiên
Kinh tuyên bí điển siêu đồ thân
Giáo diễn chân thừa cứu đảo huyền*

(Lời dịch của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ: Do nhân duyên đặc biệt mà lễ hội Mông Sơn được tổ chức. Đức Giác Hoàng đã chỉ dạy một nghi thức làm lợi ích cho cả chư thiên và loài người. Lời kinh nêu rõ pháp điển bí mật có khả năng siêu hóa từ chôn lấp than. Giáo thuyết điển rộng ba thừa để cứu vớt khổ đau bị treo ngược)[4]

Trong phần mở đầu của Mông Sơn Thí Thực có đoạn:

Mãnh hóa diệm diệm chiếu thiết thành
Thiết thành lý diệm nhiệt cô hồn
Cô hồn nhược yếu sinh Tịnh độ
Thích tụng Hoa Nghiêm bán kệ Kinh:
Nhược nhơn dục liễu tri
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo

(Lửa dữ thiêu đốt thành địa ngục, khi thành địa ngục bị thiêu đốt thì sẽ nung cháy cô hồn trong đó. Cô hồn nếu muốn thoát khỏi địa ngục để cầu sinh về cõi Tịnh độ thì hãy trì tụng bài kệ trong Kinh Hoa Nghiêm: Người nào muốn liễu tri được tất cả chư Phật trong ba đời thì nên quán chiếu rằng trong pháp giới tánh tất cả vạn hữu đều từ tâm mà sinh).

Và:

Trước thỉnh kẻ hoàng vương đế bá
Triều đại xưa trải quá biết bao
Đền đài chín lớp ở cao
Non sông muôn dặm chén vào một tay
(Hòa Thượng Bích Liên diễn Nôm)

Hoặc là:

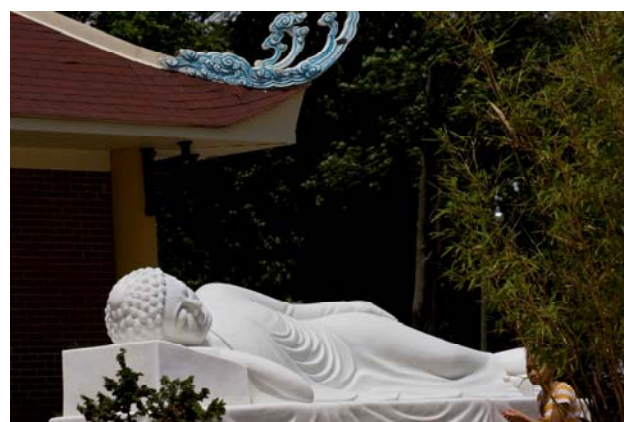
Đỗ quyền kêu suốt tàn canh
Máu hờn nhuộm mãi trên cành đào hoa
(Hòa Thượng Bích Liên)

Hay là:

Kinh song trăng thăm lạnh lũng
Nhà thiền leo lét đèn chong canh dài
(Hòa Thượng Bích Liên)

Lại như:

Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh đênh quê người
Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mò côi lần lửa đêm đêm
Còn chi ai khá ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu
(Nguyễn Du, Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh) [5]



Những kinh văn như vậy được tuyên xướng trong một hoàn cảnh trang nghiêm thanh tịnh của đàn tràng, thì không phải chỉ giải thoát được kết nghiệp của vong linh kẻ chết mà còn cảm hóa được tâm thức của người sống đang chứng kiến và lắng nghe. Người sống qua đó nhận thức được rằng những hành động bất thiện mà mình gây ra trong đời này, hoặc trong những đời sống khác sẽ là sợi dây nghiệp lực trói chặt họ vào trong thế giới oan khiên, khổ đau chập chùng. Người sống cũng nhân đó mà ý thức sâu sắc rằng trên thế gian này chỉ có từ bi mới chuyển hóa được mọi hận thù, vì tham si, thù hận do mình gây ra hay do người khác gây ra sẽ là những bức tường thành kiên cố vây hãm kiếp nhân sinh trong vòng khốn đốn, lầm than, khổ não!

Hiệu lực giải nghiệp và chuyển hóa của đàn tràng chân tế sẽ tùy thuộc vào hai yếu tố căn bản: Một là cách thức tổ chức đàn tràng, hai là

Về Nguồn

**Tim lối quay về những uổng công
Nào biết xưa nay lí vốn không
Trước mắt bao la nhưng chẳng thấy
Hoa cười tươi thắm nước mênh mông**

Thông Tay Vào Chợ

**Minh trần lem luốc cười ha ha
Ngất ngưỡng rong chơi chốn chợ xa
Phép lạ thần tiên không màng tới
Cây cối cảnh khô khiến trở hoa !**

Thích Quảng Độ dịch
Sài Gòn, mừng 1 tết Kỉ mao



Ý Tho!

Kìa kìa Nhật Nguyệt cười duyên
Lòng con thanh thần ưu phiền tan đi
Ngắm xem Bồ Tát uy nghi
Tư duy trí dũng hành trì thiền môn
Thiền đạt vô ngã vô ngôn
Quán Âm Thiền Viện giáo môn biệt truyền
Cầu cho Phật Pháp thiên niên
Chúng sanh quy tụ trên thuyền vắng sanh
Giáo điều Phật tử phụng hành
Mười Phương Tam Bảo ban ân muôn loài .
Thoát vòng sanh tử luân hồi
Tây Phương Cực Lạc Rạng Ngời Pháp
Thân ...

Cư Sĩ
PVTV



Sắc và Không

Lời kinh sắc tức thị không

Mà câu không sắc nơi lòng của tôi

Đầu năm hoa lá đều cười

Cười cho không- Sắc hay cười sắc không.

Trần Sa

Phật tử tìm hiểu:

10 bài kệ Chấn Trâu mang một nội dung hết sức sâu sắc của thiên tông, quý vị Phật tử có thể đem bài này đến chùa Quan Âm và xin tham vấn với Thầy trụ trì, chắc chắn sẽ thấu lượm được rất nhiều lợi lạc trong sự tu tập hàng ngày.

Đặc San Chùa Quan Âm

Mười Bài Kệ Chấn Trâu

Thích Quảng Độ dịch

Tìm Trâu

*Nước biếc non xanh nhuộm một màu
Um tùm lối cỏ biết tìm đâu ?
Hơi tàn chân mới hồn hieu quạnh
Chiều xuống ve kêu gọi nổi sầu*

Thấy Dấu Chân Trâu

*Ven suối bìa rừng in dấu chân
Hỏi tin hoa lá đứng tần ngần
Trời xa ráng nhạt mờ sương khói
Núi thăm rừng sâu một chiếc than*

Thoáng Thấy Bóng Trâu

*Trên cành thỏ thẻ tiếng hoàng anh
Gió nhẹ trời quang dặm liễu xanh
Thấp thoáng đâu đây hình bóng cũ
Mơ màng giấc mộng vẫn chưa thành*

Đã Bắt Được Trâu

*Giờ đây trâu đã dắt nơi tay
Cố giữ làm sao khỏi tuột dây
Có lúc như trèo lên đỉnh núi
Nhưng rồi chợt thấy ngủ trong mây !*

Chấn Trâu

*Sợ quen đường cũ lại đi hoang
Từng phút từng giây phải buộc ràng
Đến một ngày kia nên thuận thực
Tha hồ trời rộng bước thênh thang*

Cưỡi Trâu Về Nhà

*Cưỡi trâu lững thững trở về nhà
Tiếng địch chiều thu tiếng ráng xa
Bát ngát bốn bề hương trầm tỏa
Tri âm nào biết cõi lòng ta*

Quên Trâu Còn Người

*Cưỡi trâu giờ đã đến nhà rồi
Roi gác trâu buông ngủ thanh thoi
Rực rỡ vừng hồng còn dệt mộng
Trong gian nhà cỏ một mình thôi*

Quên Người Và Trâu

*Trâu người nhà cỏ thấy đều không
Lông lộng trời xanh tin chẳng thông
Sợi tuyết trên lò đang rực lửa
Đến được đây rồi hợp tổ tông*

tâm thức của cộng đồng xã hội nơi mà đàn tràng được cử hành. Cách thức tổ chức đàn tràng gồm hai điều quan trọng: Một là việc tổ chức đàn tràng phải thật sự đúng pháp thức của khoa nghi Mật Giáo, từ hình thức thiết lập đàn tràng, các phẩm vật hiến cúng, đến việc hành lễ chân tế của các vị Chủ Gia Trì và ban Kinh Sư Hộ Đàn. Hai là việc vận động trong phạm vi rộng lớn của nhân gian để mọi thành phần xã hội có thể tham gia vào đàn tràng chân tế qua hai bình diện trực tiếp và gián tiếp. Đàn tràng càng được sự tham dự rộng rãi của mọi giới chùng nào thì càng vận động được sức mạnh hộ trì về cả tinh thần lẫn vật chất của tập thể.

Ở đây yếu tố tâm thức của người tổ chức đàn tràng và của cộng đồng xã hội tham dự vào đàn tràng đóng một vai trò rất trọng yếu. Các pháp lấy tâm làm đầu mà cũng lấy tâm làm chung quyết. Điều này có nghĩa là từ tâm mà khởi niệm làm điều thiện hay điều ác, từ tâm mà quá trình thực hiện các phương tiện để dẫn đến thành tựu được quyết định, từ tâm mà kết quả được thẩm định là tốt hay xấu. Với thiện tâm thiện ý thì mọi việc đều đưa đến thành tựu thắng phước. Với cơ tâm ác ý thì dù là nhân danh việc thiện cũng chỉ dẫn đến kết quả khổ đau. Yếu tố tâm thức không những đóng vai trò chủ yếu trong đời sống cá nhân mà còn là thành tố quan trọng trong sinh hoạt cộng đồng xã hội.

Trong đàn tràng chân tế, thì yếu tố tâm thức này sẽ là thuận hay nghịch duyên để mang lại lợi lạc hay phiền lụy thêm cho các vong linh, cô hồn, nạ quý và người sống. Trong đàn tràng chân tế từ người đứng ra tổ chức, những vị Gia Trì Sư và người tham dự cầu nguyện đều cần phải phát khởi tâm thức như Chánh pháp, nghĩa là nhất tâm thành ý hồi hướng thắng duyên cho những cô hồn, nạ quý để họ có thể nhờ “thính pháp văn kinh thọ tài hưởng thực” mà trút bỏ những oan khiên, giải thoát những trói buộc của phiền não. Từ tâm thức thuần tịnh của mỗi cá nhân đến cả cộng đồng xã hội sẽ tạo thành chánh báo trang nghiêm để chuyển vận y báo chung quanh. Nhờ y báo trang nghiêm thanh tịnh của cộng đồng xã hội này sẽ chuyển hóa

được nghiệp lực của cô hồn, nạ quý, hay ít ra có thể cảm hóa được tâm thức của những vong linh, oan hồn, uổng tử. Không những thế, ngay đối với người sống trong cộng đồng xã hội, nơi mà đàn tràng chân tế được tổ chức đúng pháp, vận khởi được tâm thức thuần tịnh trang nghiêm, cũng là một cơ duyên quý giá để được cảm hóa. Khi toàn bộ cộng đồng xã hội đang hướng về điều thiện, đang vận dụng tâm thức từ bi, thanh tịnh để cứu khổ vong linh, cộng với nội dung được biểu thị của đàn tràng, sẽ là chất liệu có sức mạnh không nhỏ để cảm hóa các thành viên đang sống trong cộng đồng xã hội ấy. Đây chính là ý nghĩa tại sao, khi Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên thỉnh cầu đức Phật chỉ dạy pháp thức cứu độ cho mẹ ngài đang thọ khổ ở địa ngục, đức Thế Tôn đã dạy Tôn Giả Mục Liên phải nương nhờ oai lực thanh tịnh của mười phương Chúng Tăng mới có đủ sức mạnh vi diệu mà giải thoát cho mẹ ngài.

Sức mạnh cảm hóa đó thấm sâu đến đâu thì còn tùy thuộc vào đàn tràng được thực hiện tinh mật đến mức nào, và nội lực tâm thức của cộng đồng xã hội, nơi đàn tràng được tổ chức, phát khởi vững mạnh, đồng nhất và thanh tịnh đến chùng nào.

[1] Xin đọc bài viết “Lễ Tháng Bảy” của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ đăng trong tạp chí Phương Trời Cao Rộng, số 3, tháng 8, 2006, hoặc trang nhà: www.phatviet.com.

[2] Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết, bản dịch Việt của Tuệ Sỹ, Ban Tu Thư Phật Học, 2002, trang 116, 117.

[3] Xin đọc Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5.

[4] Trích từ bài “Lễ Tháng Bảy” của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, xem chú thích ở trên.

[5] Máy bài diễn Nôm này cũng trích từ bài “Lễ Tháng Bảy” của Thượng Tọa Tuệ Sỹ, xem chú thích ở trên





Cái hoan hỷ của đức Phật được tạo nên bằng trí giác ngộ, bằng tâm từ bi, lòng hỷ xả, đó là sự hoan hỷ vi diệu, vĩnh cửu. Một sự hoan hỷ phát xuất từ nội tâm của một người tu tập đã tự tại với nguồn tâm. Đó là sự hoan hỷ không bị ai cướp mất vì không phải giành của ai mà có được, nhưng lại ban bố cho tất cả.



Cho nên, hễ học Phật, chúng ta cố gắng xây dựng niềm hoan hỷ, an lạc bằng những công phu tu tập, trường dưỡng từ bi, khơi sáng nguồn trí giác, thì sự hoan hỷ an lạc đó chẳng sau không nhuộm bóng dáng sầu muộn, sợ hãi.

Người có tu tập là người hiểu biết tâm, khi tham tâm khởi, sân tâm khởi, tâm kiêu mạn khởi, v.v... thì phải điều phục tâm, chế ngự tâm để trở thành tự tại, tâm giải thoát. Được thế, thì trước bất cứ một hoàn cảnh nào cũng được tỉnh giác, tâm không bị chi phối. Đã thế, ta lại còn chủ động, biết sử dụng mọi phương tiện, mọi đối cảnh, để phục vụ những mục đích cao đẹp. Làm chủ được đời sống cả vật chất lẫn tinh thần là cách sống an lạc, tự tại giải thoát.

Là người Phật tử còn sống trong tương quan giữa cuộc đời, chúng ta cần phải có

tiền, cần có cơm ăn, áo mặc, cần có mọi tiện nghi cần thiết trong cuộc sống. Song cũng phải cần có từ bi hỷ xả, cần có trí tuệ, có bố thí, trì giới v.v...

Thực hiện lời Phật dạy để xây dựng bản thân và xã hội tốt đẹp là cách cầu an đầu năm thiết thực nhất, đem lại an lạc cho nhiều đời, hiện tại cũng như tương lai.

Chúng ta tụng kinh, lạy Phật cũng chỉ với mục đích trường dưỡng thiện tâm và tiến dần đến giải thoát tâm vậy.



Hòa Thượng Thích Trí Tuệ

hoan hỷ. Ta đã dứt bỏ nguồn gốc của sầu muộn rồi, cho nên Ta không sầu muộn, cũng không hoan hỷ. Tâm ta không dao động.



Qua lời dạy ngắn gọn, nhưng hàm chứa một ý nghĩa thâm sâu vô cùng, giúp ta soi rọi vào thực tế cuộc đời để thấy rằng: hoan hỷ là điều người đời mong muốn, và chỉ đạt sự mong muốn qua sự nắm bắt, chấp thủ, như mong cho được trúng số độc đắc, mong sự ước muốn tìm cầu của cải vật chất, như vậy thì cái hoan hỷ đó là những hoan hỷ đi đến với người có tâm thiếu thốn và sầu muộn, và sau hoan hỷ đó chắc chắn là những sầu muộn âu lo của mất mát. Như người vừa trúng số thì sung sướng vô cùng nhưng liền sau đó không khỏi lo sợ bà con

biết sẽ đến xin, đến mượn, hoặc bị mất, hoặc bị cháu con tranh giành làm mất hòa khí gia đình. Nếu cố giấu không cho ai biết thì cũng phập phồng sợ người ta biết.

Tham cầu là một nỗi khổ, khi thành đạt là một sự hoan hỷ, rồi mất mát lại là một nỗi khổ. Sầu muộn rồi hoan hỷ, hoan hỷ rồi sầu muộn cứ nối đuôi nhau mãi.

Có người đang còn cào vì cơn đói, đang khổ vì đói, nếu ai đem cho ổ bánh mì thì họ rất sung sướng, rất hoan hỷ. Thế là hoan hỷ đi đến với người có tâm sầu muộn.

Có người trong ngày Tết mặc chiếc áo đẹp, đang hoan hỷ trong chiếc áo đẹp, bỗng bị một kẻ tinh nghịch ném pháo làm áo bị rách, loang lổ làm người ấy tức tối, sầu muộn, như vậy là sầu muộn đi đôi với người có tâm hồn hoan hỷ.

Cuộc đời chúng ta cứ mãi diễn đi diễn lại, hoan hỷ rồi sầu muộn; sầu muộn rồi hoan hỷ. Ngày qua tháng lại. Suốt cả cuộc đời mãi loanh quanh ở trong cái vòng, cái tâm lượng của chúng sanh phân biệt, so đo hơn ngả mà có như thế.

Đức Phật, Ngài đã dứt hết nguồn gốc chấp thủ, tức là diệt hết nguồn gốc của khổ đau. Ngài luôn hoan hỷ, một sự hoan hỷ không tạo nên bằng tiền tài danh vọng, chức quyền mà là một sự hoan hỷ đã dứt sạch nguồn gốc khổ đau, tức dứt sạch vô minh, tham ái, chấp thủ. Bởi vậy, Ngài dạy: "Ta không hoan hỷ cũng không sầu muộn". Nhưng chính cái không hoan hỷ không sầu muộn trong đời đời ấy, mới là một sự hoan hỷ không thể diễn đạt bằng cái quan niệm so sánh, bỉ thử của nhị nguyên, của người trúng số đầy mong cầu và tham đắm.

Sự Vật Như Nhiên

Trời vẫn xanh, mây vẫn trôi,
Chờn vờn hoa nắng lượn ven đồi.
Rung rinh cánh gió ru hồn nhạc,
Róc rách nguồn khe nước chảy xuôi.

Rực rỡ muôn hoa lộ thắm tươi,
Truyền thông nhựa sống mạnh cho đời.
Đổi thay cây lá xanh, hồng, tím,
Lành lạnh tùng xanh đón tuyết rơi.

Chim chíp thanh không én liệng bay,
Im im trắng nước mặc voi đầy.
Nghiêng nghiêng vách đá chào sương giá,
Lặng lẽ trời Đông ngả bóng Tây.

Bát ngát hoa dâng gió thoảng hương,
Lâng lâng sao trải rộng canh trường.
Điêu hiu thiêm thiếp đời hoa mộng,
Rộn rã thanh âm khắp nẻo đường.

Bàng bạc thời gian, giây phút trôi,
Mông mênh sa-giới, một chân trời.
Dềnh dàng hiện hữu, ly ti điểm,
Tịch tĩnh chân tâm thể rạng ngời.

Pháp tính bản lai vượt có, không,
Như nhiên sự vật thể tương đồng.
Thăng hoa bừng sáng, vô phân biệt,
Trắng nước, mây trời một tính chung.

HT Thích Tâm Châu
Tu-Viện Thanh-Quang : 19.06.2001



Thiền

Nguyễn Khang

*Ta thiền kiến thấu chính thân ta
Sắc sắc không không xác là nhà
Trăm năm tạm trú hồn lưu thể
Một kiếp phong trần phá chấp qua.*

*Ta thiền gạn lọc chính tâm ta
Nương pháp Như Lai hóa giải tà
Bát Chánh luyện tu tiêu Khổ để
Khai thông Bát nhã huệ thặng hoa.*

*Ta thiền tâm đạt tới hư không
Vô thức hồn quy chuyển pháp thông
Vũ trụ càn khôn bừng sáng tỏ
Sinh linh vạn vật khí khai đồng.*

Sen Nở Tại Gia

Thầy ban cho gạo, lửa mồi
Nhưng trò biếng nhác, bắc nồi thổi cơm
Tâm là nguội lạnh sớm hôm
Đói cam rét chịu, kiếp thân luân hồi.
Muốn mong giải thoát nghiệp đời
Nhúm lửa thổi lửa, bắc nồi nấu cơm
Ấm lòng bên ngọn Hồng Tâm
Lo tròn thân nghiệp, thoát vòng tử sinh.

SEN NỞ THẤY ĐI ĐÀ

Diệu Trân

Đây là câu kết bài thơ không đề của Liên Ân Thiên Sư. Nội dung bài thơ rất đơn giản, ngôn từ mộc mạc, thân thương như những lời nhắc nhở của thầy với trò, của cha mẹ với con cái, của bằng hữu với thân quen tùy người đọc đứng ở góc độ nào cũng cảm nhận được năng lượng từ đối tượng mình. Bài thơ chỉ có thể này thôi, mà truyền cảm vô cùng:

Tóc sương thay mái đầu xanh
 Một đời sự nghiệp nghĩ thành không hoa !
 Soi bồn phận,
 Lánh đường tà.
 Âm thầm thời tiết đổi,
 Lặng lẽ tháng ngày qua.
 Kịp mau tìm đến chơn thường lộ,
 Dám chậm chờ xem bệnh tử mà !
 Cõi Phật đâu cách xa,
 Về chăng chỉ tại ta !
 Mỗi niệm chỉ cần không thối chuyển,
 Ao vàng đã sẵn có Liên Hoa
 Thân tàn về cõi báu,
 Sen nở thấy Di Đà.

Bài thơ đã được người bạn Trần Q Long phổ thành nhạc nên tôi thường hát ngẫu ngao khi cùng Mẹ quét lá, dọn vườn. Không biết Mẹ đã nghe bao lần mà một hôm, tôi sững sốt khi mẹ lồm bồm hát theo. Tôi im bật thì Mẹ cũng im. Tôi vui mừng, nồn nả giục:

- Hát tiếp đi Mẹ, "Cõi Phật đâu cách xa" rồi sao nữa ?

Mẹ tôi bẽn lẽn:

- Nghe cô hát riết rồi quen thôi, chứ mẹ đâu có nhớ ! Như tụng Chú Đại Bi, nếu có ai tụng thì Mẹ tụng theo được, còn một mình thì nhớ sao nổi, cứ câu nọ sọ câu kia !

Đó là thời gian Mẹ tôi chưa có triệu chứng bị lú lẫn. Hai mẹ con thành thói quen, hễ cùng làm việc ngoài vườn là thế nào cũng có lúc cùng hát bài này mà không hề ý thức là mình

đang hát. Mẹ tôi hay quên một đoạn. Cứ dứt câu "Dám chậm chờ xem bệnh tử mà !" là Mẹ tới luôn câu kết " Thân tàn về cõi báu. Sen nở thấy Di Đà"; Và tôi lại la lên:

- Chưa, bà cụ ơi ! Đâu có thấy Phật A Di Đà dễ vậy ! Còn phải quyết tâm muốn về, phải tu, phải tụng, phải niệm thì thân tàn mới về cõi báu được chứ ! Mẹ bỏ sót đoạn này này. Và tôi hát:

Cõi Phật đâu cách xa
 Về chăng chỉ tại ta
 Mỗi niệm chỉ cần không thối chuyển
 Ao vàng đã sẵn có Liên Hoa.
 Tới đây, Mẹ tôi hát tiếp ngay:
 Thân tàn về cõi báu
 Sen nở thấy Di Đà.



Hơn một năm sau này, trí nhớ của Mẹ tôi bị rối loạn nhiều hơn. Khi thì hoàn toàn sống trong thế giới khác - thường là thế giới của quá khứ - khi thì lại rất tinh táo, con cháu cố tình nói chuyện lắt léo để thử nghiệm thì không những Mẹ biết ngay mà còn dùng lý luận sắc bén để hóa giải nữa. Bên cạnh những giây điện trí nhớ chạm nhau rắc rối, Mẹ tôi có sức khỏe rất tốt

nằm dưới đất mà vẫn lấy làm an vui, người không biết đủ, dù ở thiên đường vẫn không vừa ý".



Chúng ta nhìn lên gương chư Tổ đức, quý ngài có đời sống vật chất rất đơn sơ, đạm bạc, thế mà tâm hồn quý ngài rất tự tại, rất khoan khoái, rất an nhiên vui vẻ. Không hề thoáng những nét cau có, giận hờn hoặc buồn rầu. Vì sao như vậy? Bởi vì tâm hồn của quý ngài đã lướt trên tất cả những tầm thường của đời sống thế gian, đời sống của tham lam ích kỷ. Quý ngài đã làm chủ được tâm, điều phục được tâm, để tâm không bị chi phối bởi ngoại cảnh, bởi tham, sân, si, nên đối trước hoàn cảnh nào quý ngài vẫn tự tại an vui. Đúng là "Tâm bình thế giới bình, tâm xuân vũ trụ xuân".

Cho nên Phật đã dạy: "Tự tại với tâm, tự tại với pháp". Thường chúng ta chỉ đi tìm sự an bình trong thế giới hiện tượng, tìm nguồn vui trong vũ trụ vật chất luôn chuyển biến vô thường, nên chúng ta chỉ nắm bắt được những bào ảnh an lạc. Và chính cái lạc ấy lại là nhân của cái khổ, nhân quả quả nhân, mãi vận hành, trong quá trình sinh tử.

Có một hôm, đức Thế Tôn ngồi một mình trên đám cỏ, một người đi qua thấy vậy liền hỏi:

- Sa-môn Cù-đàm có sầu muộn hay sao mà ngồi một mình cô độc thế?

Đức Phật trả lời:

- Ta mất gì mà Ta sầu muộn?

Ông ta lại hỏi:

- Nếu không sầu muộn thì chắc là Ngài hoan hỷ, mà hoan hỷ thì sao lại ngồi cô độc một mình?



Ngài lại trả lời:

- Ta được gì mà Ta hoan hỷ?

Người đó ngạc nhiên hỏi lại:

- Không sầu muộn thì hoan hỷ, không hoan hỷ thì sầu muộn. Ngài không hoan hỷ, không sầu muộn là nghĩa làm sao?

Ngài trả lời rằng:

-Hoan hỷ chỉ đến với người có tâm sầu muộn, sầu muộn chỉ đến với người có tâm

bằng sự tiết chế tất cả những nhu cầu tối thiểu và tự hành hạ thân xác. Đó chỉ là những lối sống không trung đạo, thiếu cân bằng mà ngày xưa đức Thế Tôn đã từ bỏ và cấm các đệ tử thực hành.



Trong bài pháp Tứ đế đầu tiên cho năm vị Tỷ-kheo, câu mở đầu Ngài dạy rằng:

Có hai thái cực cần phải tránh xa:

- Thái cực thứ nhất là sống xa hoa trụy lạc vật dục, đó là lối sống thấp hèn, không đưa đến giải thoát, cần phải tránh.

- Thái cực thứ hai là sống ép xác khổ hạnh, nhịn ăn nhịn mặc, chịu đói chịu rét, đứng giữa trời, nóng lạnh hành hạ, thì đó cũng là lối sống tà vạy không đưa đến giải thoát, cần phải tránh.

Đức Phật khuyên cần phải tránh xa hai lối sống ấy để tu hành mới đưa đến giải thoát. Như vậy Ngài không phủ nhận đời sống về thể xác, nhưng Ngài cũng không tán dương cái lối sống tham đắm vật chất, chỉ biết chú trọng đến thân mà không chú trọng đến tâm. Lời dạy của đức Phật nhắc nhở cho tất cả ai muốn đi trên con đường an lạc, thì trước nhất phải có lối sống quân bình, chứ không phải bỏ ăn, bỏ làm, ghét bỏ của cải

hoặc phung phí của cải, nhưng phải biết sống không say mê vật chất, không say mê theo đời sống dục lạc, xa hoa, không tìm hạnh phúc, không chôn vùi cuộc đời vào cần sa thuốc phiện, chén rượu sòng bạc. Đức Phật đã bỏ quốc thành, thê tử đi xuất gia là dạy cho chúng ta bài học đó. Nhiều tiền chưa hẳn có hạnh phúc, chức trọng quyền cao chưa chắc có hạnh phúc. Các yếu tố vật chất chỉ là những phần phụ thuộc, còn cái hạnh phúc chân thật bao giờ cũng chính là trong lòng chúng ta.

Khi lòng ta khởi tham lam do bị tiền của chi phối, bị quyền lợi danh vọng chi phối, thì tâm của ta trở nên hẹp hòi ích kỷ, khi đã ích kỷ thì nó không thể trải rộng để hứng lấy những hạnh phúc cao thượng, chân thật được. Bởi vậy, trên bước đường tu tập cầu giải thoát an lạc, người Phật tử phải chú trọng tu tập cả hai mặt thể xác lẫn tâm hồn. Với thể xác luôn luôn phải biết tri túc, cần có cơm đủ no, mặc đủ ấm, cần đủ những tiện nghi tối thiểu mà không nên hưởng thụ tham đắm vật chất tức là phải sống quân bình không để rơi vào hai thái cực như Phật đã dạy. - Với tinh thần, phải giữ cho tâm hồn luôn luôn được trong sáng, được rộng rãi. Người Phật tử càng biết mở rộng từ bi tâm, càng diệt trừ được chấp thủ, tham ái thì càng có hạnh phúc chân thật. Khi tâm hồn không trong sáng nhiều tham đắm thì dù ở trên vàng trên bạc họ vẫn không cho là đủ, vì còn mong cầu là còn khổ. Hạnh phúc chỉ đến với những tâm hồn biết tiết chế, có đạo đức cao cả, có tu tập theo giáo pháp đức Phật, sống trong sáng, hướng thiện, sống vô tham, biết đủ như trong kinh Di Giáo đã dạy: "Người nhiều ham muốn, nhiều tham cầu lợi dưỡng nên khổ não cũng nhiều. Người biết đủ tuy

với số tuổi 85. Mắt đọc báo không cần đeo kính, răng ăn mía dễ dàng, 9 giờ tối lên giường ngủ một mạch đến sáng. Với tình trạng sức khỏe của thể chất như thế, chị em chúng tôi tạm yên tâm, cất đặt công việc thay phiên nhau trông Mẹ để canh chừng lúc tỉnh, khi mơ. Qua những đợt tới phiên trông Mẹ, tôi có được kinh nghiệm là cứ nương theo những "cơn mơ" của Mẹ, thay vì cố gắng giải thích không phải thế này, không phải thế kia. Nếu Mẹ tôi bảo: "Chị ơi, cho em mượn hai chục em đi xe về nhà kéo các con em nó trông!" thì tôi sẽ nói: "Chị cũng hết tiền rồi em ơi, nhưng có ông tài xế xe đồ quen, ông bảo cứ chờ đây rồi ông cho quá giang. Em có muốn đi thì cứ ở đây chờ với chị" Thế là mẹ tôi vui mừng: "Có! Có! em chờ đi với chị". Rồi chỉ một lát sau, Mẹ ra khỏi cơn mơ, kêu đói bụng và hỏi: "Chiều nay mình nấu món gì hả cô?"

Cứ thế, từ sáng đến tối, hai mẹ con đóng đủ vai, khi thì chị em, khi thì bác cháu, khi lại mẹ con; khi đang ở Mỹ, lúc lại đang ở Hà Đông, Hà Nam, có khi chưa đầy 5 phút, Mẹ đang điều đình bán trang trại ở Thái Nguyên mà đã có mặt ở Sài Gòn để người mua trao tiền !!!

Gần đây, Mẹ hay nhắc đến Việt Nam, cả khi tỉnh lẫn lúc mơ. Các em tôi bàn nhau đưa Mẹ về chơi vì chị em chúng tôi còn một nửa ở Việt Nam. Các em tôi nói, để Mẹ ăn Tết xong, nhân nha vài tháng rồi hãy qua Mỹ lại. Tỉnh thoảng tôi được tin tức là Mẹ vẫn khi tỉnh, lúc mơ nhưng sức khỏe rất tốt, lên được tới mấy kí! Tôi chỉ không biết là có ai hướng dẫn Mẹ tụng kinh nữa không!

Mùa Phật Đản năm nay, hoa Vô Ưu nở rộ. Mới khoảng giữa tháng tư dương lịch, tức là chưa tới cuối tháng ba âm lịch mà có nơi đã tổ chức Đại lễ Khánh Đản. Có lẽ Quý Thầy đã cùng thảo luận, chia thời gian để đừng quá nhiều chùa tổ chức cùng, hầu Phật tử có thể gieo duyên được ở nhiều nơi. Hàng năm, mùa Phật Đản cũng rất cận kề Ngày Của Mẹ nên cũng là dịp các con đưa Mẹ đi chùa và cảm theo đóa hoa hồng đẹp nhất để tặng Mẹ.

Năm nay, tôi không được ở gần Mẹ nhưng biết rằng, nơi quê nhà, Mẹ vẫn đang khỏe mạnh và đang vui với các con, các cháu. Tôi tự nhủ, dù không có Mẹ nhưng vẫn cảm theo đóa hồng đỏ khi đi dự lễ Phật Đản để dâng lên Phật lời cầu an cho Mẹ.

Nhưng đêm 14 tháng tư âm lịch, nhằm ngày 11 tháng năm dương lịch, qua đường giây điện thoại viễn liên, các em tôi khóc: "Mẹ vừa đi rồi!"

Mẹ tôi đi rồi!

Mẹ đi như mơ!

Mẹ đi nhẹ nhàng, như thay áo!

Áo cũ rồi, ta thay áo mới mà thôi!

Nếu hiểu được "Vô sinh bất diệt" thì chẳng phải chỉ Chư Phật mới "Thị hiện Đản Sinh, thị hiện Niết Bàn" mà chúng sinh và muôn loài cũng đều thị hiện Đản Sinh, thị hiện Niết Bàn vì theo lý duyên sinh vô ngã thì không gì tự nó mà thành, cái này đến rồi đi vì cái kia đi rồi đến, trong sinh diệt luôn sẵn mầm bất diệt.

Không gian tinh khôi như đang dịu dàng nở những đóa hồng trắng trên áo Vu Lan cho những người con không còn Mẹ. Vâng, tôi biết rồi, Vu Lan năm nay, chị em chúng tôi sẽ không còn được cài hoa hồng đỏ nữa; nhưng tôi cũng lại biết, tuy đón nhận đóa hồng trắng Vu Lan, tôi sẽ không nghĩ là mình vừa mất Mẹ. Không, Mẹ tôi chỉ Thị Hiện Niết Bàn, chỉ "tưởng như" vừa về với Phật, tưởng như "Thân tàn về cõi báu. Sen nở thấy Di Đà". Nếu hội đủ duyên, Mẹ tôi sẽ lại Thị Hiện Đản Sinh dưới hình thức này hoặc hình thức khác; và nếu có đủ tuệ nhãn, một ngày nào đó, tôi có thể nhận ra Mẹ nơi thiện nam tử này, thiện nữ nhân kia, nơi bông hoa nở, nơi áng mây bay vì cả vạn hữu quanh ta đã từng là cứu huyền thất tổ, ông bà, cha mẹ....

Ôi, vạn hữu trong nhiệm màu Chư Phật chưa từng để một chúng sinh nào phải đau khổ cô đơn.

Mẹ ơi, con xin tụng một ngàn lần, câu chú
Bát Nhã thay quà tặng Mẹ trong mùa Vu Lan
nhé:

Yết Đế, Yết Đế, Ba La Yết Đế, Ba La Tăng
Yết Đế, Bồ Đề Ta Bà Ha

Diệu Trân
14 tháng 4 Bính Tuất
(Ngày Mẹ đã qua bờ bên kia)



Giác Ngộ

Thân bất tịnh của phù du
Lợi danh như thể sương mù non cao
Cuộc đời như giọt nước trào
Hãy mau quay lại bước vào thiền môn.
Thiện Tuấn

Đi chùa cuối năm

Nguyễn Khang

Đi chùa lễ Phật cuối năm,
Món chay, bánh tét, bánh chưng ngập đầy,
Hương, hoa rực rỡ trưng bày,
Lời kinh tụng niệm ngân dài khói vương,
Thiện nam tín nữ hành hương,
Nam vô! xin lộc " Phật thương độ trì ".

Giao Thừa

Giao Thừa thấp nén hương lòng,
Lãng quên năm cũ hương vòng lung linh,
Nghênh tân rộn rã tiếng chim,
Cầu xin hạnh phúc, chúng sinh an lành,
Vọng vang Âm Phật rờ rành,
Tâm Như Lai, khắc ngộ thành Như Lai.

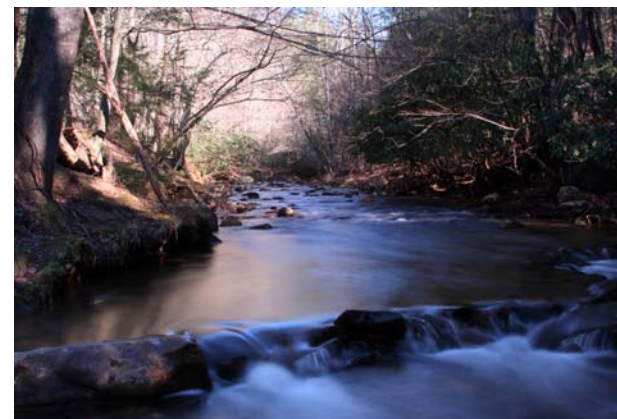
Đầu năm

Chuông chùa thỉnh rộn trời xuân,
Khai kinh tiếng kệ vang ngân khánh đảo,
Lòng thương nhớ Mẹ dạt dào,
Lời kinh Mẹ tụng ngọt ngào tâm con,
Nam mô! giọt lệ vui tan,
Mẹ tôi hóa Phật đang ban phước lành.

Bông Trắng Thiền Trà

Ngọc thô rạng, Quán Âm Thiền Viện
Chón Thiền Môn, liễu rữ huỳnh quang
Sa môn ẩm, trà sen thoát tục
Thoáng hương thiền, vọng ảnh thành
chơn.

Tứ tượng diệt, chơn tâm thể hiện
Sắc sắc không, vô trụ vô thiền
Sanh tự tại, ý sanh tâm cảnh
Cõi Ta Bà, phổ độ tùy duyên.



Thần Quang là một cao tăng Trung Hoa, sau khi mệt nhọc lặn lội tìm đến gặp Tổ Bồ-đề-đạt-ma đang ngồi lặng nhìn vách tại chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, ân cần tha thiết van xin Tổ giải thoát nỗi thống khổ ray rứt của lòng mình, nhưng Tổ vẫn yên lặng, làm li thân nhiên một cách tàn nhẫn. Thần Quang không nản chí, đứng suốt đêm giữa tuyết với đôi mắt long lanh, hoài vọng. Tổ cảm thấy động lòng, liền hỏi:

- Người đến đây để cầu việc gì?

Thần Quang rưng rưng nước mắt vội thưa:

- Bạch Thầy, tâm con không an, xin Thầy an tâm cho.

- Người hãy đem tâm người ra đây, ta an cho.

Thần Quang sững sốt một hồi lâu, rồi thưa tiếp:

- Bạch Thầy, con kiếm tâm mà chẳng thấy đâu cả.

Tổ đáp:

Đó, ta đã an tâm cho người rồi đó (Vô môn quan).

Đây là một cách an tâm thâm thúy nhất trong muôn vàn cách an tâm mà đức Phật đã dạy, được ghi lại thành văn và không thành văn. Nếu ai có một tâm hồn tha thiết cầu an tâm và biết tiếp thu thấu đáo pháp an tâm của đức Phật thì chắc chắn cũng được an tâm như ngài Thần Quang.

Vậy vấn đề cầu an không phải chỉ một mực cầu an thân mà bỏ mất sự cầu an nơi tâm hồn. Nếu thân không có tâm thì đó là một đồng thịt, một xác chết. Cho nên, thể xác được an lạc khi có sự cảm nhận ấy của tâm thức, và cấp độ an lạc cũng tùy thuộc vào sức mạnh của tâm thức. Như có người dù bệnh nhẹ, nhưng tâm hồn yếu đuối, khiếp nhược thì nỗi khổ đau của cơn bệnh sẽ tăng gấp bội. Và ngược lại, người bị bệnh nặng, nhưng với tâm thức bình tĩnh sáng suốt, có ý chí vững mạnh, không giải đãi buông xuôi, thì nỗi khổ đau của cơn bệnh cũng được giảm thiểu. Với sức mạnh của tâm hồn, tức là tâm an lạc, có tác động làm vơi đi những khổ đau ở thân xác.



Ở đời thường có hai hạng người sống theo hai lối sống thái quá: - Có hạng chỉ chú trọng củng dưỡng thân xác, tạo an lạc cho thân xác bằng sự thỏa mãn những ham muốn nhục dục. Lại có hạng quá khổ hạnh

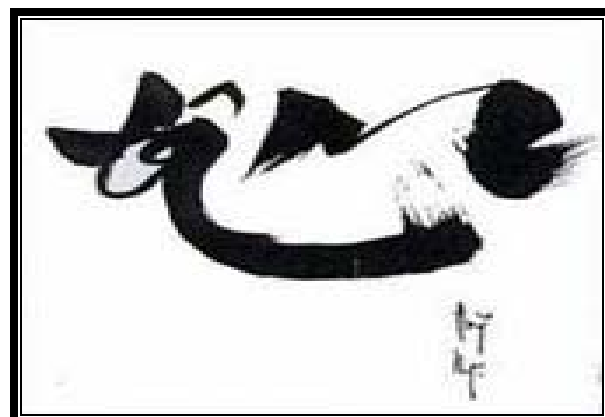
chứ ít khi nghĩ đến sự an lành cho tâm hồn, nên họ thường thân nhiên để cho tham tâm khởi, si tâm, kiêu căng, ngã mạn khởi. Kết quả họ là phải chuốc lấy nhiều phiền muộn, ray rứt ân hận đè nặng lên tâm thức hằng ngày, hằng giờ, từng phút, từng giây không bao giờ nguôi.



Trong mối tương quan tương duyên giữa thân và tâm quyện vào nhau thì những nỗi bất an hoặc sự an lành của thân và tâm khó mà trình bày một cách tách bạch. Hơn nữa, vấn đề cảm nhận còn tùy vào nhận thức và khả năng tu tập.

Trình bày một cách giản lược, thì sự bất an và an lành được tác động trên hai lãnh vực là bên ngoài và chính tự trong ta.

Những cái bất an đau khổ từ bên ngoài đưa đến, đó là sự bất an của hoàn cảnh, như bị tai nạn, bị đánh đập, tai trời vạ người. Muốn tránh, ta phải có những hành động thích ứng để đem lại an lành. Nếu bị bất an do đói rét, ta phải tìm công ăn việc làm, phải cần mẫn, làm việc có phương pháp để đem lại cơm no áo ấm. Khi thân nhuốm bệnh, ta phải điều trị, uống thuốc, biết đi dưỡng và đề phòng.



Còn sự bất an chính tự trong ta là những sầu, bi, khổ, ưu, não. Muốn tránh những bất an ấy, ta phải tri tụng kinh chú, tức là trau giồi tâm ta bằng cách tu tâm dưỡng tánh, thực hành theo giáo lý của đức Phật dạy. Như đau khổ vì tham tâm, ta cố gắng tu pháp môn bố thí. Quán rõ thật tướng của vạn pháp là vô thường, khổ, vô ngã cho lòng tham lắng xuống. Khi sân làm ta đau khổ, thì phải tu pháp quán từ bi, tu pháp nhẫn nhục, để đập tan ngọn lửa sân hận đang hừng hực đốt cháy từ tâm của ta. Nếu đau khổ vì si mê tật đố, ta phải tu pháp quán nhân duyên, để nhận thức rõ ràng tất cả sự vật đều do nhân duyên giả hợp, là trống rỗng, là hư dối, chứ không phải là chắc chắn như ta tưởng. Khi đã quán rõ được các pháp như vậy, thì tự nhiên tâm bỉ thử, tật đố lắng xuống nhường chỗ cho một nhận thức rộng rãi hơn, sáng suốt hơn, không bị cái bỉ thử, tham lam chấp thủ làm điên đảo.

Giải trừ được sự tác động của tham, sân, si trong tâm, đó là cách cầu an làm cho tâm hồn nhẹ nhàng trong sáng.

Ngài Thần Quang đến cầu xin Tổ Bồ-đề-đạt-ma an tâm cho mình, cũng chính vì lẽ này.



Khi tôi học đạo

Ngày xưa khi còn là chú đệ tử mới học đệ ngữ, trong những buổi hầu trà tôi nghe quý Thầy đàm đạo với nhau về một đề tài từ một bộ kinh hay một cuốn sách thiền nào đó, mà ý chính là thế này: “*Khi tôi chưa học đạo, tôi thấy núi là núi; sông là sông; khi tôi học đạo tôi thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông; sau khi học đạo xong tôi lại thấy núi là núi, sông là sông*”. Tôi nghe mà chẳng hiểu chi dù có vắt óc suy nghĩ. Về sau học môn triết Tây, nghe giáo sư giảng về cái Ta (le moi), tôi nhớ có một ý rất triết mà cũng rất thơ: “*tôi không thể ngồi bên cửa sổ để nhìn tôi đi qua đường*”. Những ghi nhận đó cứ đeo đẳng mãi trong đầu và tôi chẳng tự tin là mình hiểu những ý trên là đúng hay không.

Tại sao khi chưa học đạo thấy núi là núi, sông là sông; đến khi học đạo thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông; khi học đạo xong lại thấy núi là núi sông là sông? Sau nhờ học Duy Thức vấn đề mới được giải mã.

Thì ra thế giới với thiên hình vạn trạng trong đó con người cùng muôn vật chung sống, theo Duy Thức học đó là thế giới của “*ý ngôn cảnh*”. Cảnh chỉ cho thiên hình vạn trạng, ý chỉ cho ý tưởng, ý niệm và ngôn chỉ cho ngôn cú danh xưng.

Khi tắm dưới sông ai cũng cảm nhận được cảm giác mát dịu của dòng sông, và mặc nhiên không ai bận tâm đặt vấn đề là có dòng sông hay không có dòng sông; nếu có, thì cái gì là dòng sông? Nếu không thì tại sao? Có lẽ vì không quan tâm truy cứu nên ai cũng thấy núi là núi sông là sông; nếu quan tâm truy cứu ta sẽ thấy cái được gọi là sông với dòng nước chảy, thực thì đó không hẳn là sông hay dòng sông.

Thứ nhất, nếu một người từ lúc sinh ra đến khi trưởng thành chưa hề nghe ai nói đến từ *sông*. Cũng không được ai dẫn đến và chỉ cho thấy con sông hay dòng sông, chắc chắn người ấy khi tình cờ gặp phải dòng sông họ sẽ ngỡ ra không hiểu và gọi được dòng sông họ đang thấy là cái gì.

Thứ hai, ngay những người từng nghe, thấy và tắm dưới sông đi nữa họ cũng không thể gọi đúng tên cái thực tại mà họ đang đắm mình trong đó, bởi danh từ dòng sông hay dòng nước sông thuần túy chỉ là danh ngôn được dùng để miêu tả vấn đề, chứ danh ngôn bản thân nó hoàn toàn không phải là vấn đề.

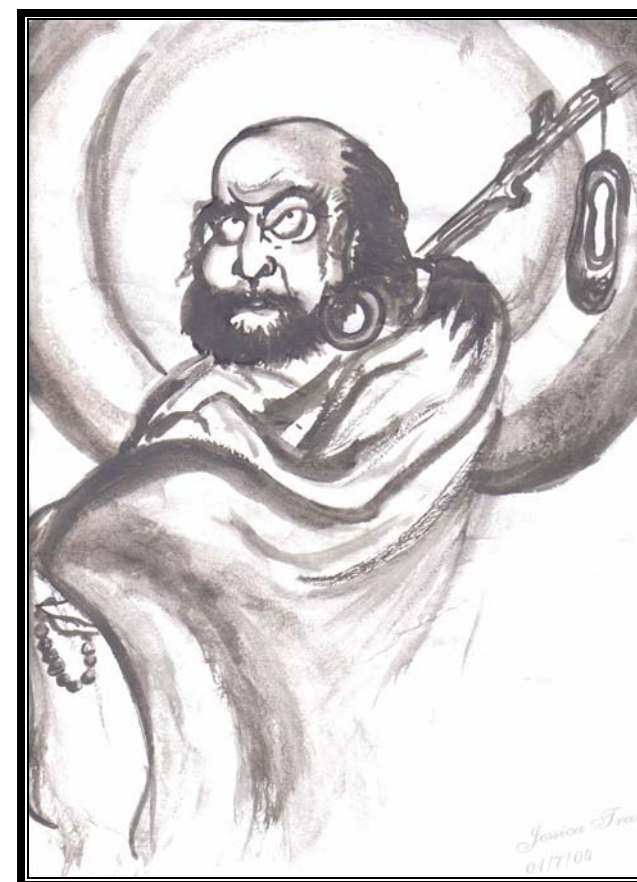
Thứ ba, cái được gọi là sông hay dòng sông kỳ thực là không có, bởi dòng sông mà ta đang tắm, nếu phân tích về mặt vật lý thì không có cái gì là dòng sông. Dòng sông là sự kết tụ của vô số những phân tử nước, tách rời tất cả những phân tử nước ấy đi dòng sông sẽ còn là hư vô, và như ta biết trong mỗi một phân tử nước luôn phải hội đủ hai thành tố là Hydro và Ôxy (H₂O). Thiếu một trong hai thành tố này sẽ không có sự xuất hiện của một phân tử nước, chưa kể là phân tử nước chỉ có và tồn tại trong môi trường thích hợp, trong một môi trường không thích hợp ngay cả một phân tử nước cũng không thể có nói chi là có cả một dòng sông!

Như vậy, danh từ dòng sông được dùng để miêu tả một hiện tượng vật lý mà hiện tượng đó thực chất nó hoàn toàn không có thực thể cá biệt của riêng nó. Do đó, dòng sông chỉ thuần là vấn đề của ý ngôn cảnh, tức hiện tượng vật lý chỉ tồn tại trong phạm trù của tư tưởng và ngôn ngữ của sự hiểu biết và phân biệt của sự nhận thức hay của Thức mà thôi, chứ hiện tượng vật lý không tồn tại bên ngoài sự hiểu biết và phân biệt của Thức. Theo Duy Thức học, ngôn ngữ và tư tưởng hay sự hiểu biết và phân biệt của thức được sinh khởi từ “*danh ngôn chủng tử*”. Danh ngôn chủng tử hay hạt giống của tư

An Tâm

HT. Thích Thiện Siêu

Hàng năm khi những ngày đông ảm đạm giá rét trôi qua, bầu trời lại được sưởi ấm và trên những cành cây trụi lá đã nảy lộc đơm hoa, lòng người theo đó cũng hớn hở đón xuân với bao niềm ước vọng. Trong khung cảnh Minh niên đầy hân hoan, lòng người con Phật lại thành kính hướng về Tam Bảo để cầu nguyện.



Trong đời sống không ai không khỏi bất an trước bao nỗi lo toan phiền muộn, nên cầu an là điều ai cũng đều mong ước. Người ta

cầu nguyện bằng nhiều cách, tùy ở niềm tin và nhận thức.

Nếu ai chưa thấm nhuần Chánh pháp, thì họ đi khấn vái am này đền nọ, hoặc cúng sao giải hạn đầu năm. Người thấm nhuần Chánh pháp không cho lối cầu nguyện ấy là thích đáng, là lợi lạc viên mãn. Người Phật tử nghĩ rằng: Duy chỉ đem tâm thành kính thanh tịnh trang nghiêm trì tụng kinh chú trước ngôi Tam Bảo và vâng lời Phật dạy làm những việc ích mình lợi người, bố thí phóng sanh để cầu cho thế giới hòa bình chúng sanh an lạc, thì sự cầu nguyện ấy mới đúng với Chánh pháp.

Sự an hay bất an được thể hiện ở trên hai lãnh vực là thân và tâm. Khi thân bị bệnh, bị đói khát, rét mướt, tai nạn, tật nguyền, bị tra tấn đánh đập v.v... đó là những bất an của thân. Khi tâm sầu muộn, bi ai, âu lo, sợ sệt, ân hận hay uất hận, giận hờn, bị các phiền não của tham, sân, si chi phối đó những mối bất an của tâm.



Ở đời cũng có những hạng người sống hời hợt, chỉ biết tìm cầu sự an lành ở thể chất qua sự đáp ứng cho những đòi hỏi như: ăn ngon, mặc đẹp, lắm của nhiều tiền, mong cho tai qua nạn khỏi, công thành danh toại,

thể. Khi người Phật tử đánh lễ, cúng dường Đức Phật, họ trân trọng Ngài bằng cách đọc lên một vài bài kệ ca ngợi những phẩm hạnh tinh khôi của Ngài. Những bài kệ này không phải là những lời cầu nguyện theo ý nghĩa đòi hỏi một đấng sáng tạo, một đấng thượng đế hoặc là một vị thần nào đó rửa sạch những tội lỗi của họ. Những bài kệ này đơn giản chỉ là một phương tiện giúp chúng ta thành tâm trong khi dâng lễ một Bậc Đạo Sư vĩ đại đã chứng đắc giác ngộ và giải thoát nhân loại khỏi khổ đau, và mang lại lợi lạc cho tất cả nhân loại. Người Phật tử tôn kính trân trọng Bậc Đạo Sư của họ là vì muốn van xin để đạt được lợi ích cho chính bản thân họ. Đức Phật cũng luôn khuyên chúng ta nên tôn kính những ai đáng được tôn kính. Do đó người Phật tử có thể tôn kính, trân trọng và đánh lễ bất cứ Bậc Đạo Sư nào xứng đáng được tôn kính. Trong lĩnh vực cầu nguyện, người Phật tử hành thiền định để huấn luyện tâm và tự kỷ luật, kiểm soát tâm của mình. Vì những mục đích của hành thiền, cho nên một đối tượng cũng rất cần thiết, nếu không có nó thì việc định tâm, tập trung tư tưởng sẽ rất khó khăn. Thỉnh thoảng, người Phật tử dùng hình ảnh Đức Phật như là một đối tượng, đề mục nhờ vào đó mà họ có thể tập trung tư tưởng một cách dễ dàng hơn.

Ngoài ra, những hình ảnh là ngôn ngữ của tiềm thức. Do vậy, nếu như hình ảnh của một Bậc Giác Ngộ được quán chiếu, suy tư trong tâm của hành giả như là một sự hiện thân của chúng sanh hoàn hảo, thì sự quán chiếu, suy tư như thế sẽ thể nhập vào tầng thức của hành giả và nếu sự quán chiếu đủ mạnh, thì sự quán chiếu sẽ hoạt động như một cái phanh tự động kìm hãm những động cơ tạo nghiệp bất thiện.

Hình ảnh Đức Phật như là một đối tượng có thể thấy được bằng mắt có một ảnh hưởng rất hữu dụng cho tâm. Sự hồi tưởng những kinh nghiệm tu tập, giác ngộ của Đức Phật phát sinh ra niềm hân hoan, hỷ lạc trong tâm, và đưa hành giả từ một trạng thái trạo cử (restlessness), căng thẳng và tán loạn đi đến trạng thái hân hoan, hỷ lạc. Một trong những đề mục của thiền quán là quán tưởng Đức Phật bằng cách nhận diện và đánh giá cao sự hy sinh vĩ đại của Ngài. Vì vậy, việc sùng bái hình tượng Đức Phật là mục đích giúp cho tâm được định dễ dàng hơn và không nên xem đó là một sự sùng bái thần tượng, mà nên xem đó như là một hình thức lý tưởng của việc sùng bái.

(Nguyên tác HT. tiến sĩ Ksri Dhammananda)



tưởng và ngôn ngữ từ vô thì đến giờ huân tập vào tạng thức chúng ta và đã thành tập khí, tức thói quen vốn có từ muôn kiếp nghìn đời; và rồi chúng ta dùng tập khí danh ngôn chủng tử này để nhận biết và phân biệt hiện tượng vật lý. Chứ kỳ thực chúng ta hoàn toàn không biết được gì về hiện tượng của thế giới vật thể. Nói cách khác, chúng ta nhận biết là nhận biết về chính những dữ kiện tri thức mà chúng ta tích lũy được qua quá trình thu thập kiến thức của chúng ta mà thôi, chứ chúng ta không thể nhận biết thế giới vật thể bằng chính những gì thuộc về thế giới vật thể.

Luận Thành Duy Thức: Chủ thể nhận thức cho rằng sự nhận thức chỉ xảy ra khi có đối tượng bị nhận thức, thực thì chủ thể nhận thức không thể nhận thức được đối tượng bị nhận thức, chủ thể nhận thức chỉ nhận thức được những khái niệm, những ý tưởng của chính bản thân của chủ thể nhận thức có được về đối tượng bị nhận thức, chứ chủ thể nhận thức không thể hóa thân vào đối tượng bị nhận thức (khách thể) để nhận biết những gì được nội hàm trong đối tượng bị nhận thức. (nặng thủ bỉ giác, diệc bất duyên bỉ, thị năng thủ cố, như duyên thủ giác).

Quả đúng là khi tôi học đạo tôi thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông. Vậy núi, sông trước mắt thì sao? Núi sông trước mắt theo Duy thức học đó là hiện tượng y tha khởi, theo Hoa Nghiêm tông đó là duyên khởi hay duyên sinh, mà duyên sinh thì vô tự tánh, tức duyên sinh không tự có thể tánh riêng ("Pháp bất cô khởi tượng cảnh phương sanh"). Các pháp không thể độc lập sinh khởi mà phải nương nhau. Một cây bông lau mảnh khảnh yếu đuối không thể tự đứng trước gió được, nhưng một bụi bông lau nương dựa nhau có thể đứng vững giữa trời (như thúc lô phục).

Tỳ kheo Thích Tâm Trí
Chùa An Dưỡng
Vĩnh Thái, Nha Trang
Xuân Quý Mùi - 2003

Cơm chùa

Tâm Không - Vĩnh Hữu

Ta về thọ hưởng cơm chùa
A ha... ngon quá, bụng vừa hoan ca
Bồi hồi vị đắng khổ qua
Bát canh tưới đẫm gấm ra ngọt bùi
Bao năm bụng chén cơm Đồi
Loay hoay thắng bại toi bởi mưu sinh
Ngon chi đâu khẩu vị mình
No chi đâu cái bụng cảnh há hề?
Cơm chùa một bữa no nê
Hoác nhiên quên cả đường về nhân gian
Hạt cơm thanh tịnh: Hạt Vàng
Pháp hây hây thổi, nhẹ nhàng tâm tư
Rau vườn hòa hợp đậu tương
Mang về phố thị vị hương cõi Thiên
Cơm ngon khoảnh khắc hiện tiền
Gọi kêu Phật Tánh thức liền giác Mê
Nam mô... lạy tạ trở về
Ngày mai có đưa bỏ bê cơm Đồi!



Đêm và Hoa Quỳnh

Diệu Trân



Quỳnh hoa âm thầm nở
Bóng đêm hờ hững rơi
Giọt sương hay giọt lệ
Lặng lẽ trên môi cười

Hương đêm vương lá cỏ
Chuông điểm thời công phu
Chú tiểu lời tiếng mõ
Hoa lên vào kính thư

Bát Nhã Ba La Mật
Thơm ngát quỳnh hương ơi !
Đời vô thường,
Không thật
Đêm tàn,
Trăng khuyết rồi.

Chú tiểu ngân nga tụng:
“Huyền mộng bào ảnh thôi”
Vườn trắng.
Hoa quỳnh nở
Vườn trắng,

Hoa quỳnh rơi

Chú tiểu còn tĩnh tọa
Trăng đã vỡ làm đôi
Chú tiểu vừa nhập định
Trăng đã thành mặt trời

**Mưa và Hoa Bưởi**

Diệu Trân

Long lanh từng giọt lệ trời
Rơi trên lá bưởi xanh ngời diệu âm
Tuyết hoa trắng,
Nở từ tâm
Thiện Tài Đồng Tử khiêm cung bước
vào
Mây đen thấp,
Mây xanh cao
Tiếng mưa dầm tiếng ca dao mẹ già
À Ồi
Cây bưởi đơm hoa
Xin thơm suốt cõi ta-bà vô minh
Nhân gian còn quá điêu linh
Nên hoa bưởi vẫn tung kính sớm
chiều
Bên sông,
Đò vắng buông neo
Hóa thân hạt cát
Trôi theo thủy triều

nghiệm. Người Phật tử cũng tin rằng họ phải chịu trách nhiệm cho sự giải thoát của mình và họ không phải phụ thuộc vào một người thứ ba. Tuy nhiên, cũng có một số Phật tử tin rằng họ có thể đạt được sự giải thoát, cứu rỗi thông qua sự ảnh hưởng của hình tượng Đức Phật và đây là những con người tạo ra ấn tượng như thế cho những người khác nhằm phớt lờ đi những lời nhận xét, châm biếm chua cay kết luận rằng Phật tử là những người chỉ tôn thờ thần tượng và cầu nguyện hình ảnh của một người đã chết từ lâu. Thân vật lý, hay thân tứ đại của con người có thể phân hủy và tan rã thành 4 yếu tố: đất, nước, lửa, gió, nhưng những phẩm chất đáng cao quý, đáng trân trọng của Ngài vẫn tồn tại mãi mãi trong tâm trí của những người con Phật.



Những Phật tử đánh giá cao và tôn trọng những đức tính cao quý ấy. Vì vậy, những

sự việc lẽ ra chống lại giới Phật tử thì rất không may thay và hoàn toàn sai lầm và cũng không được mời gọi. Từ những lời dạy của Ngài, chúng ta biết rằng Đức Phật là một bậc Thầy, người đã từng chỉ ra con đường chân chánh hướng đến sự giải thoát, cứu rỗi, nhưng nó còn tùy thuộc vào mỗi cá nhân trong quá trình tu tập và làm cho tâm của mình được trong sạch để chứng đắc trạng thái giải thoát đó mà không phụ thuộc, nương nhờ vào Bạc Đạo Sư của mình. Chính Đức Phật khuyên “Các người hãy nỗ lực tu tập, các Đức Như Lai chỉ là bậc Đạo Sư”.

Theo quan điểm của Đức Phật, không có một đấng sáng tạo, đấng thượng đế nào, hay là những Bạc Đạo Sư nào mà có thể đưa con người lên thiên đàng hay đày đọa họ xuống địa ngục. Con người tạo ra thiên đàng và địa ngục cho chính bản thân mình thông qua thân, khẩu, ý nghiệp của chính mình đã tạo ra. Do đó, việc cầu nguyện một nhân vật thứ ba để được sự giải thoát, cứu rỗi mà không cần dọn sạch những tư tưởng cấu uế trong tâm của mình thì chẳng có lợi ích gì cả. Tuy nhiên, cũng có một số người thậm chí là Phật tử khi cầu nguyện trước hình ảnh Đức Phật lại đổ dồn hết tất cả những vấn đề rắc rối, sự bất hạnh, khó khăn, và những nỗi ưu phiền của mình để cầu xin Đức Phật giúp họ giải quyết những vấn đề trên. Mặc dầu đó không phải là một hành động mang tính Phật giáo thực sự, nhưng hành động như thế cũng sẽ đạt được một phần nào làm giảm đi sự đau đớn về mặt tình cảm tâm lý và giúp cho họ có đủ nghị lực vượt qua những sợ hãi, tự tin cương quyết... Đây cũng là một hành động phổ biến của nhiều Tôn giáo khác. Nhưng đối với những ai có thể hiểu rõ nguyên nhân của những vấn đề, họ không cần phải dùng đến những hành động như

phước hoặc được che chở, hoặc ban cho sự khoẻ mạnh, giàu có, thịnh vượng,... Đây là một việc làm thường được chứng kiến trong một số Tôn giáo hữu thần. Một số người cầu nguyện thậm chí còn van xin những hình tượng các vị thần giúp họ hoàn thành nhiều đặc ân riêng thậm chí đến mức độ phạm phải những hành động bất chính. Họ cũng cầu xin sự tha thứ cho những tội lỗi mà họ đã phạm phải.

Ngược lại với những tinh thần trên, việc sùng bái, tôn thờ Đức Bồ Tát là một phương diện rất khác và rất đặc trưng so với tinh thần sùng bái như trên. Thậm chí từ "sùng bái" cũng không chính xác lắm theo quan điểm của Đạo Phật. "Sự nhất tâm thành kính đảnh lễ" có lẽ là một cụm từ hợp lý nhất dùng để diễn tả hành động trên.



Người Phật tử không chỉ đơn thuần là cầu nguyện suông mà thôi, nhưng sự biểu hiện trong việc cầu nguyện những hình ảnh, thần tượng như thế là để biểu hiện tấm lòng thành tâm, thành kính đối với một Bậc Đạo Sư vĩ đại, một con người xứng đáng được tôn kính, đảnh lễ. Những hình tượng được tạo lập như là một dấu hiệu của sự tôn kính và sự đánh giá cao về sự thành đạt tốt bậc của bậc giác ngộ và sự hoàn hảo, thanh tịnh của một Bậc Đạo Sư siêu phàm. Đối với người Phật tử, hình tượng chỉ là một dấu hiệu, biểu tượng và một sự tưởng tượng nhằm giúp cho anh ta hồi

tưởng hoặc nhớ lại hình ảnh Đức Phật bằng xương bằng thịt đã từng xuất hiện ở cõi đời này, hay Đức Phật chính trong tâm của mình.



Người con Phật quý gồi chấp tay trước hình tượng và tôn kính, đảnh lễ những gì mà hình tượng biểu trưng.

Họ không tìm cầu những đặc ân vật chất từ những hình tượng. Họ chú tâm và thiền tư để đạt được nguồn cảm hứng từ cá tính cao quý của Ngài. Người Phật tử cố gắng hoàn hảo như Ngài bằng cách thực hành những lời dạy của Ngài. Người Phật tử kính trọng những phẩm chất vĩ đại và sự thanh tịnh, thánh thiện của một Bậc Đạo Sư như đạt được tượng trưng qua hình ảnh. Trong thực tế, các giáo đồ của mỗi Tôn giáo tạo ra những hình tượng Bậc Đạo Sư khả kính của họ hoặc ở dạng nhìn thấy được bằng mắt thường hoặc chỉ là một biểu tượng trong tâm để tôn kính. Do đó, không thể phê phán, chỉ trích giới Phật tử là hoàn toàn sai và không hợp lý khi họ tôn thờ những thần tượng.

Hành động đảnh lễ Đức Phật không phải là một hành động dựa trên sự sợ hãi hay là một hành động để cầu xin sự thành đạt về vật chất. Người Phật tử tin rằng đó là một hành động gieo trồng căn duyên phước lành, huân tập chủng tử Phật tánh nếu họ tôn kính và trân trọng những phẩm chất cao quý của bậc Thầy khả kính dày dặn kinh

MỸ THUẬT PHẬT GIÁO

ÂM NHẠC PHẬT GIÁO

Kiểm Đạt
(ĐH Đông Phương – California – USA)

Trong những cách nhìn khác nhau đã phác thảo những dòng âm nhạc Phật Giáo Việt Nam. Từ trong kinh điển, giáo lý, tông phái Phật Giáo, đã có những khác biệt về âm nhạc, qua từng giai đoạn khác nhau. Ngay từ khi đức Phật tại thế, tăng chúng tu tập rất tinh chuyên trong từng thời khắc: từ việc trì tụng, khát thực, nghe pháp hay giáo hoá quần sanh, phần lớn thì giờ dùng để tọa Thiền.

Trong thời đó, âm nhạc chỉ được nói đến trong cư sĩ tại gia, trong quần chúng quăm một số lễ hội mang tính bản địa. Còn về nếp sống của Tăng giới, thì âm nhạc không được nhắc đến, được xem là không mấy thích dụng.



Nếu thang âm, điệu thức không thích nghi, dễ gợi lên những tình cảm bi lụy, khuấy động, vọng niệm. Như thế dễ gây những chướng ngại cho sự thăng hoa của tâm linh siêu thoát. Mỗi khi tăng đoàn hội tụ để huân tập giáo lý của đức Phật, chư tăng chỉ tụng theo ngữ điệu bình thường. Không có nhạc cụ đi theo, cũng không có lối tán, tụng như ngày nay. Đó chỉ là những "nhã âm", như trong Kinh Di Đà: "*Bạch hạc, Không tước, Oanh Vũ... Ca Lăng Tần Đà, cộng mạng chi*

điều, thị chư chúng điều, trú dạ lục thời, xuất hoà nhã âm".

Trong bộ kinh "Tỳ Ni Mẩu" có kể lại chuyện một Tỳ kheo nọ rất say mê âm nhạc, cũng thường hay tấu những khúc nhạc du dương khi tụng những lời Phật dạy, mà nhiều người không dám. Khi nghe được chuyện này, đức Phật liền quở trách và không cho vị ấy sử dụng âm nhạc nữa...

Những chuyện tương tự không hiếm. Như thế, âm nhạc không chỉ gây nhiễu loạn tâm hồn người, mà ngay cả đức Ma ha Ca Diếp cũng bất giác "rung chân, rung thân", nhịp theo từng âm điệu, khi nghe 500 vị tiên nhân đang vui đùa ca múa. Nhưng đối với hàng cư sĩ tại gia, sự cấm đoán này không được đề ra. Đức Phật cho phép họ được ca múa, gảy đàn, thổi sáo. Miễn là những âm thanh, âm điệu này để tỏ lòng thành kính, tán thán công đức, cúng dường Tam Bảo. Điều khó khăn là ai có thể sáng tác được những thể điệu đó.

Tại miền Bắc Ấn Độ trong thời đó, Phật tử trong lễ hội thường ca hát, diễn xướng điệu "Raga" (Cung kính). Theo các nhà âm nhạc học thì đây là một làn điệu êm ái, nhẹ nhàng. Nội dung thường tán thán công đức vô lượng chư Phật. Từ đó âm nhạc PG cũng hình thành. Đức Phật cũng thường dạy các đệ tử của ngài về nguy hại của sự tham dục, luyến ái. Đó là nguyên nhân của sinh tử luân hồi.

Chưa diệt tham ái, vẫn phải chìm đắm trong đau khổ. Ngài thường dạy đệ tử xuất gia: Phải nhiếp tâm tu trì, không đắm chìm thế gian pháp. Thay vì tìm kiếm niềm vui trong âm nhạc, nên tìm về an lạc trong thể tánh thanh tịnh. Cảnh trí Thiền thanh hóa tâm niệm. Thành thử hầu hết giới luật của những người xuất gia, nam cũng như nữ, kể cả những ngày Bát Quan Trai của người Phật tử đều ghi điều

răn cấm các giới tử không được biểu diễn nhạc hay nghe nhạc.

Điều này ghi rõ trong Phạm Võng Bồ Tát Giới: "Không được đi xem hát, nghe nhạc, chơi cờ, đánh bạc..." Nhiều kinh điển khác về Luật Tạng cũng đề cập đến điều cấm này. Điều này cho thấy: Ngay cả hàng Bồ tát mới phát tâm cũng cần phải giữ cấm giới về âm nhạc (xướng lên hay thưởng thức). Còn đối với các bậc Bồ tát thượng thừa trở lên thì âm nhạc là một trong những phương tiện cần thiết để độ pháp quần sanh.

Trong "Căn Bản Tạng sự" có nói: "Đức Phật vì muốn độ nhạc thần Càn Thát Bà Vương Thiện Ái, đã lên trời tấu đàn không hầu lưu ly ngàn dây". Những dẫn giải trên đây cho thấy: Âm nhạc cũng là phương tiện giáo hoá trong trường hợp người sử dụng phải có căn bản tu tập và giải thoát cao thâm. Trong một số trường hợp, âm nhạc cũng có thể sử dụng để có thể dẫn dắt về chánh pháp. Sau khi đức Phật nhập diệt, qua những lần kết tập kinh điển, Phật Giáo phân chia Đại Thừa và Tiểu Thừa, thì con đường hoàng pháp có những thay đổi lớn. Đại Thừa phát triển mạnh, đã tạo nên một sinh khí trong việc truyền đạo; đồng thời một sự thay đổi lớn lao trong tư tưởng triết học và nhận thức quan mới trong Phật Giáo đồ.

Với tinh thần nhập thế tích cực, hữu hiệu. Tinh thần nhập thế đó đã khai triển nhiều hình thức truyền đạo trong đó có cả âm nhạc. Cho đến khi Phật Giáo truyền bá sang Trung Hoa, thì âm nhạc Phật Giáo gặp được đất ươm trồng thích hợp.

Trong nền văn học dân gian Trung Hoa, Kinh Thi vốn được phát triển. Mặc dù Khổng Tử thường răn dạy: "Thi tam bách thiên, nhất ngôn dĩ tế chi: Tư vô tà" (Kinh Thi có 300 chương, một lời bao trùm lên tất cả: suy nghĩ không tà vậy).

Âm nhạc Phật Giáo cũng trong xu thế đó. Theo nhà nhạc học nổi tiếng Tế Văn Đình (Trung Quốc văn hoá ngôn) thì "âm nhạc Phật Giáo Trung Quốc đã khai sinh cách đây 1,600 năm". Đồi Đường có nhạc khúc Lăng Tiêu, đời Tống có nhạc khúc Điệp Luyện Hoa, đều là những ca khúc Phật Giáo lừng danh trong quảng đại quần chúng. Kinh điển Đại Thừa cũng từng viết về ảnh hưởng âm nhạc (chân chính).



Trong bộ "Đại Trí Độ Luận" có dẫn lời của ngài Long Thọ "Bồ Tát muốn thanh tịnh cõi Phật thì phải dùng âm nhạc hay; muốn cho chúng sanh trong quốc độ nghe được nhạc hay thì tâm của họ sẽ được như nhuỷễn. Khi tâm đã nhuỷễn thì việc hoá độ cũng dễ dàng. Như vậy, nên hãy dùng âm nhạc để cúng dường chư Phật".

Thành thử, trong mỗi chuỗi lý luận liên hợp, Đại Thừa Phật Giáo đã nhấn mạnh đến hai điều: một là phải có "nhạc hay"; hai là ảnh hưởng âm nhạc Phật Giáo trong công cuộc giáo hóa không nhỏ. Nhiều kinh sách cũng đã khai triển lý luận đó. Trong kinh A Di Đà, có nhiều đoạn viết về "cảnh giới nhiều âm sắc vốn dĩ thanh hóa cuộc sống". Nhà nghiên cứu nhạc Phật, tiến sĩ Cao Nhã Lợi cho rằng "Quan niệm của Phật Giáo Đại Thừa trong việc sử dụng "âm nhạc hay" trong truyền bá rất phóng khoáng. Thay vì trốn tránh âm nhạc một

Tín Ngưỡng

..Hành động đảnh lễ Đức Phật không phải là một hành động dựa trên sự sợ hãi hay là một hành động để cầu xin sự thành đạt về vật chất. Người Phật tử tin rằng đó là một hành động gieo trồng căn duyên phước lành, huân tập chủng tử Phật tánh nếu họ tôn kính và trân trọng những phẩm chất cao quý của bậc Thầy khả kính dày dặn kinh nghiệm. Người Phật tử cũng tin rằng họ phải chịu trách nhiệm cho sự giải thoát của mình và họ không phải phụ thuộc vào một người thứ ba. Tuy nhiên, cũng có một số Phật tử tin rằng họ có thể đạt được sự giải thoát, cứu rỗi thông qua sự ảnh hưởng của hình tượng Đức Phật và đây là những con người tạo ra ấn tượng như thế cho những người khác nhằm phớt lờ đi những lời nhận xét, châm biếm chua cay kết luận rằng Phật tử là những người chỉ tôn thờ thần tượng và cầu nguyện hình ảnh của một người đã chết từ lâu. Thân vật lý, hay thân tứ đại của con người có thể phân hủy và tan rã thành 4 yếu tố: đất, nước, lửa, gió, nhưng những phẩm chất đáng cao quý, đáng trân trọng của Ngài vẫn tồn tại mãi mãi trong tâm trí của những người con Phật.



Người Phật Tử Có Sùng Bái Thần Tượng Hay Không?

Thích Quảng Bảo

Trong bất kỳ Tôn giáo nào cũng có một số đối tượng hoặc biểu tượng phục vụ cho những mục tiêu của tôn kính. Trong Phật giáo có các đối tượng chính như sau:

- Xá Lợi của Đức Phật.

- Những biểu tượng mang tính Tôn giáo như hình ảnh Đức Phật, Chùa, Tháp....

Theo truyền thống Phật giáo, những người con Phật trên khắp thế giới thành kính đảnh lễ những đối tượng đáng được tôn kính này và ngoài ra họ còn thiết lập hình ảnh Đức Bồ Sư, Chùa, Tháp, và trồng cây Bồ Đề trong chốn già lam để làm biểu tượng tôn kính của Tôn giáo mình.

Nhiều người cho rằng giới Phật tử cầu nguyện các đấng thần tượng vô hồn. Điều này chúng ta cần thẩm xét lại. Liệu làm như thế có đúng lời Phật dạy và những truyền thống phong tục của Phật giáo hay không?



Việc thờ phụng các đấng thần tượng thường có nghĩa là tạo lập nên các hình ảnh của các vị thần nào đó (nam hoặc nữ) theo nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm mục đích cầu nguyện để được ban

nguyện. Man Nương nghe theo và sau đó đã từng giúp dân làng quanh năm được mưa thuận, gió hòa, mùa màng thu hoạch tốt đẹp.



Nhưng rồi một đêm khuya nọ, trời sấm sét nổi lên, mưa to gió lớn, cây cổ thụ tróc gốc và ngã xuống. Cây ngã ngay xuống giòng sông Đuống, để trôi dạt về khu vực của làng Dâu mang luôn theo thân xác của con gái nàng Man Nương. Dân làng tin là cây thần, tìm cách để khiêng cây cổ thụ lên bờ. Nhưng họ đã tập trung đông đảo dân làng để trục cây lên, mà cây không nhúc nhích chút nào. Nàng Man Nương vô cùng ngạc nhiên. Nhưng rồi nàng vô tình dùng dải yếm của mình, buộc nhẹ vào thân cây và kéo lên dễ dàng.

Những tổ chức hội lễ và diễn xướng ở chùa Dâu cũng như hệ thống Tứ Pháp như sau: Hội lễ ngày 7 tháng 1: tương truyền là ngày sinh của Phật Mẫu Man Nương; đây là hội thi bánh dày nổi tiếng ở làng Dâu.

Để chuẩn bị, hai giáp Đông và Trung, giành mỗi giáp ba sào ruộng tốt cấy lúa nếp; bắt đầu từ ngày 6 tháng 1 các giáp xay giã, chọn nếp tốt, sau đó là các công việc làm bánh. Sáng sớm ngày 7, chiêng trống nổi lên, các Giáp trưởng điều hành rước bánh ra chùa lễ Phật, rồi dự thi. Bánh dự thi đường kính là 50cm, phủ giấy điều chung quanh.

Hàng năm những ngôi chùa này tổ chức lễ vào ngày mùng 8 tháng 1 âm lịch, vào những kỳ hạn hạn, dân các làng này còn tổ chức cầu mưa (đảo vũ) và những cuộc rước trọng thể ở những làng thờ Tứ Pháp.

Chẳng hạn như cuộc rước ba bà Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi đến chùa Un (làng Ôn Xá) nơi thờ Pháp Điện. Theo tục truyền không bao giờ được rước tượng của bà Pháp Điện ra khỏi chùa Un được. Theo dân trong làng, mỗi khi rước tượng Pháp Điện ra, nhiều nhà trong làng phát hỏa ở những ngôi nhà theo hướng mắt của bà nhìn. Ba bà trụ hội chùa Un là nghi lễ truyền thống khắp trong tỉnh Hà Bắc.

Ngoài lễ Cầu mưa là hội lễ chính trong dịp này, còn cuộc "rước giao hiều" giữa các làng có thờ Tứ Pháp.



cách tiêu cực, thì hãy sử dụng chúng một cách tích cực, cởi mở hơn".



Do quan niệm đó, âm nhạc Phật Giáo Trung Hoa phát triển nhanh, có giá trị và được trình tấu sâu rộng, trong nghi lễ cũng như trong diễn xướng đại chúng. Bộ sưu tập nhạc Phật Giáo Trung Quốc trong 13 thế kỷ nay lên đến 50 quyển. Tuy nhiên, trong sáng tác cũng như trong thể hiện, nhạc Phật Giáo được phân chia làm hai thể loại:

Loại thứ nhất là nhạc lễ dùng trong cúng tế; loại thứ hai là nhạc Phật Giáo trong truyền bá dân gian. Về lễ nhạc Phật Giáo Việt Nam cũng được khuôn định rõ rệt. Theo nghiên cứu của Trần Văn Khê thì: Nhạc Phật Giáo Việt Nam (loại lễ nhạc) bắt nguồn từ âm nhạc dân tộc, mang hơi điệu nhạc dân gian, nhạc thánh phòng, nhạc sân khấu và nhạc lễ trong cung đình.

Cũng trong thiên nhiên cứu trên thì cách "tán", " tụng" trong lễ nhạc Phật Giáo được phân chia ra làm 3 trường phái khác nhau: Về Phật Giáo Bắc Tông, hay Đại Thừa gồm Ấn Độ, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam, kinh văn tiếng Phạn để nguyên tiếng Phạn (Sanskrit), phiên âm ra tiếng Trung Quốc đọc theo cách phát âm của Trung Quốc, thì gần giống âm tiếng Phạn, nhưng khi đọc chữ phiên âm theo cách đọc của mỗi nước Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam thì rất xa âm của tiếng Phạn (chẳng hạn như bài chú Văn Sanh: Nam mô A di đà bà dạ...)

Có khi tiếng Phạn dịch ra tiếng Trung Quốc, viết lại bằng chữ Hán, như "A Di Đà kinh", "Bát Nhã Tâm Kinh". Về Phật Giáo Nam Tông, hay Tiểu Thừa gồm các nước Sri Lanka, Thái Lan, Campuchia, Lào: kinh chép bằng tiếng Pali, đọc theo âm Pali, không dịch ra tiếng mỗi nước. Mật Tông ở Tây Tạng, Mông Cổ kim gồm những "mật ngôn" đọc theo một giọng thâm trầm. Mặc dù đạo Phật thành lập tại Ấn Độ, mặc dù một số kinh sách được chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam, tuy nhiên nét nhạc trong những bài tụng, bài tán trong lễ nhạc Việt Nam không chịu ảnh hưởng của Ấn Độ hay Trung Quốc.

Ngoài ra, nét nhạc của những bài tụng, bài tán cũng thay đổi theo từng miền, từng vùng khác nhau. Giọng tụng tác miền Bắc khác với giọng tụng tán của miền Trung hay miền Nam, mặc dù cùng một thứ chữ. Thang âm và điệu thức của những bài tụng bài tán rất gần với thang âm, điệu thức của những bài hát ru, những điệu dân ca trong từng vùng.

Các nước Đông Á đều có tụng và tán. "Tụng" là đọc lớn, lớn hơn cả loại "đọc" và "niệm". "Tán" là ca ngợi, khen tặng. Tiếng "tán" có thể lớn hơn tiếng "tụng". Thang âm của một bài tụng có thể là tam cung, tứ cung, ngũ cung. Thang âm của bài tán đều là ngũ cung. Trong bài tụng, nhịp đều trường canh, mỗi chữ

trùng với tiếng mõ; trong bài tán, nhịp phức tạp hơn. Chữ quan trọng trong câu kinh, kệ thường được xướng theo nhịp ngoại. Tang, mõ đánh theo chu kỳ. Trống đánh theo đối điểm (contrepunt). Tán có 3 loại: tán rơi, tán xấp, tán trạo. Mỗi loại tán theo chu kỳ khác nhau.

Trong lễ nhạc Phật Giáo VN, ngoài 2 lối tụng và tán như đã nói, lại còn có: lối niệm, lối đọc, lối hô, lối bạch, lối xướng, lối thỉnh, niệm Phật, niệm hương, đọc sớ, hộ kệ, tụng kinh, xướng danh hiệu Phật, thỉnh kinh... Mỗi loại đều có thang âm, điệu thức khác nhau. Nhịp chuông trống cũng khác.

Những lễ thường không có nhạc; chỉ những lễ lớn, khi nhạc mới được dùng đến. Mở đầu của buổi lễ thì gióng lên chuông trống Bát Nhã. Về sau, chuông trống đánh theo số chữ trong bài Kệ. Khi đánh theo Bát Nhã Hội thì đánh 3 lần, 3 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Thỉnh Phật Thượng Đường thì 4 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Đại Chúng Đồng Văn thì 4 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Bát Nhã Âm thì 3 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Phổ Nguyện Pháp Giới thì 4 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Đăng Hữu Tình thì 3 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Nhập Bát Nhã thì 3 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Khi đánh theo Ba La Mật Môn thì 4 tiếng trống, 1 tiếng chuông. Đến phần cuối cùng thì gióng lên một hồi chiêng trống.

Xem như vậy, thang âm, điệu thức và nét nhạc trong âm nhạc Phật Giáo Việt Nam rất phong phú và tế nhị. Hiện nay, trong cách tụng tán đã có xu hướng tiến dần đến giản dị hoá. Nhạc Phật Giáo của các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên được truyền tụng trong các chùa và ghi chép thành sách, phổ biến sâu rộng, để tránh những sai sót.

Tại Việt Nam, chưa có tài liệu in ấn về những cách tụng, cách tán từng thể loại khác nhau. Thậm chí cả nhạc trình diễn Phật Giáo cũng vậy.

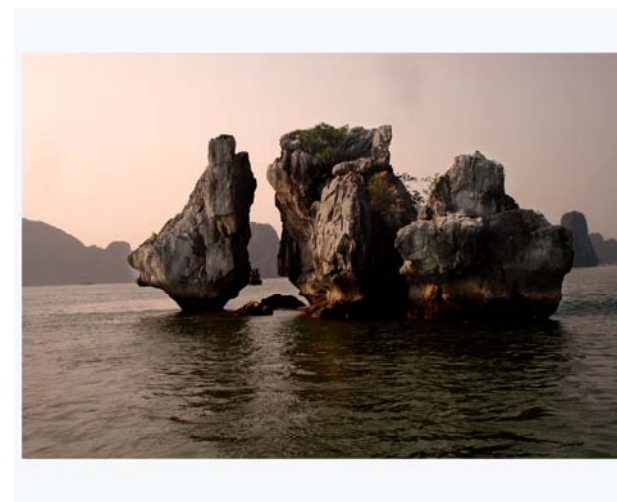


Trong việc hội nhập Phật Giáo tại các nước Tây Phương hiện nay, âm nhạc là phương tiện rất hữu hiệu. Nhiều nước đã tiến hành khả quan. Chẳng hạn như các buổi tổ chức trình diễn nhạc Phật Giáo của Phật Quang Sơn (Đài Loan). Những buổi biểu diễn âm nhạc của Phật Quang Sơn cũng như nhạc giao hưởng của những tổ chức Phật Giáo Đài Loan đã thu hút đông đảo khán thính giả ái mộ. Họ cũng cho phát hành những cuốn Album về nhạc Phật Giáo như "Chú Đại Bi" và "Lục Độ Mẫu Tâm Chú".

Phong cách biểu diễn trên sân khấu lớn không thua kém gì những buổi biểu diễn của các danh ca khác. Những chương trình trình diễn như vậy đang được tổ chức ở các nước Á Châu và trong tương lai sẽ sang Hoa Kỳ, Châu Âu. Tuy nhiên, nhiều vị cao tăng Đài Loan tỏ ra lo ngại cách truyền bá này. Họ nghĩ đến xu hướng "thế tục hoá" của âm nhạc Phật Giáo như thế có gây nguy hại chăng? Trong khi đó, nhiều vị lãnh đạo khác lại muốn cách truyền đạo mang một tinh thần cởi mở, phóng khoáng hơn, không nên quá thiên về tình cảm tôn giáo.



Sách Lĩnh Nam Chích Quái (Trần Thế Pháp) viết: Nguyên chùa Dâu có nhiều liên quan đến chuyện nàng Man Nương. Nàng vốn là con gái của một nông phu thuộc làng Mân Xá, thuộc miệt hạ lưu bên bờ sông Đuống. Vào tuổi nhỏ, nàng đã bắt đầu tìm hiểu Phật Pháp, nên một mình từ bờ Nam con sông Đuống dùng thuyền qua bờ phía bắc để theo học kinh sách với thiền sư Khâu Đà La tại chùa Linh Quang (nằm trong địa phận của xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn). Thiền sư Khâu Đà La vốn theo Phật Giáo Mật Tông Tây Tạng, lại kết hợp thêm những tư tưởng tín ngưỡng của người bình dân, có nhiều phép lạ, cho nên có ảnh hưởng sâu rộng trong dân chúng của trung tâm Luy Lâu hồi đó.



Nhưng rồi, con đường học hỏi Phật Pháp của nàng Man Nương đã không hoàn mãn. Tương truyền có một hôm, nàng đang ngủ trong chùa Linh Quang, thì thiền sư Khâu Đà La sau giờ nhập thất đã bước qua người của nàng. Sau đó thì nàng thụ thai. Mãi cho đến 14 tháng sau đó, thì nàng sanh được một bé gái kháu khinh hình dáng như Phật Bà Quan Âm. Nàng bồng con đem đến giao trả cho thiền sư. Ngài im lặng nhận lấy và mang bé gái đến bờ sông Đuống.

Khi đến một góc cỏ thụ bên bờ sông thì thiền sư niệm thần chú rồi dùng cây thiên trượng gõ vào giữa thân cây. Một đường nứt lớn được mở rộng ra và nhà sư đã đặt bé gái vào gốc cây; chẳng bao lâu thì thân cây khép kín lại như cũ. Ngay từ hôm đó, từ gốc cây, đã tỏa ra một mùi hương thơm ngát toả khắp vùng. Dân chúng tin là có thần linh, thường đến cúng bái cầu khẩn và đều được toại nguyện. Thiền sư Khâu Đà La ở lại một thời gian ngắn ngủi sau đó, thì cũng từ già thành Luy Lâu để trở về Thiên Trúc.



Trước khi lên đường, thiền sư tặng cho nàng Man Nương cây thiên trượng của ngài. Theo lời căn dặn của thiền sư Khâu Đà La thì công dụng của cây thiên trượng sẽ giúp cho nông dân trong làng nếu gặp những kỳ hạn hạn. Nếu không gặp mưa thì chỉ việc mang cây thiên trượng đến gần gốc cỏ thụ kia, cắm xuống đất và cầu nguyện. Kết quả sẽ như ý

thường trực chăm lo việc canh gác Luy Lâu rất nghiêm ngặt.

Những viên tướng cầm quân đội tại đây được phong đến chức Tả Tướng quân, Vệ tướng quân. Những binh sĩ trú đóng trong ngoài thành Luy Lâu có cả người Tàu lẫn người Việt. Tất cả đều theo quy chế, ngạch trật (Đại Thanh Nhất Thống chí - Tập 12 - trang 132).

Theo Đại Việt Sử Ký, thì: *Sĩ Nhiếp đã cho ban hành hàng loạt những luật lệ được nghiên cứu kỹ, để tiện việc cai trị, đề phòng những phản loạn cũng như những biến động. Những người mới đến cũng như dân bản địa được kiểm soát chặt chẽ (Hậu Hán Thư).*

Qua những công trình khảo cổ gần đây (1989 và 1996) người ta khai quật được nhiều loại khí giới tinh xảo, đầy sáng tạo; chẳng hạn như việc sáng chế ra những "mũi chông củ ấu bằng đất nung" trong việc phòng thủ Luy Lâu. Tính ra có đến hàng vạn mũi chông phòng thủ được rắc kín những nơi hiểm yếu, che chở cho thành Luy Lâu, trở thành vũ khí phòng ngự quan trọng, còn được phát triển ở những thời kỳ sau Luy Lâu.

Văn hoá: Luy Lâu cũng là một trung tâm văn hoá. Trước đó, có một thứ chữ riêng của người dân bản địa mà nhiều nhà khảo cổ tìm thấy. Sĩ Nhiếp cho truyền bá chữ Hán, đồng thời truyền bá Nho Giáo.

Luy Lâu cũng là đất nầy mầm đầu tiên của những hạt giống đạo Phật. Những ngôi chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện, tuy kiến trúc còn thô sơ, nhưng cũng đủ chứng tỏ sức phát triển Phật Giáo trong khuôn thành Luy Lâu và ngoại vi.

Đạo Phật và đạo Nho trong thời kỳ này đã chọn chung một trung tâm để phát triển; mà ngay trong buổi đầu đã được địa phương hoá,

bắt rễ trong quần chúng. Những điều này đã minh chứng về một giai đoạn phát triển toàn diện nền văn hoá ban đầu của nước ta.



PHẬT GIÁO DU NHẬP

Tứ Pháp là những ngôi chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô và Pháp Điện ở vùng Dâu (gồm các chùa Dâu, chùa Đậu, chùa Tướng và chùa Dàn) thuộc vùng Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc. Ngoài ra Tứ Pháp cũng được thờ vùng tây bắc tỉnh Hải Hưng như tại các đình chùa ở An Lạc, Đình Dù, Liễu Hạ, Liễu Trung, Nguyễn Xá, Nhạc Lộ, Nhạc Miếu, Ôn Xá, Thái Lạc, Thanh Xá, Tuấn Di, Dị Sử.

Hàng năm những ngôi chùa này tổ chức lễ vào ngày mùng 8 tháng 1 âm lịch, vào những kỳ hạn hán, dân các làng này còn tổ chức cầu mưa (đảo vũ) và những cuộc rước trọng thể ở những làng thờ Tứ Pháp. Chẳng hạn như cuộc rước ba bà Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô đến chùa Un (làng Ôn Xá) nơi thờ Pháp Điện.

Điều căn bản là có thể mang lại cho khán giả tâm thần an lạc, thanh thản là được. Có nhiều nhạc sĩ hưởng ứng chương trình này. Giới trẻ phương Tây ít đến chùa hành lễ, tuy nhiên họ lại thích phong cách trình diễn nhạc PG mới mẻ, gần gũi, linh hoạt. Do tác dụng này, các nhạc sĩ sáng tác thể điệu PG lại càng thận trọng hơn. Họ cũng cần nghĩ đến những ảnh hưởng nguy hại của những sáng tác phẩm thiếu văn hóa, kích thích quá lố, biểu diễn sỗ sàng, tuyên truyền hạ cấp. Như thế đã không tác dụng gì, lại còn mang ảnh hưởng xấu. Suy nghĩ này hiện đang là đề tài thảo luận, tham bác.

Lời Phật dạy :



” Đừng tin tưởng vào một điều gì vì phong văn.

Đừng tin tưởng điều gì vì vin vào một tập quán lưu truyền.

Đừng tin tưởng điều gì vì có được nhiều nói đi nhắc lại.

Đừng tin tưởng điều gì dù là bút tích của thánh nhân.

Đừng tin tưởng điều gì dù thói quen từ lâu khiến ta nhận là điều ấy đúng.

Đừng tin tưởng điều gì do ta tưởng tượng ra lại nghĩ rằng một vị tối linh đã khai thị cho ta.

Đừng tin tưởng bất cứ một điều gì chỉ vin vào uy tín của các thầy dạy các người.

Nhưng chỉ tin tưởng cái gì mà chính các người đã từng trải, kinh nghiệm và nhận là đúng, có lợi cho mình và người khác.

Chỉ có cái đó mới là đích tối hậu thắng hoa cho con người và cuộc đời.

Các người hãy lấy đó làm chỉ chuẩn”.

*Tăng Chi Bộ Kinh
(The Anguttara Nikaya/The "Further-factored" Discourses)*

Xuân Cõi Mộng

Xuân đến hương xuân bay đâu nhỉ?
thắm vào giọt lệ chốn nhân gian
hóa trắng nước biếc bao lối mộng
giam giữ hồn ta giữa muôn đàng

Xuân đến tình đi giấc kê vàng
tóc điểm tuyết sương dạ miên man
giữ mãi hương xuân tâm vương lụy
trả xuân về lại gió mây ngàn

Xuân đến hương xuân mãi mặn mà
hoa xuân ngàn cánh nở trong ta
xuân chẳng đến đi, xuân chân thật
chan hòa vũ trụ đóa mai hoa . . .

Đại Sư Pháp Vân

Ý Nghĩa Dâng Hương

(Jessica A. Tran) Tâm Lạc*

1. Khói hương trong tâm linh người Việt

Nghi thức dâng hương là tập quán mà hầu như mọi người dân Á châu bất kể lứa tuổi nào và sống ở nơi đâu đều biết đến. Nén hương đã đi vào đời sống văn hóa, tín ngưỡng của người Việt Nam như một nét đẹp truyền thống, gần gũi và thiêng liêng. Dù không mê tín dị đoan, trong tâm thức mọi người Á Châu đều tin rằng nén hương khi đốt lên, cũng như một nhịp cầu vô hình nối kết hai thế giới hữu hình và vô hình với nhau. Tuy nhiên về mặt tâm linh, có người vẫn còn hiểu một cách mơ hồ, nhất là về ý nghĩa dâng hương theo truyền thống của ông bà. Thậm chí ngày nay có người còn không biết vì sao trong nhà mình có một bàn thờ với những pho tượng, hình ảnh Chư Phật Bồ Tát, thần thánh hoặc tổ tiên. Phải chăng có một "ông" Phật sống ở trên bàn thờ?

2. Định Nghĩa

Dâng hương là gì?

Dâng có nghĩa là đưa lên một cách cung kính, tiếng Anh gọi là "offering". Và từ hương có nghĩa là mùi thơm, thông thường là một vật dùng đốt lên để cúng các đấng thiêng liêng, cũng được gọi là nhang và trầm, tiếng Anh là "incense". Từ incense bắt nguồn từ ngôn ngữ Latin, và động từ incendere - có nghĩa là thắp cháy lên^[1].

3. Sự đặc biệt của nén hương đối với quê hương Việt Nam

Chuyện thắp hương trên bàn thờ tổ tiên là một nét đẹp văn hóa truyền thống không thể thiếu trong các dịp giỗ chạp, lễ Tết. Ngày cuối năm đi mua sắm các thứ chuẩn bị cho Tết, không ai không mua vài nén hương về thắp cho ông bà, tổ tiên mình. Nén hương được thắp lên

thì mọi người cảm thấy ấm lòng. Nén hương lúc này không còn là thứ hàng bình thường, mà nó đã trở thành một sản phẩm tinh thần không thể thiếu của người dân Việt. Cùng với những phong tục truyền thống khác, nén hương đã góp phần tạo nên và bảo tồn giá trị bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam^[2]

Mùi hương là mùi thơm quen thuộc trong nhà hàng triệu triệu người Á châu - là mùi thơm đặc biệt của ngày đầu năm đi chùa lễ Phật. Chúng ta luôn bắt gặp những hình ảnh rất quen thuộc: những cụ ông, cụ bà, nam thanh, nữ tú, tay cầm hương khấn vái cầu mong một năm mới an khang, thịnh vượng, phúc lộc thọ khang ninh... Đây hoàn toàn không phải là hành động mê tín dị đoan, mà là một nét đẹp văn hóa được tồn tại từ rất lâu



4. Lược sử về hình thức đốt nhang

Theo lịch sử ghi lại, việc đốt nhang bắt nguồn từ khoảng năm 3700 BC^[3] (cách đây khoảng 5700 năm), từ nước Ấn Độ^[4]. Đến năm 618 AD vào đời nhà Tần mới có một vị Tăng^[5] đem hương trầm qua Trung Quốc, từ đó hình thức đốt nhang được phát triển mạnh mẽ và hưng thịnh nhất vào đời nhà Minh, sau đó được phổ biến đến khắp các nước láng giềng. Có thể nói hình thức đốt hương phổ biến nhất ở Nhật Bản, tại đây họ lại chế thêm nhiều cách đốt hương; sản phẩm quen thuộc nhất là



Như đã nói, ngoài người Trung Hoa, lại còn người Ấn Độ. Họ là những thương nhân và tăng sĩ "trên con đường lụa thứ hai" này. Trong những toán người từ Tây Á sang có đủ loại: tiểu thương, chuyển vận, tu sĩ, người chữa bệnh, bán thuốc, kể cả những kẻ giang hồ bất chính. Mức độ sầm uất lên rất nhanh "khiến cho phương Bắc quan tâm nhiều" (Lê Quý Đôn - Phủ Biên Tạp Lục- 1776).

Nhiều nhà nghiên cứu dân tộc học thường đề cập đến sự kiện này. Họ nhận định: Ở giữa một vùng đất chuyên về nông nghiệp, tập trung trồng lúa nước, kinh tế phát triển chậm, bỗng nhiên một đô thị bành trướng theo đà vượt bậc như Luy Lâu, mà trong đó, nhiều thành phần mới đã tạo nên khuôn mặt sinh hoạt đa dạng, dùng làm kiểu mẫu cho sự phát triển đồng bộ, giữa nông thôn và thành thị. (Theo Madrolle- Vùng đất Bắc Kỳ thời cổ - 1954).

Vùng trung tâm: Với người Trung Hoa trong giai đoạn đó, dưới quyền cai trị của Sĩ Nhiếp và những người kế nhiệm, Luy Lâu là một trung tâm hành chính quan trọng, thủ phủ của một châu quận phương Nam được đặc biệt lưu ý đến. Họ đã tổ chức một guồng máy điều hành, cai trị tại đây khá lớn lao, quy củ; chẳng hạn như vị quan đứng đầu trong vùng là viên Thái Thú, mà lại còn được phong tước Hầu nữa.

Trong thời kỳ Trung Hoa gặp cảnh loạn lạc, đất Giao Châu (Giao Chỉ) thì lại ở tận phương xa, cho nên những quan Thái Thú trở thành "vua một cõi". Thành Luy Lâu trở thành một thủ phủ quan trọng "chẳng khác gì kinh đô của một nước" (Giao Châu Ký Vực).

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép về những nghi vệ của Sĩ Nhiếp như sau:

"Vương (tức Sĩ Nhiếp) cũng được tôn làm Sĩ Vương, khi ra vào thành thì gióng chuông gióng khánh lên, uy vệ đủ hết, kèn sáo thổi vang, xe ngựa đầy đường; những người Hồ theo hầu đi sát vào bánh xe, để đốt hương trầm. Đi theo hầu thường có mấy mươi người, vợ cả, vợ lẽ đi xe được che kín lại; các con em thì cỡi ngựa đi theo binh lính, được xem là quý trọng đương thời" (trang 101).

Một đoạn khác cũng ghi thêm:

"Sĩ Nhiếp độ lượng, khoan hậu, khiêm tốn, kính trọng kẻ sĩ, người trong nước yêu mến, thường gọi là "Vương". Những danh sĩ nhà Hán tránh nạn trong nước cũng đã sang đây nương tựa, có đến hàng trăm người" (trang 103).

Tổ chức: Để tổ chức bảo vệ an nguy cho gia đình cũng như những người tùy tùng, Sĩ Nhiếp đã tổ chức thành Luy Lâu trở thành một cứ điểm quân sự. Toà thành được đắp vững chắc, kiên cố, có tường cao, hào sâu, trạm canh bốn phía, ra vào thành có kiểm soát; đội quân

nung nóng vật liệu độ khá cao. Những vũ khí được tạo ra trong giai đoạn này cũng được nung đỏ với nồng độ tương tự như thế.

Những di tích về bếp nung trong thành Luy Lâu cũng xác định thêm nhiều giá trị khác về công nghệ, chế tạo và cách xây đắp thành cổ loại này. Qua những lớp khai quật thì thành Luy Lâu cũng được tu bổ nhiều lần, cho đến giai đoạn sau cùng, bị suy thoái cho đến những vết tích còn lưu lại như ngày nay.

Văn hoá: Đô thị cổ Luy Lâu còn có nhiều giá trị trên các mặt. Trong thời gian Sĩ Nhiếp cầm quyền tại Luy Lâu suốt trong vòng 40 năm, đúng vào lúc tại Trung Quốc có nhiều biến động tranh bá đồ vương, nhưng tại đất Giao Chỉ thì đang trong thời kỳ mở mang, thịnh vượng. Không ít những quan lại, dân chúng Trung Hoa đã chạy sang lánh nạn tại Giao Chỉ, quanh thành Luy Lâu; tất nhiên không ít người lập nghiệp vững vàng chung quanh vùng đất này.

Cũng trong thời gian này, Luy Lâu nằm trên trục giao thông từ miền Tây Á và những thuyền buôn từ Ấn Độ theo đường biển sang đất Giao Chỉ, vào buôn bán tại Luy Lâu. Thành cổ này cũng mở mang thêm. Quanh thành Luy Lâu có những con sông Cầu, sông Đuống, sông Hồng, lên ngược, xuống xuôi, giao thông đường thủy đều tiện lợi.

Cư dân và sinh hoạt tại thành Luy Lâu

Vị thế: Trên vùng đất của xứ Giao Chỉ, suốt trong một thời kỳ dài từ cuối thế kỷ thứ II cho đến thế kỷ thứ IX, thành cổ Luy Lâu là vị trí quan trọng, bành trướng, không thua kém vai trò của một đô thị lớn nhất của bất cứ vùng nào trong tình trạng tương tự.

Những tư liệu về thành này đến nay vẫn còn hiếm; chẳng hạn, các nhà dân tộc học đã chưa thể có được một thống kê dân số chính

xác trong vùng thời đó, tuy nhiên, với sức phát triển và vai trò quan trọng, nhất định là có mật độ cao.



Thành phần cư dân ở nơi đây cũng rất phong phú. Trước hết là người Việt bản địa trong vùng này, đa số đều tập trung sinh sống tại trị sở Luy Lâu và những vùng phụ cận, ngoài ra những người Trung Hoa sang đây làm ăn hay lánh nạn cũng là con số không nhỏ. Trong số những người Trung Hoa đến đây sinh sống tạm thời hay vĩnh viễn, có những thương gia, quan lại bất mãn hay hưu trí cùng gia quyến, binh sĩ đào ngũ; ngoài ra, cũng có những thợ thủ công nghệ, dân nghèo đưa đưa sang để phục dịch cho những người làm tiền, nhiều của ở Luy Lâu.

Chính bầu không khí nhộn nhịp và cảnh quan sầm uất gia tăng đã thay đổi dần dà khuôn mặt của thành Luy Lâu.

Giao lưu: Vì nằm trên trục giao thông tiện lợi trong vùng cho nên tại Luy Lâu đã có những giao lưu văn hoá, tôn giáo, thành cổ này trở nên cửa ngõ của nền văn minh bản địa trong giai đoạn đó. Càng ngày, theo đà bành trướng cũng như âm mưu đồng hoá của người Trung Hoa ngày càng gia tăng; nhưng âm mưu đó có thành tựu hay không, lại là vấn đề khác.

nén trầm hình tròn đầu nhọn vào thế kỷ 17^[6], ngày nay vẫn còn dùng. Nhiều tài liệu cho thấy việc đốt nhang đã có từ thời sơ khai. Trong các đền thờ của vua chúa Ai Cập (Ancient Egypt) có rất nhiều những hình vẽ hoặc hình chạm trên tường mô tả nghi thức này.

Ngày nay việc đốt nhang đã trở thành một tập quán trong các ngày lễ hội như Rằm tháng bảy, lễ Vu Lan, Vía Quán Thế Âm, ngày Tết hái lộc đầu năm, Phật đản, và những ngày quan trọng trong gia đình như cúng giỗ, đám tang, đám cưới, ăn tân gia... dùng để cúng những vị như Phật Bà Quán Âm, Đức Mẹ Mary, Ông Bà, Tam Tiên Ông: Phúc Lộc Thọ, Thổ Địa, Táo Quân, Thần Tài...



5. Lợi ích và tác dụng của nén hương

Từ ngàn xưa, khi mới khám phá ra lửa, con người đã bắt đầu phát hiện ra một điều lạ lùng, đó là khi ngọn lửa cháy lên sẽ tỏa ra mùi thơm đặc biệt tùy theo vật liệu dùng để đốt^[7]. Người ta đã biết dùng hương đèn để trị bệnh cho thân thể và cả bệnh tâm lý. Khi đốt hương đèn, khói hương nghi ngút tạo nên không khí thanh tịnh, ấm áp và trang nghiêm hoặc tạo không khí trong sạch trong những căn phòng lạnh lẽo của người qua đời hoặc lâm trọng bệnh.

Thông thường, người ta thắp nhang là để khẩn thiết cúi đầu mong tấm lòng thành kính

của mình sẽ quyện theo làn khói thơm hương về cõi thiêng liêng hoặc xông lên tận ngai vàng của Đức Chúa Trời hoặc một đấng nào khác. Do vậy trong kinh Phật mới có bài kệ:

Nguyện đem lòng thành kính, Gởi theo đám mây hương.

Phảng phất khắp mười phương. Cúng dường ngôi Tam Bảo [...]

6. Khi thắp nhang nên thắp mấy nén?

Người Việt Nam đã quen chọn số lẻ (1, 3, 5, 7, 9) lúc thắp nhang, nhưng cũng có trường hợp người ta đốt cả năm nhang chứ không chú trọng vào ý nghĩa con số. Còn theo lý giải của nhà Phật cho rằng, số lẻ mang nhiều ý nghĩa linh thiêng hơn.

Con số 3 thì có nhiều quan niệm khác nhau: đó có thể là:

*Tam bảo (Phật – Pháp – Tăng),
Tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới),
Tam thời (Quá khứ – Hiện tại – Vị lai),
Tam vô lậu học (Giới – Định – Tuệ)*

Nén hương, cũng có thêm một ý nghĩa đặc biệt khác nữa, đó là thắp nhang để nhớ đến sự vô thường. Vô thường là từ Hán-Việt, tức là không vĩnh viễn - tất cả đều giả tạm, cho nên lúc nén hương tắt cháy thì cũng tượng trưng cho đời người tắt cháy, ngắn ngủi vô thường như thời gian của nén hương.. tàn tro của hương nhắc nhở chúng ta chớ để thời gian trôi qua, uổng phí tháng ngày.

7. Ý Nghĩa Đâng Hương trong nhà Phật và các tôn giáo khác

Trong nghi lễ Phật giáo, hương là một trong sáu lễ vật dâng cúng, gồm có: Hương, Hoa, Đăng, Trà, Quả, Thực (Nhang, Bông, Đèn, Trà, Trái, Thức ăn). Tuy nhiên nhiều người không rõ về ý nghĩa sâu xa của việc

cúng Phật nên bày biện đủ thức ăn uống như yến tiệc, thật là phí của, phí công mà lại còn làm sai lạc ý nghĩa. Không lẽ Phật sẽ lên trên bàn thờ mà ăn từng trái táo, uống từng chung trà sao?

Theo quan niệm của Phật giáo, lòng thành thể hiện qua làn khói hương nghi ngút, không cần cỗ bàn yến tiệc thịt cá, heo quay linh đình... vì đúng ý nghĩa sự Cúng Phật thì chỉ nên dùng hương thơm, đèn sáng, hoa tươi, trái tốt, nước trong là đủ.^[8] Phật không phải ở trên bàn thờ, trong những pho tượng, mà là ở trong tâm của tất cả con người. Ngoài những nén hương dùng ngọn lửa nóng để đốt cháy lên, chúng ta còn có thể dùng đức tin của mình thắp lên những nén Tâm hương- tức là hương từ trong tâm. Bởi vậy mới có năm thứ hương dùng để cúng dường chư Phật: Giới hương, định hương, tuệ hương, giải thoát hương và giải thoát tri kiến hương.

Không chỉ Phật giáo, mà cả các tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo cũng dùng hương trong các ngày lễ của mình. Người Thiên Chúa giáo xông hương trong các thánh lễ, trước bàn thờ, trước cuốn Kinh Thánh, mình Thánh, rượu Thánh và cả linh cữu của người đã mất^[9]... Trước thời Chúa Giê-su (Jesus), những hương liệu như loại trầm frankincense có giá trị hơn cả vàng bạc châu báu^[10]. Đó là vì cổ nhân tin rằng những loài cỏ cây thơm là do chư Thiên ban cho từ trên cao và đã thấm nhuần hương thơm của Đức Chúa Trời.

Có tài liệu ghi rằng, khi Chúa Giê-su giáng sinh, có ba vị vua đem ba thứ châu báu quý nhất trong nước thời đó để dâng lên cho ngài - đó là 1. Vàng, 2. Hương Trầm và 3. Dầu thơm đặc biệt từ rễ cây Myrrh. Điều này chứng tỏ hương trầm từ xa xưa vốn đã được xem như một vật quý giá thiêng liêng. Khói hương hòa vào không khí khiến cho không gian vạn vật xung quanh đều được thơm ngát, ví như tâm

hành "Tùy thuận chúng sinh" của các bậc Bồ tát Đại nhân vậy.

Những tôn giáo khác như Ấn Độ giáo (Hinduism) thì lại dùng hương để thư giãn và tập trung hơi thở lúc ngồi Thiền. Trong khi đó, đạo Phù Thủy (Wiccanism) dùng hương để trở về với sức sống thiên nhiên để cảm thông với các vị nữ thần như Aphrodite. Trái lại, theo đạo Khổng (Confucianism) thì khói hương tượng trưng cho Đại Trượng Phu - chỉ bay lên chứ không bao giờ lặn xuống.



Hương không có màu sắc nhưng luôn thơm ngát, như câu "Tự tại trong hành xử, như chim giữa hư không, tìm dấu chân không thấy"^[11]. Như mùi hương vô sắc phảng phất thơm lừng, bậc tĩnh lặng sống tự tại giữa đời, đem lại an lạc và lợi ích cho đời nhưng không lưu lại một dấu tích danh sắc nào trên bia ký. Rời khỏi cuộc đời, có chăng chỉ là một khoảng không gian ngát hương: mùi hương của loại hương bay ngược chiều gió!

Ở nhiều vùng thuộc Nam Bộ, người ta còn thắp hương cho từng gốc cây, góc nhà với quan niệm mọi vật đều có đời sống tâm linh của nó, cũng như là để thần thánh, hoặc vong/hương linh hút vấp sức lực để hiển linh.

Một điều chúng ta phải cần ghi nhớ là mỗi lần dâng hương trước bàn thờ: không những dâng hương bằng tấm lòng thành kính của

Trong sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có đoạn chép liên hệ đến thời kỳ này như sau:

" (...) Sĩ Nhiếp được đổi đến làm quan Thái Thú đất Giao Châu (tức Giao Chỉ), phong là Long Độ Đình Hầu, đóng đô tại thành Liên Lâu (Luy Lâu), tức là thành Long Biên..." Cho tới năm 210, khi Ngô Tôn Quyền cử Bộ Chấn đến nhậm chức Thứ sử đất Giao châu, thì Sĩ Nhiếp đem anh em ra đón và vâng theo mệnh lệnh của viên thứ sử mới này. Ngô Tôn Quyền đã phong cho làm Tả Tướng Quân. Sau này, nhờ những công lao đã dự được bọn thổ hào trong vùng đất Ích Châu trở về quy thuận với nhà Ngô cho nên đã được thăng chức Vệ tướng quân, đồng thời của được phong Long Biên Hầu.



Danh xưng Long Biên có nghĩa như thành Luy Lâu. Cả đến thời gian sau này thì Sĩ Nhiếp vẫn lưu lại thành Luy Lâu. Tước Long Biên Hầu được phong cho Sĩ Vương, cũng để nhấn mạnh được thêm hai địa danh cũng chỉ là một mà thôi.

Khi bàn đến giai đoạn này, sử gia Ngô Sĩ Liên đã viết trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư như sau: Người tại địa phương này vẫn cho Sĩ Nhiếp là thần (!), làm miếu để thờ, gọi là "Tiền Sĩ Vương". (Đền thờ ở thành Long Biên). Hiện nay những di tích về ngôi đền này vẫn còn một

số vết tích của thành cổ Luy Lâu. Luy Lâu chính là Long Biên cũ vậy.

Kiến trúc thành Luy Lâu

Vì được xây trong thời kỳ Đông Ngô cho nên thành Luy Lâu có những tính chất như những thành cổ trước đây, trên nhiều địa hạt. Thành này là trú khu về hành chánh cũng như về quân sự của những viên quan lại cai trị Tàu.

Theo quy hoạch, thành Luy Lâu là một toà thành có hình chữ nhật; có chiều dài khoảng 600 mét; chiều rộng hơn 300 mét. Trong giai đoạn còn thiếu thốn nguyên vật liệu, thành này chỉ được đắp lên bằng đất. Với tính quân sự phòng ngự, bốn góc của thành có bốn hoả đài, được đắp rộng nhô ra về phía ngoài. Về cổng thành chính, cũng được đắp nhô ra thêm phía trước để xây toà canh gác về phía trên của mặt thành. Phía trước thành có con sông Dâu, trở thành một loại ngoại hào thiên nhiên che chở rất tốt cho toàn thành.

Di tích: Những di tích của thành cổ Luy Lâu trải qua 18 thế kỷ qua cho nên chẳng được được là bao nhiêu. Trong những kiến trúc, chỉ có đền thờ của Sĩ Nhiếp được xây dựng và trùng tu lại vào đời nhà Lê (?), cho nên đến nay vẫn còn được gần như nguyên vẹn.

Trong thời gian vừa qua, đã có nhiều cuộc khai quật của những nhà khảo cổ học trong và ngoài nước, tiến hành những đường cắt để nghiên cứu, kết quả đã tìm được nhiều kết luận quan trọng về thành cổ này. Khi khai quật ở độ sâu 1,5 mét, đã tìm thấy nhiều bếp lửa đặt kề nhau và những vật liệu nấu nướng vẫn còn lưu được.

Tim kiếm trong những lớp tro than, còn thấy được những chiếc chông củ ấu nấu bằng đất đã được nung non lửa, màu đỏ gạch. Với niên đại thế kỷ II - III, người ta đã thấy rằng toà thành Luy Lâu trong giai đoạn này đã có độ

Tóm lại, bài thơ Ngài phú chúc cho môn đồ trước giờ thị tịch là bài học lớn cho chúng ta về tinh thần giác ngộ của Đạo Phật, về lẽ sống vô thường của con người và cảnh giới chung quanh. Đồng thời, Ngài cũng biểu thị cho đệ tử thấy rõ giá trị của kiếp người hoàn thiện với đầy đủ ý nghĩa sống phụng sự an lạc, lợi ích cho quần sanh đến hơi thở cuối cùng, đem ánh sáng Chân-Thiện-Mỹ truyền đạt, chuyển hóa, ý thức trước cuộc sống nhân sinh:

"Vạn pháp bởi duy tâm

Vọng trần nên thức biến

Ngộ đạt lý vô thường

Bồ - đề chơn thị hiện".



LUY LÂU:

NƠI TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO VN ĐÀU TIÊN

Luy Lâu (hay Liên Lâu) là toà thành đầu tiên mà Phật Giáo từ Ấn Độ đã truyền bá sang trên phần đất Quận Giao Chỉ. Vào thế kỷ thứ II sau Công Nguyên, những đoàn buôn Ấn Độ đầu tiên đã đến buôn bán tại Luy Lâu; đi theo họ còn có những tăng lữ Phật Giáo, để rồi con đường buôn cũng trở thành con đường truyền giáo. Đạo Phật theo con đường phía Nam đã vào Việt Nam (ngõ Ấn Độ) sớm hơn con đường từ Trung Quốc cũng vì lý do kể trên; như vậy, trung tâm Phật Giáo đầu tiên của nước ta cũng là thành Luy Lâu.

Người ta biết được những di tích, tài liệu và sự kiện chung quanh thành Luy Lâu, vì tại trung tâm này cũng như những di chỉ tại chùa Dầu đã khẳng định những giá trị liên hệ. Hiện vật là một toà thành cổ; trong thành có đền thờ của Sĩ Nhiếp. Mặt khác, quanh vùng này còn nhiều di tích về đình chùa, bi ký.

Đáng lưu ý hơn là Phật tích trong chùa Dầu; cuốn "Cổ Châu Phật Bản Hạnh" được ấn hành, đã xác định nhiều chi tiết cho biết: đây là đô thị trung tâm của những thế kỷ II, III. Xa hơn bên cạnh đền Sĩ Nhiếp, lại còn có điện thờ tại vùng Tam Á; những tài liệu chứng minh thêm cho vị trí thủ phủ của Sĩ Vương (theo Trần Văn Giáp).

Long Biên: Những sách sử cũ thường nhắc đến một toà thành cổ có tên là Long Biên, tồn tại vào những thế kỷ Bắc thuộc nằm trong vùng đất này. Nhiều cuộc nghiên cứu thực địa cho biết: Long Biên chính là thành Luy Lâu.

minh, mà còn phải có chánh niệm, tiếng Anh gọi concentration (sự tập trung). Nên cấm từng nén hương với hai tay và cấm cho ngay thẳng, tượng trưng cho tấm lòng ngay thẳng, mặc cho bão táp phong ba không hề dờn đổi, giữ nguyên phong cách của người quân tử: tấm lòng trong sạch để lưu lại tiếng thơm với đời tỏa khắp nơi.

- [1] <http://www.spiritualskyincense.com/history-of-incense.htm>
 [2] <http://www.quangduc.com/vanhua/19tamlinhnguoiviet.html>
 [3] www.incense4u.com/places/light/history_of_herbs.html
 [4] <http://www.highprosper.com/eintro.htm>
 [5] (vô danh) <http://www.asianartmall.com/incensearticle.htm>
 [6] <http://www.asianartmall.com/incensearticle.htm>
 [7] <http://www.ofspirit.com/margaretmcgerver1.htm>
 [8] <http://www.quangduc.com/coban/25pht01-7.html>
 [9] <http://www.quangduc.com/vanhua/19tamlinhnguoiviet.html>
 [10] www.ofspirit.com/margaretmcgerver1.htm
 [11] Kinh Pháp Cú



Gỏi Ngó Sen

1. Vật Liệu :

- 1 cây chả lụa chay
- 1 lá tàu hủ ky
- 300g ngó sen
- 400g cà-rốt
- 1 trái dưa leo
- 50g đường
- 500g đậu phộng (rang sẵn)
- Chanh, ớt, dấm, ngò, rau răm
- 1/2 trái thơm
- 20 bánh phồng tôm (chiên sẵn)

2. Cách Làm :

Chả lụa xắt sợi xào sơ sơ
 Tàu hủ ky chiên giòn, bẻ miếng nhỏ
 Ngó sen chẻ làm tư (dài 4cm) ngâm nước pha dấm hoặc chanh, xả sạch vắt ráo
 Cà-rốt tía hoa, xắt mỏng ấn răng cưa, bóp muối xả sạch vắt ráo, ướp 50g đường
 Dưa leo bỏ phần ruột rồi xắt mỏng
 Ớt tía làm bông

3. Cách Trộn :

Ngó sen + Cà-rốt + Dưa leo + Chả lụa + Tàu hủ ky + Bột ngọt + Chanh + Ớt xắt sợi + Muối, trộn đều sau đó ném GỎI chua ngọt vừa ngon là được. Cho rau răm + đậu phộng rang (giã cho vừa đừng nhỏ lắm)

TRỘN ĐỀU và trình bày đẹp, ém gỏi vào khuôn tròn, trút ra đĩa, xung quanh xếp ngò, ớt tía bông gắn lên đĩa gỏi cho đẹp.

Món Gỏi này chữa trị : suy nhược cơ thể, thiếu máu, kích thích sự tiêu hoá, tạo giấc ngủ êm dịu. Vì trong ngó sen chứa 70% tinh bột + 80% Asparagin, Trigonellin, Vitamin A-B-C-PP và một ít Tamin.

Đức Phật đã nói gì về việc ăn thịt?

Tỳ kheo Ajahn Brahmavamso

Giới thiệu: Tỳ kheo Brahmavamso là một tu sĩ người Anh. Ông xuất gia năm 23 tuổi sau khi tốt nghiệp Đại học Oxford ở Anh quốc. Ông là một trong những vị đệ tử người Tây phương đầu tiên của ngài thiền sư Ajahn Chah, Thái Lan. Hiện nay, ông là vị Tăng trưởng Tu viện Bodhinyana (Giác Minh) và là vị lãnh đạo tinh thần Hội Phật Giáo Tây Úc.

Ngay từ lúc đạo Phật được thành lập hơn 2500 năm về trước, các Tăng Ni vẫn sống nhờ vào việc khát thực. Trước kia và hiện giờ cũng vậy, họ không được phép trồng tía lấy lương thực, không được tích lũy thực phẩm, cũng như không được tự nấu nướng thức ăn. Thay vào đó, mỗi buổi sáng họ dùng bữa của mình bằng cách sử dụng bất kỳ thứ gì các Phật Tử đã tự nguyện dâng cúng cho họ. Cho dù thức ăn có giàu năng lượng hay kém phẩm chất, khoái khẩu hay khó ăn, tất cả đều được họ chấp nhận với lòng tri ân và được xem như là dược phẩm để duy trì sự sống. Đức Phật đã đặt ra nhiều giới luật ngăn cấm chư Tăng không được đòi hỏi thức ăn mà họ ưa thích. Kết quả là chư Tăng chỉ nhận các loại thực phẩm giống hệt như thức ăn người dân thường hay sử dụng -- và thông thường thì các thực phẩm đó có chứa thịt cá.



Một lần nọ, có một vị tướng giàu có và đầy uy thế tên là Siha (nghĩa là "Su tử") đến thăm Đức Phật. Tướng quân Siha trước kia là đồ đệ hết lòng ủng hộ các tu sĩ Kỳ-na giáo; nhưng ông rất cảm động và cảm kích sau khi nghe những lời dạy của Đức Phật, nên ngay trong buổi gặp gỡ đó, vị tướng này đã xin quy y Tam Bảo (nghĩa là trở thành Phật tử). Sau đó, tướng quân Siha mời Đức Phật cùng với một số rất đông các vị chư Tăng đến nhà của ông trong thành phố để dùng cơm vào buổi sáng hôm sau. Để sửa soạn cho bữa cúng dường thức ăn đó, tướng quân Siha ra lệnh người đầy tớ đi mua một số thịt ở chợ để dùng vào dịp lễ này. Khi các vị tu sĩ Kỳ-na giáo nghe biết được sự quy y Phật Pháp của người bảo trợ cũ của họ và ông ta đang sửa soạn một bữa cơm cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng, họ trở nên bực tức và nói rằng:

"Từ nay sẽ có nhiều vị đạo sĩ Ni-kiền (tu sĩ Kỳ-na giáo) vẫy tay, than phiền từ đường xe ngựa này đến đường xe ngựa khác, từ khắp ngã rẽ này sang ngã rẽ khác trong thành phố, rằng: Ngày hôm nay tướng quân Siha đã giết một con vật béo, để dọn một bữa tiệc thiết đãi ẩn sĩ Cồ Đàm (Đức Phật). Ẩn sĩ Cồ Đàm đã cố ý ăn thịt từ con vật mà ông ta biết đã được giết để thiết đãi ông ta và các vị chư tăng đi theo; và việc này được thực hiện chỉ vì ông ta mà thôi" [1]

Thật ra, tướng quân Siha đã phân biệt rất hợp với đạo đức, giữa một bên là thịt mua tại chợ đã được giết mổ sẵn để bán và bên kia là mua một con vật còn sống và ra lệnh giết. Sự phân biệt này không mấy hiển nhiên đối với một số người Âu Mỹ, nhưng đã được ghi chép rất nhiều lần trong giáo lý của Đức Phật. Thế rồi, để xác định rõ thái độ về việc ăn thịt cho chư Tăng, Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ-kheo, Ta cho phép các vị dùng thịt cá trong ba trường hợp sau đây: thịt này phải chưa được các vị nhìn thấy, các vị

Kim triêu bất bảo lai triêu".

Nghĩa là: "Thờ ra khó mong hít vào, sống ngày nay khó bảo đảm được ngày mai".



Vì biết rõ điều này cho nên Mãn Giác Thiền sư đã chọn thời tiết nhân duyên hợp lý nhất là lúc mình bệnh và sắp từ biệt cuộc đời để chỉ bày giáo hóa môn nhân. Đối với người học Phật, sự sanh tử là lẽ thường. Con người sanh ra có sống rồi chết là quy luật tất yếu. Nhưng trong cái thân vô thường này lại tiềm ẩn cái toàn tịnh toàn chơn. Cho nên hai câu cuối của bài thơ Ngài đã nói:

"Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết

Đêm qua sân trước một cành Mai".

Cành Mai nở vũng vàng an nhiên thanh tịnh trong đêm đông giá rét là biểu lộ chơn tâm thường trú, nó đứng ngoài sanh diệt lục thức. Cành Mai lộng lẫy giữa đêm trường giá lạnh nhắc cho ta cái pháp thân Phật tánh thanh tịnh đứng ngoài mọi khái niệm không gian và thời gian. Cho nên hôm nay, ngày mai, sống hay chết, sanh hay diệt v.v... đều ứng hợp với nguyên lý tất định, đâu khác gì một làn khói lung linh mờ ảo, chẳng đáng để cho ta lưu tâm. Nếu chỉ duyên niệm vui buồn xuất hiện thì dòng sông phẳng lặng kia bắt đầu gợn sóng.

Do đó, sống là phải biết đương niệm hiện tiền, không bị cảnh làm nhiễm, cũng không bị âm thanh sắc tướng dẫn nhập, thì dòng sông tâm tướng muôn đời là dòng sông bất tuyệt. Ngài đã đánh tiếng chuông cảnh tỉnh cho những ai còn chìm đắm trong cảnh đời ảo mộng để rồi nhận chịu dòng sanh tử niệm niệm chuyển lưu. Do vậy khi niệm khởi biết là huyền, tùy pháp huyền mà làm thì không bị nó trôi buộc. Nhận rõ chân tướng nhất

như của tướng duyên sanh vô ngã cho nên không sợ hãi trước mọi biến động, mọi tình huống, mà luôn giữ được trạng thái an nhiên tự tại. Muốn được vậy thì phải có Thiên định quán sát, vận dụng trí tuệ chơn chánh để không rơi vào thế gian trí; vì trí thế gian không lý giải nổi thật tướng của các pháp nên sanh ra vọng tưởng điên đảo. Khi tâm trí ta không còn chi phối bởi những dao động trước các pháp, thì lúc ấy ta đã nắm vững nguyên lý "thực tại tuệ giác". Nhận thấy rằng tự tánh của ta và vạn pháp vốn rất trong sáng, vắng lặng hồn nhiên và dung thông tất cả. Tất cả đều trôi chảy, chẳng có gì ngưng đọng để ta phải bám víu ngập ngừng. Nó như một dòng sông mà ta phải hòa mình vào để lắng nghe từ bên trong nhịp sống đang trôi chảy không cùng. Nếu ai biết trở về với nguồn sống nơi mình thì có thể hóa giải được tất cả mọi ràng buộc, khổ đau. Phải nhìn thấy rằng: Sóng phiền não của tâm thức chẳng phút giây nào ngưng nghỉ, nó cuốn trôi viên bảo châu vô giá của chúng ta và đẩy tất cả vào biển sanh tử. Do vậy chúng ta phải thấy được thật tướng của các pháp, để từ đó không còn chấp đắm vào cảnh duyên bên ngoài, vượt ra những vọng cầu sở chấp. Những ý niệm sanh diệt không còn trong tâm thức thì đạt được trạng thái chơn thường, chơn lạc. Vì thế mà cuộc sống, đối với cái nhìn của Thiền sư tự nhiên đâu vào đấy. Ví như: "Muôn sao hướng Bắc, nước về Đông", không có gì phải bận lòng. Trạng thái nhất tâm ở điểm cao là sự trở về với cái sống toàn diện cho chính mình. Vấn đề đáng nói là việc loại trừ những tạp loạn đã len vào địa hạt tâm linh. Đó là tinh thần chủ đạo đúng pháp, từ hiện tượng để tìm về bản thể, từ sự tướng để tìm về lý tánh, từ những sinh hoạt hữu hình tìm về an trú cõi tâm linh.



Thiền sư, mùa Xuân là miền viễn, là hằng hữu giữa lòng thực tại. Chân Không Thiền sư đã có một mùa Xuân đại thể sống động đánh thức chúng ta:

"Xuân đi cứ ngỡ Xuân tàn

Hoa dù nở rụng tiết Xuân vẫn là".

(Thơ văn Lý Trần tập 1, trang 302)

Mùa Xuân không đến không đi nếu cõi lòng chúng ta gột sạch những nỗi phiền. Ngược lại, nếu cuộc sống nội tâm chúng ta chưa trong sạch, cái nhìn chưa thấu đáo, và sự hiểu biết còn điên đảo ngược xuôi thì chúng ta sống bất an trong từng ngày, từng giờ, thì làm sao có được một mùa Xuân miền viễn? Cho nên, muốn có một mùa Xuân miền viễn xinh đẹp thì chúng ta phải luôn phản chiếu lại với chính mình và thật sự giác ngộ. Vì chỉ có giác ngộ chúng ta mới an hưởng một mùa Xuân an lạc. Chỉ có trí tuệ giác ngộ mới khai thác và mở được cánh cửa bí ẩn của mùa Xuân mà vua Trần Nhân Tông đã bộc lộ:

"Thuở bé chưa từng rõ sắc không

Xuân về hoa nở rộn trong lòng

Chúa Xuân nay bị ta khám phá

Trải chiếu giường Thiền ngắm mặt hồng".

(Thơ văn Lý Trần, tập 2 trang 463).



Khi chúng ta đã tìm hiểu rõ ràng những bí ẩn của nàng Xuân và tâm chúng ta lắng dịu những vọng tưởng lao xao của ngã chấp, lúc ấy chúng ta sẽ dạo lên khúc nhạc Thiền để cùng các Thiền sư vui bước song hành đón một mùa Xuân miền viễn.

"Trước mắt việc đi mãi

Trên đầu già đến rồi".

Trong cuộc sống, con người thường dễ bị chi phối mất định hướng, chao đảo, sợ hãi trước những quy luật của vô thường. Bởi vì trên thế gian này có ai dám bảo đảm là mình trẻ mãi không già, mạnh khoẻ không đau, sống hoài không chết? Điều đó là không. Bởi vì ngay cả khoa học cũng phải công nhận rằng trong một giờ đồng hồ có hàng ngàn tế bào trong thân người bị hủy diệt và đồng thời sinh trưởng. Qua sự đào thải của các tế bào đã đưa chúng ta từ trẻ đến già, từ già đến chết.

Trong KINH LẮNG NGHIÊM có một đoạn Đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc về lẽ sống chết. Vua bạch với Đức Phật rằng:

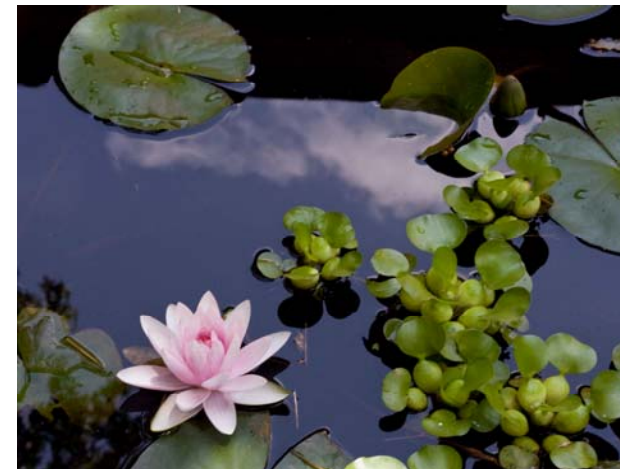
- Bạch Đức Thế Tôn! Cái thân vô thường của con đây tuy chưa chết, nhưng hiện tiền nó tàn tạ dần, tàn tạ trong từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây, từng sát-na một, khác nào như lửa đốt thành tro, cháy dần cho đến phút tiêu tàn.

Thậm chí, thân mạng con người chỉ vòn vẹn trong một hơi thở ra vào, nếu một hơi thở ra mà không trở lại thì ngàn năm vĩnh biệt. Trong KHÓA HƯ LỤC, vua Trần Thái Tông đã nói:

"Xuất tức nan kỳ nhập tức

chưa được nghe biết, hoặc giả chư vị không có gì phải nghi ngờ là con vật đó đã được sát sanh chỉ nhằm mục đích thiết đãi cho chư vị. Nhưng các vị không được cố tình sử dụng thứ thịt đã được giết chỉ dành cho các vị sử dụng mà thôi." [2]

Có nhiều đoạn trong Kinh điển Phật giáo cho thấy Đức Phật và các vị chư Tăng của ngài được cúng dường thịt và các ngài cũng nhận để ăn. Một trong những đoạn kinh này được viết trong phần mở đầu câu chuyện liên quan đến một giới luật hoàn toàn không liên quan gì đến thịt (Ni-tát-kỳ Ba-dật đề, Xá-đọa pháp, 5) và thoáng qua cho thấy thịt nói ở đây hoàn toàn chỉ là ngẫu nhiên đối với đề tài chính mà câu chuyện muốn nhấn mạnh đến tính xác thực của đoạn văn:



- Bà Uppalavanna (Liên hoa sắc) là một trong hai vị nữ đại đệ tử của Đức Phật. Bà thọ giới tỷ-kheo-ni khi vẫn còn trẻ và chẳng bao lâu đã được giác ngộ hoàn toàn. Ngoài sự kiện bà là một vị A-la-hán, bà còn có nhiều uy lực thần thông đến độ chính Đức Phật đã tuyên bố bà là người lỗi lạc nhất trong số tất cả các vị nữ đệ tử về mặt này. Một lần kia, trong khi bà Uppalavanna đang ngồi thiền một mình vào buổi trưa tại khu vườn "Người Mù", trong một cánh rừng hẻo lánh bên ngoài thành Xá-vệ, có một vài tên cướp đi ngang qua đó. Một tên cướp vừa mới đánh cắp một con bò, giết con

vật và chạy trốn với một ít thịt. Vừa nhìn thấy một vị ni sư tham thiền điềm tĩnh và nghiêm trang, tên cướp đầu sỏ đã nhanh nhẹn bỏ một ít thịt bò trong một cái bao làm bằng lá cây và để lại cho ni sư. Ni sư Uppalavanna nhặt miếng thịt bò lên và quyết định dâng cúng cho Đức Phật. Ngay sáng sớm hôm sau, sau khi đã nấu thức ăn với thịt đó, bà cất mình lên không trung và bay tới nơi đức Phật đang ngụ, tại Trúc lâm bên ngoài thành Vương xá, và như thế Ni sư đã bay một quãng đường trên 200 kí-lô-mét. Mặc dù không nghe nói đến việc Đức Phật đã thực sự sử dụng món thịt đó, nhưng rõ ràng là một ni sư có nhiều thần thông ắt hẳn bà đã biết Đức Phật dùng món ăn nào.

Tuy nhiên cũng có một số thịt đặc biệt cấm các vị chư tăng không được sử dụng. Đó là: thịt người, vì những lý do đã quá rõ ràng; thịt voi và thịt ngựa vì trong thời kỳ đó, hai con vật này được coi là thú vật của nhà vua; thịt chó - vì dân chúng thường coi chó là con vật ghê tởm; thịt rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu - vì người ta tin rằng ai ăn thịt những loài thú rừng nguy hiểm này sẽ toát ra một mùi đặc biệt có thể khiến cho các con vật đồng loại tấn công người đó để trả thù.

Vào cuối cuộc đời Đức Phật, người anh họ của ngài tên là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) có ý định chiếm quyền lãnh đạo Tăng đoàn. Để có được hậu thuẫn của các vị khác, Devadatta đã cố gắng tỏ ra nghiêm khắc hơn cả Đức Phật và muốn chứng minh rằng Đức Phật có phần dễ dãi. Devadatta đề nghị với Đức Phật là tất cả các vị Tăng Ni đều phải "ăn rau đậu" ("ăn chay trường"). Đức Phật đã từ chối và một lần nữa Ngài nhắc lại một giới luật mà Ngài đã thiết lập nhiều năm về trước, qui định tất cả các Tăng Ni có thể ăn thịt hay cá, khi nào biết rõ thịt con vật đó không bị cấm sử dụng và khi họ không có lý do gì để nghi ngờ rằng con vật đó được giết đặc biệt dùng để chiêu đãi họ (Tam tịnh nhục).



Hồi đó, Luật đã đề cập rõ ràng đến vấn đề này. Các vị Tăng Ni có thể ăn thịt. Ngay cả Đức Phật cũng đã dùng thịt. Tiếc thay, một số người Tây phương ngày nay thường xem việc ăn thịt đối với các vị Tăng Ni như là sự nuông chiều ưu đãi. Đó là một điều rất xa sự thật - vì tôi đã từng thực hiện việc "ăn chay trường" được ba năm trước khi trở thành một tu sĩ. Trong năm đầu khi tôi tu học tại vùng Đông Bắc Thái Lan, tôi đã phải cố gắng đối diện với nhiều bữa ăn chỉ có cơm nếp với ếch luộc (ăn toàn bộ cả thịt lẫn xương), hoặc với ốc sên dai như cao su, hoặc kiến càng nấu với cà-ri, hoặc châu chấu chiên giòn - tôi nghĩ có lẽ người "ăn chay" là người tốt phước hơn! Nhân ngày Lễ Giáng Sinh đầu tiên tại miền Đông Bắc Thái Lan, một người Mỹ đến thăm tu viện khoảng độ một tuần trước ngày 25 tháng 12. Thật khó có thể tin nổi, ông ta có một trại nuôi gà tây, và rồi, ông ta đã nhanh chóng nhận ra chúng tôi đang phải sống trong hoàn cảnh khổ sở như thế nào. Ông ta hứa sẽ đem đến cho chúng tôi một con gà tây để ăn Giáng Sinh. Ông ta bảo sẽ chọn một con gà tây thật to béo đặc biệt dành cho chúng tôi... và tôi thấy nản lòng. Chúng tôi không thể nhận

thịt gà tây đó khi biết đích xác con vật bị giết lấy thịt đặc biệt để cho các vị tăng ni sử dụng. Chúng tôi từ chối không nhận món quà đó. Thế là tôi đành phải quay về với thức ăn của cư dân trong làng - lại cơm nếp với ếch luộc.

Các vị tăng ni không được lựa chọn gì cả khi đến bữa ăn và điều này còn khó khăn hơn là "ăn chay trường". Tuy nhiên, chúng ta có thể khuyến khích việc ăn rau đậu, và nếu như những vị cư sĩ hộ tăng đem đến cúng dường chư Tăng toàn là thực phẩm rau đậu và không có thịt, thì trong trường hợp đó, các vị sư cũng không phàn nàn. Mong rằng quý vị hiểu cho điều này, và hãy đối xử tốt với các loài thú vật.

Tài liệu tham khảo

[1] Book of the Discipline (Luật tạng), vol. 4, p.324

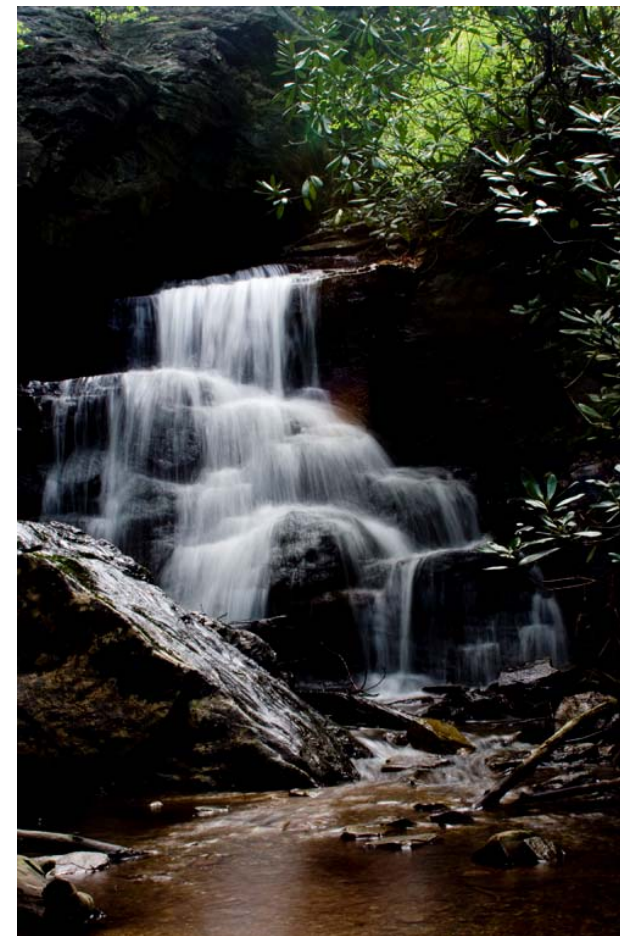
[2] ibid, p. 325

Nguyên tác: "What the Buddha said about eating meat?",
Ajahn Brahmavamsa, Tỳ kheo Thiện Minh dịch.



Vô Thường Và Thường Qua Thi Kệ Cáo Tật Thị Chúng

Thích nữ An Trí



Dòng đời luôn trôi chảy mãi, những gì đã qua đi không bao giờ trở lại, trên dòng sông miên man bất tận đó con người luôn đối diện với hoàn cảnh mới mẻ. Quá khứ là những gì đã qua làm cho con người nuôi tiếc nhớ thương, vị lai là những ảo tưởng mơ hồ. Còn hiện tại là cái ngăn ngại nhất mà con người luôn bỏ quên vì mãi tìm cầu ở tương lai hay tiếc thương cho quá khứ. Chúng ta không biết rằng hoàn cảnh xung quanh ta luôn thay đổi từng sát-na. Trăng tròn rồi khuyết, hoa nở rồi tàn. Có cuộc hội ngộ nào mà không có sự chia tay? Mỗi nhịp tim lên xuống đều liên quan đến sự hiện thành và tiêu tán của kiếp người mà sự sống chết chỉ là sương mờ giữa bình minh rạng rỡ. Nhận chân cuộc đời là vô thường huyễn hóa tạm bợ, Mãn Giác Thiền sư đã khai thác toàn diện luật vô thường để

đề ra một quan niệm sống, một ý chí hành động trước sự thịnh suy của cuộc đời qua thi kệ "Cáo Tật Thị Chúng".

"Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười,
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi.
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành Mai".

Bằng một phong thái an nhiên tự tại, vừa Thiền sư, vừa thi nhân, với một cành mai, một mùa Xuân, một mái đầu, Thiền sư đã cho chúng ta thấy sự đến, đi và trở lại của con người trước sự sống, cái chết, vô thường và thường vốn không hai.

"Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười".

Xuân đến, Xuân đi theo luật tuần hoàn của vũ trụ. Xuân có một, nhưng tùy quan niệm, tâm tư, hoàn cảnh, hay nói chung, tùy nghiệp thức của mỗi người mà cảm nhận về Xuân khác nhau. Theo thường tình của thế nhân, có kẻ vui mừng hớn hở khi Tết đến Xuân sang, cũng có người lo sợ tiếc nuối lúc Xuân tàn:

"Xuân đang tới nghĩa là Xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già
Và Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất".
(Xuân Diệu)

Hoặc thất vọng u sầu khi nghĩ đến Xuân:

"Tôi có chờ đâu có đợi đâu
Mang chi Xuân đến gợi thêm sầu?"
(Chế Lan Viên)

Với tâm hồn nhạy bén, chúng kiến cảnh đổi thay của vạn vật, những thi sĩ đa sầu đa cảm thường than thở xót thương cho số kiếp phù du của muôn loài.

Trái lại, dưới mắt Thiền sư, cõi lòng đã rũ sạch có, không và mặc nhiên với thị phi, nhân ngã, các Ngài nhìn mùa Xuân với hương tâm trí tuệ. Đối với các